

Quản Lý Y tế đầy đủ - hubt

ĐẠI CƯƠNG Y TẾ CÔNG CỘNG VÀ TỔ CHỨC Y TẾ

1.Khoa học nghiên cứu tình trạng sức khỏe, thể lực, bệnh tật của cộng đồng, của xã hội; nghiên cứu các điều kiện sống, điều kiện làm việc và các yếu tố tự nhiên xã hội ảnh hưởng tới tình trạng trên, đề xuất các biện pháp nhằm cải thiện và phát huy các điều kiện có lợi và hạn chế các điều kiện có hại cho sức khỏe của cộng đồng và xã hội là :

- * A. Y học xã hội
- B. Y học lâm sàng
- D. Y tế Công cộng
- C. Tổ chức y tế
- E. Nhân học sức khỏe.

2.Môn học y tế công cộng có rất sớm ở Hoa kỳ do :

- E. Grothan thực hiện
- C. N.A.Semashco thực hiện
- * B. C. E. A. Winslow thực hiện
- A. Hubbey thực hiện
- D. Vinogradop thực hiện

3.Khoa học về nghệ thuật phòng bệnh, kéo dài tuổi thọ cuộc sống và cải thiện sức khỏe, thể chất, tinh thần của mọi người, phát triển bộ máy tổ chức xã hội để bảo đảm cho mọi người một mức sống phù hợp với sự giữ gìn sức khỏe là:

- E. Nhân học sức khỏe
- C. Tổ chức y tế
- * D. Y tế Công cộng
- A. Y học xã hội
- B. Y học lâm sàng

4.Mục tiêu cuối cùng của các hoạt động Y tế công cộng là bảo đảm cho mọi người được :

- * A. Hưởng quyền mạnh khỏe và sống lâu
- D. Không bị stress tâm lý
- C. Không bị tàn phế do biến chứng của bệnh tật
- B. Không mắc bệnh lây nhiễm
- E. Hưởng quyền tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe

5.Tổ chức y tế là một bộ phận của Y học xã hội, là khoa học nghiên cứu nhiệm vụ, vạch kế hoạch, xây dựng cơ cấu tổ chức mạng lưới y tế, phân tích các hoạt động y tế, nhằm thực hiện :

- D. Sắp xếp và bố trí phù hợp mạng lưới y tế các tuyến

- A. Công bằng trong chăm sóc y tế
- E. Hoàn thiện hệ thống thông tin y tế
- C. Phân phối nguồn lực y tế
- * B. Mục tiêu của y tế

6.Xác định những vấn đề y tế của cộng đồng, xây dựng chính sách y tế có thể thực hiện được và phương hướng, đề án để giải quyết các vấn đề đó là nhiệm vụ của :

- A. Y học xã hội
- * C. Quản lý y tế
- D. Nhân học sức khỏe
- E. Dịch tễ học
- B. Y tế Công cộng

7.Người cán bộ quản lý lãnh đạo y tế phải có kiến thức quản lý chuyên sâu vì lý do sau :

- E. Nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng
- * A. Hiện nay hệ thống tổ chức y tế, hệ thống các dịch vụ y tế ngày càng phát triển
- B. Hiện nay hệ thống tổ chức y tế ngày càng phát triển
- C. Hiện nay hệ thống tổ chức y tế ngày càng phát triển
- D. Hiện nay hệ thống y tế dự phòng ngày càng phát triển

8.Công tác quản lý y tế không chỉ dựa trên khoa học tổ chức y tế mà còn yêu cầu sự đóng góp của các khoa học xã hội khác như :

- C. Kinh tế y tế
- A. Quản lý hành chính y tế
- B. Khoa học kinh tế xã hội
- E. Luật pháp y tế
- * D. Xã hội học y học, đạo đức y học

9.Y học xã hội là lý luận, là cơ sở khoa học của :

- E. Dịch tễ học
- D. Xã hội học y học
- * C. Tổ chức y tế
- A. Kinh tế y tế
- B. Luật pháp y tế

10.Tổ chức y tế là cơ sở thực tiễn của :

- C. Khoa học kinh tế xã hội
- E. Xã hội học y học, đạo đức y học
- * D. Y học xã hội
- B. Quản lý hành chính y tế
- A. Kinh tế y tế

11.Sự kết hợp Y học xã hội với tổ chức y tế và một bộ phận của vệ sinh dịch tễ sẽ đồng nghĩa với :

- A. Y học cộng đồng
- B. Y tế công cộng
- C. Y học dự phòng
- D. Vệ sinh xã hội
- * E. Y học cộng đồng hoặc y tế công cộng

12.Ngành Y học xã hội có liên quan chặt chẽ với các ngành khoa học tự nhiên và xã hội khác ngoài y tế như :

- D. Sinh học phân tử
- E. Nhân học
- * A. Các yếu tố ảnh hưởng của văn hóa, kinh tế xã hội trong những điều kiện lịch sử nhất định
- C. Sinh vật học
- B. Y sinh học

13.Y học Xã hội - Y tế Công cộng trở thành môn học ở đại học Berlin do Grothan làm chủ nhiệm bộ môn từ năm :

- E. 1980
- D. 1945
- A. 1970
- * B. 1920
- C. 1946

14.Ở Liên xô cũ xuất hiện môn học Vệ sinh xã hội và tổ chức y tế tại đại học Moscow từ năm :

- D. 1930
- E. 1910
- B. 1943
- * A. 1922
- C. 1922

15.Tại Oxford (Anh) đã giảng dạy môn học tổ chức y tế từ năm :

- D. 1956
- * B. 1942
- E. 1940
- A. 1956
- C. 1940

16.Ở Việt Nam những khái niệm về y tế công cộng và vệ sinh xã hội đã có từ thời Tuệ Tĩnh (thế kỷ 14) và Hải Thượng Lãn ông (thế kỷ 18) thể hiện bằng các quan điểm :

- B. Chữa bệnh bằng thuốc Nam
- E. Áp dụng chữa bệnh khí công
- C. Chữa bệnh bằng Y học cổ truyền

- * D. Dự phòng bệnh tật
- A. Chữa bệnh không dùng thuốc

19. Đối tượng nghiên cứu của y học xã hội và y tế công cộng là sức khỏe của nhân dân trong mối quan hệ với:

- D. Các điều kiện tự nhiên.
- A. Sức khỏe, thể lực, bệnh tật của cộng đồng
- * C. Môi trường sống và các điều kiện kinh tế xã hội
- B. Thực trạng công tác y tế
- E. Nhân học y tế

20. Phương pháp nghiên cứu chung của Y học xã hội và y tế công cộng là, ngoại trừ :

- * E. Phương pháp nghiên cứu dịch tễ học lâm sàng
- B. Phương pháp xã hội hóa dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin
- C. Phương pháp xã hội hóa dựa trên cơ sở lý luận của tư tưởng Hồ chí Minh.
- D. Phương pháp cộng đồng dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh
- A. Phương pháp xã hội học

21. Nghiên cứu tình trạng sức khỏe, bệnh tật, thể lực của nhân dân là đối tượng nghiên cứu của tất cả các ngành khoa học lâm sàng, cận lâm sàng và của nhiều ngành khoa học khác là :

- A. Mục tiêu nghiên cứu của Y học xã hội
- D. Phương pháp nghiên cứu của Y học xã hội
- E. Chỉ tiêu nghiên cứu của Y học xã hội
- B. Nội dung nghiên cứu của Y học xã hội
- * C. Phạm vi nghiên cứu của Y học xã hội

22. Ngành YHXXH nghiên cứu tình trạng sức khỏe bệnh tật và thể lực nhân dân trong cái nhìn toàn diện, toàn cục theo xu thế phát triển chung và có liên quan tới sự phát triển của toàn xã hội theo khuynh hướng :

- * A. Dự phòng tích cực
- C. Tập trung ngân sách y tế ở tuyến TW
- E. Áp dụng thống kê y tế trong phương pháp
- D. Tập trung ngân sách y tế ở tuyến cơ sở
- B. Kết hợp chữa bệnh bằng kỹ thuật cao

23. Y học xã hội nghiên cứu về cơ sở khoa học của công tác y tế bao gồm các nội dung, ngoại trừ :

- C. Sự lãnh đạo của công tác y tế
- * E. Mô hình sức khỏe bệnh tật
- D. Cán bộ y tế + lịch sử y học, y tế
- B. Tổ chức công tác y tế
- A. Nhu cầu của nhân dân trong việc CSSK

24. Nghiên cứu lịch sử phát triển y học và y tế Việt nam và các địa phương qua các giai đoạn lịch sử để rút ra các bài học kinh nghiệm, các qui luật và lý luận vận dụng vào việc :

- * C. Tăng cường có hiệu quả sức khỏe nhân dân
- B. Phát huy y học phòng bệnh
- E. Giảm chi ngân sách y tế
- D. Tăng cường quan hệ quốc tế trong khám chữa bệnh
- A. Đẩy mạnh công tác khám chữa bệnh

25. Nghiên cứu tiêu chuẩn cơ cấu , số lượng biên chế cán bộ trong toàn ngành và trong tất cả các cơ sở y tế; bồi dưỡng, đào tạo, qui hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và lãnh đạo ngành y tế là nội dung nghiên cứu về :

- B. Cơ sở khoa học của công tác y tế về thiết bị y tế
- A. Cơ sở khoa học của công tác y tế về tài chính y tế
- * D. Cơ sở khoa học của công tác y tế về nhân lực y tế
- C. Cơ sở khoa học của công tác y tế về dược
- E. Cơ sở khoa học của công tác y tế về kinh tế y tế

CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU

26. Chủ trương đề xướng tuyên ngôn AlmaAta xuất phát từ :

- * A. Các nước TBCN.
- B. Các nước XHCN.
- C. Các nước Châu Á
- E. Các nước châu Mỹ Latin.
- D. Các nước châu Phi.

Tuyên ngôn AlmaAta khẳng định :

- A. Sức khỏe có thể đạt được cho mọi người.
- * B. Sức khỏe là quan trọng. Sức khỏe có thể đạt được cho mọi người. Sức khỏe là quyền cơ bản của công dân.
- C. Sức khỏe là quyền cơ bản của công dân.
- D. Sức khỏe là tình trạng không ốm đau khuyết tật và là trạng thái thoải mái hoàn toàn về thể chất, tâm thần và xã hội.
- E. Sức khỏe là quan trọng.

Tuyên ngôn AlmaAta chú trọng biện pháp :

- B. Công bằng xã hội về CSSK
- D. Dự phòng là cơ bản, Y tế phải tiếp cận với cộng đồng.
- * C. Y tế phải tiếp cận với cộng đồng, công bằng xã hội về CSSK, Phát triển Y tế gắn với tăng trưởng kinh tế và dự phòng là cơ bản.

- A. Phát triển Y tế gắn với tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội về CSSK.
- E. Công bằng xã hội về CSSK và Y tế phải tiếp cận với cộng đồng.

Chăm sóc sức khỏe ban đầu :

- D. Chính là y tế cơ sở (Đ/v Việt nam).
- C. Là bộ phận chính để đạt được mục tiêu “ Sức khỏe cho mọi người năm 2000”.
- B. Là chức năng quan trọng của hệ thống y tế quốc gia.
- E. Là chìa khóa mở cánh cửa sức khỏe cho mọi người.
- * A. Là những chăm sóc thiết yếu được xây dựng trên cơ sở các phương pháp khoa học và kỹ thuật thực hành đơn giản, dễ thực hiện, tiếp cận dễ dàng, chấp nhận được của cộng đồng qua các giai đoạn*

Tính nguyên tắc của CSSKBĐ :

- * A. Tính công bằng.Tính dự phòng tích cực.Tính dự phòng tích cực.Tham gia của cộng đồng.Kỹ thuật thích hợp.Phối hợp liên ngành
- E. Phối hợp liên ngành
- D. Kỹ thuật thích hợp.
- B. Tính dự phòng tích cực.Phối hợp liên ngành
- C. Tham gia của cộng đồng.Kỹ thuật thích hợp.

Nội dung CSSKBĐ của Việt nam gồm :

- D. 10 nội dung cơ bản về y tế ở cơ sở.
- C. 8 nội dung tối thiểu của TCYTTG.
- B. Gồm 10 nội dung : chấp nhận sự phù hợp các nội dung tối thiểu của TCYTTG với các nội dung quan trọng của Việt nam .
- * A. 8 nội dung tối thiểu về CSSKBĐ của TCYTTG + 2 nội dung thêm vào của Việt nam
- E. 8 nội dung tối thiểu của TCYTTG 10 nội dung cơ bản về y tế ở cơ sở

Phương thức hoạt động chủ yếu CSSKBĐ :

- B. Phối hợp.
- E. Phối hợp và Xã hội hóa y tế.
- C. Hoạt động liên ngành.
- * A. Lồng ghép.Phối hợp Hoạt động liên ngành và Xã hội hóa y tế.
- D. Lồng ghép, hoạt động liên ngành và Xã hội hóa y tế.

Lồng ghép trong CSSKBĐ :

- B. Phối hợp các hoạt động trong nội bộ ngành y tế nhằm thực hiện mục tiêu y tế.
- D. Phối hợp hoạt động theo ngành dọc với hoạt động cơ sở .
- E. Phối hợp các hoạt động y tế với các hoạt động xã hội vì mục tiêu y tế.
- C. Phối hợp các tổ chức xã hội nhằm thực hiện mục tiêu y tế.
- * A. Phối hợp các nội dung CSSKBĐ, với các chương trình y tế quốc gia và các chương trình y tế khác với các hoạt động quản lý y tế và quản lý xã hội vì mục tiêu y tế.

Nguyên tắc cơ bản trong lồng ghép :

- B. Giáo dục vận động người dân tham gia.
- D. Phối hợp nhiều phương pháp và phương tiện phù hợp với nhóm đối tượng.
- E. Xác định vai trò nòng cốt.
- * A. Giáo dục vận động người dân tham gia.Tác động vào cộng đồng.Phối hợp nhiều phương pháp và phương tiện phù hợp với nhóm đối tượng.Xác định vai trò nòng cốt.
- C. Tác động vào cộng đồng.

Y tế cơ sở của Việt nam chính là :

- D. Y tế cộng đồng.
- B. Y tế thực hiện đường lối chính sách của Đảng.
- E. Y tế thực hiện CSSKBĐ.
- C. Y tế thôn bản.
- * A. Y tế cộng đồng. Y tế thực hiện CSSKBĐ.

Y tế tuyến chăm sóc sức khỏe ban đầu (gọi tắt là y tế tuyến ban đầu)

- D. Y tế xã phường thị trấn.
- E. Y tế huyện quận.
- C. Y tế thôn bản.
- * A. Y tế gia đình.
- B. Y tế cụm dân cư.

Y tế tuyến tiền ban đầu:

- C. Y tế cụm dân cư.
- E. Y tế gia đình.
- D. Y tế thôn bản.
- * B. Y tế xã phường thị trấn.
- A.Y tế gia đình.Y tế cụm dân cư.Y tế thôn bản.

Y tế tuyến hỗ trợ trực tiếp ban đầu:

- D. Y tế thôn bản.
- E. Y tế xã phường thị trấn.
- C. Y tế cụm dân cư.
- * A. Y tế huyện quận, thị xã
- B. Y tế gia đình.

Kỹ thuật thực hiện trong CSSKBĐ là kỹ thuật :

- E. Khoa học.Thực hành.
- B. Dễ thực hiện.
- * A. Đơn giản.Dễ thực hiện.Khoa học.Thực hành.Đơn giản.
- C. Khoa học.
- D. Thực hành.

Nguyên tắc bao phủ tiếp cận trong CSSKBĐ :

- C. Sát dân (tới cá nhân và hộ gia đình)
- * A. Gắn dân về cự ly. Sát dân (tới cá nhân và hộ gia đình)Thấy tại chỗ. Thuốc tại chỗ.
- D. Thấy tại chỗ.
- E. Thuốc tại chỗ
- B. Gắn dân về cự ly.

Sức khỏe là :

- B. Trạng thái thoải mái về thể chất, tâm thần và xã hội
- C. Khả năng thích nghi của cơ thể với môi trường sống.
- A. Trạng thái không bệnh tật.
- * D. Trạng thái thoải mái hoàn toàn về thể chất , tâm thần, xã hội + không bệnh tật + quyền cơ bản của con người
- E. Tình trạng không có khuyết tật

Sức khỏe là quyền cơ bản:

- * A. Quyền được bảo đảm về CSSK, nghĩa vụ bảo vệ SK mình, bảo vệ SK cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- E. Quyền được phân phối sản phẩm về sức khỏe dẫu rằng không có bốn phần làm ra sản phẩm SK.
- C. Có quyền hủy hoại SK mình nếu thấy cần không cần nghĩ đến ảnh hưởng hay không đối với người khác.
- B. Có quyền chọn sức khỏe cho mình, không cần đối với người khác
- D. Có quyền đòi hỏi có SK không cần nghĩa vụ.

Vươn tới tình trạng SK ngày càng tốt hơn :

- B. Là quyền tự do không được xâm phạm.
- E. Là trách nhiệm của xã hội.
- C. Là trách nhiệm của nhà nước XHCN.
- * A. Là trách nhiệm của nhà nước XHCN. Là trách nhiệm của công dân. Là trách nhiệm của xã hội.
- D. Là trách nhiệm của công dân.

Khả năng vươn tới sức khỏe (không bệnh tật) ở chế độ XHCN đạt được ở người:

- D. Người thành thị.
- * A. Cho tất cả mọi người
- E. Người nông thôn.
- B. Người giàu.
- C. Người nghèo.

Khả năng vươn tới SK (không bệnh tật) ở chế độ TBCN đạt được ở người :

- E. Cho tất cả mọi người.

- B. Người nghèo.
- D. Người nông thôn.
- C. Người thành thị.
- * A. Người giàu.

Mục tiêu của công tác CSSKBĐ :

- * A. Mọi người không có bệnh , có sức khỏe
- D. Vệ sinh phòng chống dịch.
- E. Giáo dục sức khỏe.
- C. Phòng bệnh.
- B. Chữa bệnh.

Mục tiêu của bệnh viện chúng ta :

- E. Dự phòng.
- D. Thực hiện chuyên môn sâu.
- * A. Cứu chữa và chăm sóc bệnh nhân bằng mọi cách .
- B. Có nhiều người bệnh để chữa.
- C. Phát triển KHKT .

Mô hình tổ chức CSSKBĐ ở Việt nam được xem là y tế thuộc khu vực :

- C. Y tế địa phương.
- E. Y tế ngành.
- D. Y tế địa bàn .
- * A. Y tế phổ cập.
- B. Y tế chuyên sâu.

Quan điểm cơ bản của CSSKBĐ thuộc quan điểm nào trong hệ thống quan điểm y tế Việt nam :

- D. Quan điểm quần chúng.
- C. Quan điểm đông tây y kết hợp.
- B. Quan điểm chính trị.
- E. Quan điểm xây dựng nguồn nhân lực y tế.
- * A. Quan điểm dự phòng.

Y tế cộng đồng là :

- B. Y tế cơ sở trạm trại, công nông trường xí nghiệp.
- C. Y tế cơ quan .
- * A. Y tế cơ sở xã phường, thị trấn.
- D. Y tế thôn bản, cụm dân cư.
- E. Y tế quận huyện.

Đơn vị nhỏ nhất của y tế trong hệ thống y tế quốc gia :

- D. Y tế thôn bản.

- B. Y tế gia đình.
- * A. Y tế xã phường thị trấn.
- E. Y tế khu vực .
- C. Y tế cụm dân cư.

Cơ chế quản lý điều hành trong CSSKBĐ ở cơ sở :

- * E. Y tế nông cốt, tham mưu cho chính quyền (để quản lý điều hành) cho cấp ủy (để lãnh đạo) thực hiện mục tiêu y tế.
- C. Mặt trận thực hiện.
- D. Đoàn thể và quần chúng thi hành.
- A. Cấp ủy lãnh đạo.
- B. Chính quyền quản lý.

Hệ thống chăm sóc y tế (chăm sóc sức khỏe) là :

- C. Hệ thống chữa bệnh là chủ yếu.
- B. Hệ thống tổng hợp có sự hợp tác liên ngành.
- D. Hệ thống chú ý điều trị cho cá nhân.
- * A. Hệ thống dọc của ngành y tế, coi trọng bệnh viên, thầy thuốc, nhân viên y tế.
- E. Hệ thống dọc của một ngành coi trọng vai trò thầy thuốc.

Hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu là :

- C. Coi trọng dự phòng.
- * A. Hệ thống tổng hợp, phân bố đều, hợp tác liên ngành, coi trọng dự phòng, tăng cường bảo vệ sức khỏe cộng đồng kết hợp với chữa bệnh.
- E. Hệ thống kết hợp chú ý nhiều đến vùng khó khăn.
- B. Hệ thống tổng hợp.
- D. Hệ thống dọc của ngành y tế.

MÔ HÌNH SỨC KHOẺ BỆNH TẬT

1. Hiện nay ngành y tế nước ta đang sử dụng bảng phân loại quốc tế về bệnh tật lần thứ

- * A. 10
- B. 9
- E. 12
- D. 11
- C. 8

2. Phân loại quốc tế về bệnh tật lần thứ 10 được xây dựng vào năm

- D. 1984
- C. 1981
- * A. 1983

- E. 1985
- B. 1982

3. Nội dung bảng Phân loại quốc tế về bệnh tật lần thứ 10 được xây dựng có

- C. 22 chương
- * A. 21 chương
- D. 23 chương
- E. 24 chương
- B. 20 chương

4. Phân chia chung các yếu tố tác động đến mô hình bệnh tật là

- D. Các yếu tố biến đổi
- C. Các yếu tố về chính quyền
- E. Các yếu tố biến đổi Các yếu tố không biến đổi Các yếu tố về chính quyền
- * A. Các yếu tố biến đổi và các yếu tố không biến đổi
- B. Các yếu tố không biến đổi

5. Yếu tố nào là thuộc yếu tố không biến đổi về tác động đến mô hình bệnh tật

- B. Tuổi+giới+di truyền
- D. Thuốc lá
- C. Chính sách y tế
- E. Sức khỏe
- * A. Học vấn-->điền

6. Yếu tố nào là thuộc yếu tố không biến đổi về tác động đến mô hình bệnh tật

- * A. Nước sạch-->điền
- E. Học vấn
- B. Thuốc lá
- C. Chính trị
- D. Giới

7. Yếu tố nào là thuộc yếu tố cấu trúc thấp về sự tác động đến mô hình bệnh tật

- B. Hoà bình và ổn định chính trị
- D. Chế độ ăn Hoà bình và ổn định chính trị
- * A. Chế độ ăn-->chấp mịch
- C. Nước sạch
- E. Nước sạch Hoà bình và ổn định chính trị

8. Yếu tố nào là thuộc yếu tố cấu trúc cao về sự tác động đến mô hình bệnh tật

- B. Hoà bình
- C. Ổn định chính trị
- D. Yếu tố di truyền

- * A. Chế độ ăn
- E. Tất cả các câu trên đều đúng

10. Mô hình sức khỏe của các nước trên thế giới chia làm các loại hình thái sau

- E. Hình thái A,B, C,D,E và F
- A. Hình thái A và B
- C. Hình thái A,B , C và D
- B. Hình thái A,B,C
- * D. Hình thái A,B ,C,D và E

11. Mô hình bệnh tật các nước chậm phát triển thuộc hình thái

- B. Hình thái B
- * A. Hình thái A
- D. Hình thái D
- E. Hình thái F
- C. Hình thái C

12. Mô hình bệnh tật các nước đang phát triển thuộc hình thái

- D. Hình thái D
- B. Hình thái A
- E. Hình thái F
- * A. Hình thái B
- C. Hình thái C

13. Mô hình bệnh tật các nước phát triển thuộc hình thái

- D. Hình thái E
- * B. Hình thái C
- A. Hình thái B
- E. Hình thái F
- C. Hình thái D

14. Theo báo cáo của Tổ chức y tế thế giới năm 2002, bệnh không lây nhiễm chiếm tỷ lệ

- B. 88,5%
- C. 68,5%
- * A. 58,5%
- D. 78,5%
- E. 65,8%

15. Theo báo cáo của Tổ chức y tế thế giới năm 2002, bệnh nào sau đây có tỷ lệ tử vong cao nhất

- D. Lao
- B. Bệnh lý chu sinh
- C. Chấn thương

- E. Ung thư
- * A. Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng 19,3%

16. Theo báo cáo thống kê của Bộ y tế năm 2002, tỷ lệ mắc về tai nạn, ngộ độc chấn thương là

- C. 7.12%
- B. 8,19%
- * A. 9,18%
- E. 11,19%
- D. 10,18%

17. Theo báo cáo thống kê của Bộ y tế năm 2001, bệnh có tỷ lệ mắc cao nhất tại các bệnh viện ở nước ta là

- * A. Chấn thương trong sọ
- B. Viêm phế quản
- D. Ung thư
- E. Tiêu chảy
- C. Viêm dạ dày

18. Theo báo cáo thống kê của Bộ y tế năm 2001, bệnh có tỷ lệ chết cao nhất tại các bệnh viện ở nước ta là

- A. Viêm phổi
- * B. Bệnh lao
- D. Tiêu chảy
- C. Nhồi máu cơ tim
- E. Chảy máu não

19. Nguyên nhân hàng đầu gây tử vong ở trẻ em ở các nước phát triển là bệnh

- D. Viêm dạ dày
- B. Ho gà
- C. Sởi
- * A. Tiêu chảy
- E. Bại liệt

20. Đối với các nước phát triển, nguyên nhân tử vong đứng hàng thứ 3 sau bệnh tim mạch và ung thư là

- B. Lao
- D. Viêm đa khớp
- C. Tiêu chảy
- E. Sốt rét
- * A. Tai biến mạch máu não

1. Những thành tựu cơ bản của ngành y tế trong thời kỳ đổi mới :

- D. Đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh.
- B. củng cố được hệ thống tổ chức y tế cơ sở.
- E. Sắp xếp lại mạng lưới khám bệnh và chữa bệnh
- * A. Củng cố được hệ thống tổ chức y tế cơ sở. Hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế cơ sở. Đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh. Sắp xếp lại mạng lưới khám bệnh và chữa bệnh
- C. Hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế cơ sở.

2. Những thành tựu cơ bản của ngành y tế trong thời kỳ đổi mới có ý nghĩa quyết định nhất :

- E. Sắp xếp lại mạng lưới khám bệnh và chữa bệnh
- B. Củng cố được hệ thống tổ chức y tế cơ sở.
- C. Hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế cơ sở.
- * A. Củng cố và hoàn thiện hệ thống y tế quốc gia đặc biệt là y tế cơ sở.
- D. Đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh.

3. Thành tựu cơ bản của y tế trong thời kỳ đổi mới :

- D. Phát triển y học cổ truyền tại cộng đồng.
- C. Xóa bỏ bao cấp từng bước thực hiện cơ chế thị trường trong CSSK nhân dân
- * A. Mở rộng dịch vụ cung cấp thuốc. Xóa bỏ bao cấp từng bước thực hiện cơ chế thị trường trong CSSK nhân dân. Phát triển y học cổ truyền tại cộng đồng. Hợp tác quốc tế với nhiều nước trên thế giới.
- B. Mở rộng dịch vụ cung cấp thuốc.
- E. Hợp tác quốc tế với nhiều nước trên thế giới.

4. Thành tựu cơ bản của y tế trong thời kỳ đổi mới :

- B. Khống chế và đẩy lùi nhiều bệnh dịch nguy hiểm.
- * A. Bước đầu thực hiện xã hội hóa y tế. Khống chế và đẩy lùi nhiều bệnh dịch nguy hiểm.
- C. Đẩy lùi và loại trừ bệnh sốt rét
- E. Đẩy lùi và loại trừ bệnh sốt rét Bước đầu thực hiện xã hội hóa y tế
- D. Bước đầu thực hiện xã hội hóa y tế

5. Trong thời kỳ đổi mới mô hình bệnh tật của đất nước có nhiều biến đổi ngành y tế đã đối phó và đã quan tâm giải quyết :

- C. Xuất hiện nhiều các bệnh tim mạch và cao huyết áp.
- B. Phòng chống các bệnh không nhiễm khuẩn có bước phát triển mới.
- D. Xuất hiện các bệnh ung thư, tâm thần, cơ xương khớp, các bệnh nghề nghiệp
- E. Xuất hiện các bệnh xã hội của thời kỳ mới, bệnh AIDS, các tai nạn giao thông...
- * A. Phòng chống các bệnh không nhiễm khuẩn có bước phát triển mới. Xuất hiện nhiều các bệnh tim mạch và cao huyết áp. Xuất hiện các bệnh ung thư, tâm thần, cơ xương khớp, các bệnh nghề nghiệp Xuất hiện các bệnh xã hội của thời kỳ mới, bệnh AIDS, các tai nạn giao thông ...

6. Trong thời kỳ đổi mới các thành tựu cơ bản và rõ nhất :

- B. Sức khỏe nhân dân được cải thiện.
- E. Trẻ sơ sinh có trọng lượng dưới 2.500g giảm
- C. Tuổi thọ trung bình tăng.
- D. Giảm rõ ràng các tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi, tỷ lệ chết mẹ
- * A. Sức khỏe nhân dân được cải thiện. Tuổi thọ trung bình tăng. Giảm rõ ràng các tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi, tỷ lệ chết mẹ Trẻ sơ sinh có trọng lượng dưới 2.500g giảm

7. Thành tựu cơ bản của y tế trong thời kỳ đổi mới :

- B. Các doanh nghiệp dược trung ương đều đạt tiêu chuẩn chất lượng GMP.
- C. Bảo đảm phần lớn nhu cầu thuốc và trang thiết bị thiết yếu
- E. Bảo đảm SX thuốc trong nước với nhiều dạng bào chế phong phú.
- * A. Ngành dược ổn định và hiện đại hóa toàn bộ các dây chuyền SX thuốc.
- D. Không để thiếu thuốc.

8. Thành tựu cơ bản của ngành dược là tăng bình quân tiền thuốc của người dân lên nhiều lần :

- B. Tính tới 1994 tăng Lên 6 lần so với thời kỳ 1986 - 1990.
- E. Tính tới 2000 đạt 6,0 USD so với thời kỳ 1986 - 1990.
- C. Tính tới 2000 tăng 10 lần so với 1986 - 1990.
- * A. Tính tới năm 1994 đạt 3,2 USD so với thời kỳ 1986 - 1990.
- D. Tính tới 2002 tăng 15 lần so với 1986 - 1990

9. Tồn tại cơ bản và cũng là cấp bách của y tế trong thời kỳ đổi mới :

- B. Tình trạng ô nhiễm môi trường.
- * A. Công bằng xã hội trong việc thực hiện chính sách y tế.
- D. Mặt trái của cơ chế thị trường có nguy cơ ảnh hưởng tới Y đức.
- E. Đội ngũ cán bộ nhất là là bác sĩ tuyến y tế cơ sở thiếu nhiều.
- C. Mất cân đối cung cầu về y tế.

10. Tồn tại cơ bản và cấp bách trong thời kỳ đổi mới của ngành dược :

- E. Công tác quản lý nhà nước trong ngành dược chưa có đủ khả năng quản lý thị trường thuốc ngày càng đa dạng.
- C. Chưa kiểm soát được nguồn nhập khẩu thuốc đặc biệt là khâu phi mậu dịch.
- B. Chuyển đổi cơ chế chậm chạp.
- D. Năng lực sản xuất hạn chế, công nghiệp dược lạc hậu.
- * A. Chuyển đổi cơ chế chậm chạp. Chưa kiểm soát được nguồn nhập khẩu thuốc đặc biệt là khâu phi mậu dịch. Năng lực sản xuất hạn chế, công nghiệp dược lạc hậu. Công tác quản lý nhà nước trong ngành dược chưa có đủ khả năng quản lý thị trường thuốc ngày càng đa dạng.

11. Mục tiêu tổng quát của y tế đến năm 2000 và 2002 :

- D. Tăng tuổi thọ
- B. Tăng cường sức khỏe.

- C. Nâng cao thể lực
- E. Giảm tỷ lệ mắc bệnh.
- * A. Giảm tỷ lệ mắc bệnh. Tăng cường sức khỏe. Nâng cao thể lực. Tăng tuổi thọ

12. Biện pháp thực hiện mục tiêu tới 2002 :

- * A. Tăng cường đầu tư y tế cơ sở. Đổi mới quản lý bệnh viện. Tăng cường giáo dục y đức. Tăng khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về khám chữa bệnh cho nhân dân.
- B. Tăng cường đầu tư y tế cơ sở.
- E. Tăng khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về khám chữa bệnh cho nhân dân.
- C. Đổi mới quản lý bệnh viện.
- D. Tăng cường giáo dục y đức.

13. Mục tiêu tổng quát tới 2020 :

- B. Đảm bảo công bằng, chất lượng và hiệu quả CSSKND.
- D. Bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe.
- C. Đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- * A. Đảm bảo công bằng, nâng chất lượng và hiệu quả chăm sóc y tế, đưa sức khỏe nhân dân đạt mức trung bình của các nước trong khu vực
- E. Giải quyết cơ bản vấn đề chính sách

14. Các chỉ tiêu cơ bản đến 2000 và 2020: Tuổi thọ trung bình người Việt nam :

- * A. 68 tuổi vào năm 2000 và 75 tuổi vào năm 2020.
- D. 69 tuổi vào năm 2000 và 79 tuổi vào năm 2020
- C. 70 tuổi vào năm 2002 và 80 tuổi vào năm 2020.
- E. 70 tuổi vào năm 2000 và 80 tuổi vào năm 2020.
- B. 70 tuổi vào 2002 78 tuổi vào 2020.

15. Biện pháp chủ yếu nhất để thực hiện mục tiêu tổng quát :

- C. Xã hội hóa y tế.
- * A. Kien toan mang luoi y te dac biet la y te xa phuong, quan huyen.
- E. Cung cấp đủ thuốc.
- D. Phát triển y học cổ truyền.
- B. Đào tạo nhân lực y tế.

16. Biện pháp cơ bản nhất để thực hiện kien toan va hoan thien mang luoi y te co so :

- C. Bảo đảm có đủ 100% y tế xã phường thị trấn có bác sĩ.
- B. Biên chế hóa đội ngũ cán bộ y tế phường xã.
- D. Coi trọng chính sách cán bộ y tế cơ sở.
- * A. Chuẩn hóa y tế xã phường tới năm 2010
- E. Tăng cường đầu tư cho y tế vùng sâu vùng xa vùng dân tộc thiểu số.

17. Thực trạng y tế từ thời khủng hoảng kinh tế xã hội đến thời kỳ phục hồi được ghi nhận từ những năm nào (Thời kỳ này đã có 700 trạm y tế trở lại hoạt động) :

- E. 1995 - 2000.
- D. 1986 - 1990.
- B. 1980 - 1982.
- C. 1982 - 1986.
- * A. 1990 - 1995.

18. Về cơ bản từ năm nào ngành y tế cơ bản đã xóa xã trắng về y tế (trong năm này toàn quốc đã có trên 10.000 xã có trạm y tế hoạt động)

- B. 1995.
- E. 1998
- * A. 1996
- C. 1994.
- D. 1997.

19. Toàn quốc đạt được 40% trạm y tế cơ sở có bác sĩ vào năm nào :

- D. 1997
- E. 2001.
- B. 1998.
- C. 1999.
- * A. 2000

20. Những tồn tại và khó khăn của ngành y tế cho tới những năm 2000 bao gồm :

- B. Chất lượng chăm sóc sức khỏe còn hạn chế.
- * A. Chất lượng chăm sóc sức khỏe còn hạn chế. Nguy cơ tổn hại tới y tế cộng đồng. Không đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Mặt trái của cơ chế thị trường tác động bất lợi.
- D. Không đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân
- C. Nguy cơ tổn hại tới y tế cộng đồng.
- E. Mặt trái của cơ chế thị trường tác động bất lợi.

21. Chủ trương hợp tác quốc tế về y tế :

- E. Cùng nhau phát triển y học và y tế.
- * A. Đa dạng hóa. Đa phương hóa .tiếp thu và trao đổi thành tựu y học. Cùng nhau phát triển y học và y tế.
- D. Tiếp thu và trao đổi thành tựu y học.
- B. Đa dạng hóa.
- C. Đa phương hóa .

22. Chủ trương hợp tác quốc tế về y tế :

- B. Đa dạng hóa.

- D. Tiếp thu và trao đổi thành tựu y học.
- E. Cùng nhau phát triển y học và y tế
- C. Đa phương hóa .
- * A. Đa dạng hóa.Đa phương hóa .Tiếp thu và trao đổi thành tựu y học.Cùng nhau phát triển y học và y tế.

23. Các quan điểm chỉ đạo về y tế trong chiến lược y tế có nội dung cơ bản với các quan điểm nào trong các thời kỳ xây dựng ngành y tế Việt nam.

- * A. Quan điểm đổi mới (nghị quyết 4 đại hội 7)
- E. Phương châm y tế. Nguyên tắc y tế .
- B. Quan điểm truyền thống.
- C. Phương châm y tế.
- D. Nguyên tắc y tế .

24. .Chương trình mục tiêu của ngành nhằm thực hiện chiến lược y tế tới 2020 gồm bao nhiêu chương trình.

- C. 10 chương trình.
- B. 9 chương trình.
- D. 11 chương trình.
- * A. 8 chương trình.
- E. 12 chương trình.

25. Các nhóm chương trình y tế quốc gia gồm có bao nhiêu chương trình :

- C. 11 chương trình.
- B. 10 chương trình.
- E. 9 chương trình.
- * A. 13 chương trình.
- D. 12 chương trình.

CHÍNH SÁCH Y TẾ

1. Làm chính sách là xây dựng

- C. Các giải pháp nhằm giải quyết một vấn đề tồn tại
- B. Các mục tiêu nhằm cải tiến thực trạng vấn đề
- D. Các hoạt động can thiệp vấn đề tồn tại ở một địa phương
- E. Các nội dung cụ thể để thực hiện can thiệp giải quyết vấn đề tồn tại
- * A. Các mục tiêu, giải pháp nhằm giải quyết một vấn đề tồn tại

2. Có 2 loại chính sách là

- D. Chính sách có tầm chính trị cao, khái quát và tầm chính trị thấp, cụ thể
- B. Chính sách vĩ mô và vi mô

- E. Chính sách có tác động rộng, vĩ mô và tác động hẹp, vi mô
- C. Chính sách có tầm chính trị cao, vĩ mô và tầm chính trị thấp, vi mô
- * A. Chính sách có tầm chính trị cao và tầm chính trị thấp

3. Các chính sách về các lĩnh vực sau thuộc loại chính sách vĩ mô:

- E. Về tiền lương, về cung cấp nước sạch
- B. Về cung cấp nước sạch, về y tế tư nhân
- D. Về tiền lương, về tiêm chủng trẻ em
- C. Về Y tế tư nhân, về việc tiêm chủng trẻ em
- * A. Về y tế tư nhân, về tiền lương

4. Các chính sách về các lĩnh vực sau thuộc loại chính sách vi mô

- E. Về tiền lương, về việc tiêm chủng trẻ em
- C. Về Y tế tư nhân, về việc tiêm chủng trẻ em
- A. Về y tế tư nhân, về tiền lương
- B. Về cung cấp nước sạch, về y tế tư nhân
- * D. Về cung cấp nước sạch, về tiêm chủng trẻ em

5. Chính sách mang bản sắc

- E. Chế độ và phong tục của mỗi địa phương
- D. Đặc điểm dân tộc và kinh tế của xã hội
- B. Dân tộc và tập quán mỗi địa phương
- * A. Chính trị, chế độ xã hội đó
- C. Kinh tế của xã hội đó

6. Trong xây dựng và thực hiện chính sách y tế công cộng

- B. Bộ y tế đóng vai trò quyết định
- E. Nhà nước và Bộ y tế đóng vai trò quyết định
- C. Các nhà hoạch định chính sách quyết định
- D. Văn phòng Quốc hội quyết định
- * A. Nhà nước đóng vai trò quyết định

7. Mục tiêu của bản chính sách y tế cần:

- A. phù hợp với nền tảng chính trị, luật pháp
- D. phù hợp với luật pháp và tình hình sức khỏe bệnh tật.
- * B. phù hợp với chiến lược phát triển KT-VH-XH, nền tảng chính trị, luật pháp và tình hình sức khỏe bệnh tật.
- C. phù hợp với chiến lược phát triển KT-VH-XH, nền tảng chính trị
- E. phù hợp với nền tảng chính trị, luật pháp và tình hình sức khỏe bệnh tật.

8. Chính sách y tế đặt ra mục tiêu để:

- E. Giải quyết vấn đề tồn tại trong một thời gian nhất định

- * A. Giải quyết hoàn toàn vấn đề tồn tại trong hiện tại và tương lai
- B. Giải quyết hoàn toàn vấn đề tồn tại trong tương lai
- D. Giải quyết một phần vấn đề tồn tại trong hiện tại và tương lai
- C. Giải quyết một phần vấn đề tồn tại trong một thời gian nhất định

9. Mục tiêu của bản chính sách y tế cần căn cứ vào

- B. Vấn đề sức khỏe bệnh tật trong 5 năm vừa qua và dự báo trong tương lai
- E. Vấn đề sức khỏe bệnh tật mà ngành y tế đang gặp trở ngại, không có khả năng để giải quyết
- C. Vấn đề sức khỏe bệnh tật đang có tác động lớn đến cộng đồng của một số địa phương đáng quan tâm
- * A. Vấn đề sức khỏe bệnh tật hiện tại và dự báo trong tương lai
- D. Vấn đề một số yếu tố nguy cơ đang ảnh hưởng đến một số cộng đồng ưu tiên quan tâm trong nước

10. Mục tiêu cơ bản của chính sách y tế phải được

- * A. Nêu rõ ràng, đo lường được, lượng giá được sau một khoảng thời gian
- D. Nêu khái quát được kết quả thực hiện sau một khoảng thời gian nhất định
- E. Thể hiện kết quả tác động trên cộng đồng về vấn đề được giải quyết tại một số địa phương trong nước
- C. Nêu rõ ràng đầy đủ chi tiết và cụ thể, đánh giá được kết quả thực thi.
- B. Nêu rõ ràng, chi tiết, đo lường được, đánh giá được đầy đủ, chính xác trong một khoảng thời gian

11. Các giải pháp thực hiện mục tiêu chính sách cần dựa trên

- * A. Khả năng cam kết bảo đảm nguồn lực
- C. Phương pháp sử dụng nguồn lực hiện tại của ngành y tế và huy động sự tham gia của cộng đồng
- E. Khả năng sử dụng và huy động nguồn lực sẵn có tại một số địa phương ưu tiên
- B. Khả năng huy động nguồn lực sẵn có tại các địa phương
- D. Nguồn ngân sách y tế thường xuyên hàng năm của Bộ y tế

12. Xây dựng giải pháp thực hiện mục tiêu chính sách cần

- B. Tập trung ưu tiên toàn bộ cho tầm vĩ mô
- C. Cần tập trung nhiều giải pháp cụ thể ở tầm vi mô cho nhiều địa phương để giải quyết vấn đề cụ thể một cách hoàn toàn
- D. Tập trung ưu tiên cho tầm vĩ mô và có nhiều giải pháp cụ thể ở tầm vi mô cho toàn bộ mỗi địa phương khác nhau để giải quyết vấn đề cụ thể một cách triệt để.
- * A. Bao quát tầm vĩ mô và cần có tầm vi mô để giải quyết vấn đề cụ thể
- E. Tập trung ưu tiên cho tầm vi mô với nhiều giải pháp cụ thể cho toàn bộ mỗi địa phương khác nhau để giải quyết vấn đề cụ thể một cách triệt để.

13. Quan điểm đề xuất chính sách y tế về đặt hiệu quả lên trên hết có nghĩa là

- B. Với chi phí thấp nhưng kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ y tế cao nhất
- * A. Với chi phí thấp nhưng hiệu quả tác động trên sức khỏe cao nhất. ..
- E. Với nguồn kinh phí được đầu tư cao nhất và giảm được ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng
- C. Với chi phí phù hợp nhưng cải thiện được một phần quan trọng của vấn đề có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
- D. Với nguồn kinh phí được đầu tư cao nhất và giảm được ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng

14. Quan điểm đề xuất chính sách y tế về đặt mục tiêu công bằng lên trên hết có nghĩa là

- C. Quan tâm đến đối tượng bệnh nặng, hiểm nghèo
- B. Ưu tiên dành cho các đối tượng có nguy cơ cao về sức khỏe bệnh tật
- D. Ưu tiên cho các đối tượng mắc bệnh nhưng thiếu trang thiết bị y tế kỹ thuật cao
- E. Ưu tiên dành cho các đối tượng có nguy cơ cao về sức khỏe bệnh tật nhưng thiếu trang thiết bị y tế kỹ thuật cao để chẩn đoán xác định
- * A. Ưu tiên dành cho các đối tượng nghèo, diện chính sách, vùng nghèo, vùng miền núi, vùng xa.

15. Quan điểm đề xuất chính sách y tế phù hợp với hoàn cảnh nước ta hiện nay là

- D. Quan điểm chú trọng đến xu hướng chuyển biến nhanh các yếu tố KT-CT-XH
- B. Quan điểm tập trung về giải pháp vĩ mô
- * A. Quan điểm hỗn hợp cả 2 giải pháp vĩ mô và vi mô
- C. Quan điểm tập trung về giải pháp vi mô
- E. Quan điểm chú trọng đến sự thay đổi nhanh về mô hình sức khỏe bệnh tật trong cộng đồng

16. Lĩnh vực cần chú trọng trong nghiên cứu chính sách

- D. Nghiên cứu về công bằng và hiệu quả chăm sóc y tế, các phương thức đầu tư tài chính
- E. Nghiên cứu thực trạng, các phương thức đầu tư ngân sách y tế và kết quả thụ hưởng các chương trình y tế công cộng
- B. Nghiên cứu cơ bản về chính sách y tế, các phương thức đầu tư tài chính và hiệu quả các chương trình y tế công cộng
- C. Nghiên cứu nhu cầu khám chữa bệnh, các phương thức đầu tư tài chính và hiệu quả các chương trình y tế công cộng
- * A. Nghiên cứu cơ bản về chính sách y tế, các phương thức khám chữa bệnh và hiệu quả các dịch vụ y tế công cộng

17. Phân tích chính sách là

- * A. Hoạt động nối kết giữa nền chính trị và quá trình thực thi và đưa ra các quyết định
- C. Hoạt động nối kết giữa chế độ xã hội và quá trình đưa ra các quyết định về chính sách
- E. Hoạt động nối kết giữa khả năng cung ứng của ngành y tế và kết quả quá trình thực thi chính sách
- D. Hoạt động nối kết giữa nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân và nền chính trị xã hội
- B. Hoạt động nối kết giữa thực trạng xã hội và kết quả sức khỏe bệnh tật của người dân

LUẬT BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

1. Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội do

- B. Nghề nghiệp qui định.
- D. Chính phủ qui định.
- E. Nhân dân qui định
- * C. Cơ quan quyền lực nhà nước cấp cao nhất qui định.
- A. Đời sống xã hội quy định.

2. Pháp luật là tổng thể mối quan hệ giữa người với người và với xã hội nhằm:

- * E. Duy trì, bảo vệ an toàn cá nhân và xã hội.????
- D. Khuyến khích mọi người thực hiện vì mục tiêu của xã hội.
- A. Điều chỉnh hành vi của mọi người.
- B. Bắt buộc mọi người phải thực hiện vì lợi ích và an toàn xã hội.
- C. Tự giác thực hiện vì mục đích chung của xã hội.

3. Đặc trưng của cơ bản của pháp luật XHCN cũng như pháp luật nói chung là:

- B. Tính quy phạm
- C. Tính ý chí
- A. Tính quyền lực
- * E. Tính quyền lực, tính quy phạm, tính ý chí, tính xã hội
- D. Tính xã hội

4. Hình thức cao nhất của văn bản pháp luật một nước là:

- B. Quyết định của các ban ngành Trung ương.
- * D. Hiến pháp.
- A. Nghị định của chính phủ.
- E. Đạo luật.
- C. Quyết định của cơ quan chính quyền nhà nước cao nhất của địa phương.

5. Hình thức pháp luật sơ đẳng nhất của một nước là:

- E. Tập tục được xã hội thừa nhận.
- B. Luật bất thành văn.
- * D. Tục lệ luật.
- A. Thông luật.
- C. Luật thành văn.

6. Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan

- A. Nhà nước có thẩm quyền ban hành
- B. Nghề nghiệp qui định.
- E. Nhân dân qui định

- * C. Cơ quan quyền lực nhà nước cấp cao nhất qui định.
- D. Chính phủ qui định.

7. Hiến pháp nước Cộng Hòa xã hội chủ Nghĩa Việt Nam ban hành do:

- B. Ủy ban thường vụ quốc hội
- C. Chủ tịch nước
- E. Các bộ trưởng
- * A. Quốc hội
- D. Thủ tướng chính phủ

8. Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân được công bố vào năm

- * E. 1989
- B. 1985
- D. 1987
- C. 1986
- A. 1981

9. Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân gồm có.

- C. 15 chương, 44 điều
- E. 11 chương, 54 điều
- * A. 11 chương, 55 điều
- B. 11 chương, 41 điều
- D. 10 chương, 39 điều

10. Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân làm cơ sở để giữ gìn trật tự, kỷ cương, an toàn trong công tác BVSK cho cả nhân dân và cán bộ y tế bằng:

- B. Sự chế tài
- * A. Những luật định, những điều lệ, chế độ công tác
- E. Quy định về chuyên môn
- D. Khen thưởng
- C. Cưỡng chế

11. Luật BVSK nhân dân có ý nghĩa :

- * E. Đánh dấu bước phát triển mới trong lĩnh vực pháp chế về bảo vệ sức khỏe nhân dân và đóng góp vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật XHCN Việt Nam.
- C. Quy định điều lệ
- D. Giữ gìn trật tự
- B. Xã hội hóa trong sự nghiệp BVSK
- A. Hoàn thiện bộ máy ngành y tế

12. Chương I của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên là:

- * D. Những qui định chung.(điều 1-5)

- A. Những qui định về trách nhiệm của nhà nước về y tế.
- C. Sức khỏe là điều kiện cơ bản của con người có hạnh phúc.
- B. Tầm quan trọng của sức khỏe.
- E. Những qui định về quyền lợi và nghĩa vụ công dân về sức khỏe.

13. Chương II của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- C. Phòng bệnh và phòng chống dịch.
- D. Vệ sinh môi trường.
- B. Vệ sinh sinh hoạt, lao động.
- * E. Vệ sinh trong sinh hoạt và lao động, vệ sinh công cộng, phòng và chống dịch.(điều 6-18)
- A. Vệ sinh nơi công cộng.

14. Chương III của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- * E. Thể dục thể thao, Điều dưỡng, Phục hồi chức năng.(19-22)
- A. Thể dục thể thao.
- B. Điều dưỡng.
- C. Phục hồi chức năng.
- D. Phục hồi chức năng bằng yếu tố tự nhiên.

15. Chương IV của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- C. Quyền được khám bệnh và chữa bệnh.
- A. Giám định y khoa.
- E. Trách nhiệm của thầy thuốc và bệnh nhân.
- B. Điều kiện hành nghề của thầy thuốc.
- * D. Khám bệnh và chữa bệnh.(23-33)

16. Chương V của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- A. Y học cổ truyền dân tộc.
- E. Đông Y.
- D. Đông dược.
- * C. Y học, dược học cổ truyền dân tộc.(34-37)
- B. Y học dược học dân tộc.

17. Chương VI của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- E. Chất lượng thuốc.
- D. Thuốc và nguyên liệu làm thuốc.
- A. Thuốc chữa bệnh cho người.
- * C. Thuốc phòng bệnh và chữa bệnh.
- B. Thuốc phòng bệnh cho người.

18. Chương VII của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- * E. Bảo vệ sức khỏe người cao tuổi, thương binh, bệnh binh, người tàn tật và đồng bào các dân tộc thiểu số.
- D. Bảo vệ sức khỏe người già và người thuộc diện sách
- A. Bảo vệ sức khỏe người cao tuổi.
- B. Bảo vệ sức khỏe thương binh, bệnh binh, người tàn tật.
- C. Bảo vệ sức khỏe đồng bào các dân tộc thiểu số.

19. Chương XIII của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- * E. Thực hiện kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ sức khỏe phụ nữ và trẻ em.(43_47)
- A. Bảo vệ sức khỏe bà mẹ và người có thai.
- C. Thực hiện kế hoạch hóa gia đình.
- D. Bảo vệ sức khỏe phụ nữ và trẻ em.
- B. Bảo vệ sức khỏe trẻ em có khuyết tật.

20. Chương IX của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- E. Kiểm tra y tế.
- D. Thanh tra dược.
- * B. Thanh tra nhà nước về y tế.
- A. Thanh tra nhà nước
- C. Thanh tra y tế.

21. Chương X của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- C. Khen thưởng.
- A. Biện pháp thực hiện.
- E. Khen thưởng và kỷ luật.
- B. Xử lý vi phạm.
- * D. Khen thưởng và xử lý các vi phạm.

22. Chương XI của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân có tên gọi là.

- C. Điều khoản thay đổi.
- * E. Điều khoản cuối cùng.
- A. Qui định hiệu lực.
- B. Qui định chi tiết thi hành.
- D. Điều khoản bãi bỏ.

23. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khỏe , nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe, trách nhiệm của Nhà nước, của các tổ chức Nhà nước và các tổ chức xã hội trong việc chăm lo, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân là nội dung của:

- B. Chương II
- E. Chương V
- D. Chương I, II
- * C. Chương I quy định chung
- A. Chương III

24. Giám định y khoa là nội dung của :

- B. Chương II
- * C. Chương IV khám chữa bệnh
- E. Chương V
- A. Chương III
- D. Chương I, II

25. Phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn là nội dung của:

- A. Chương III
- * B. Chương II vệ sinh
- D. Chương I, II
- E. Chương V
- C. Chương IV

26. Bảo vệ sức khỏe người cao tuổi, thương binh, bệnh binh người tàn tật và đồng bào dân tộc thiểu số thuộc:

- C. Chương IV
- * E. Chương VII
- D. Chương I, II
- B. Chương II
- A. Chương III

27. Quyền được khám chữa bệnh:

- * E. Mọi người khi ốm đau, bệnh tật , tai nạn.
- B. Bị tai nạn
- A. Bệnh cấp cứu
- D. Người già
- C. Ốm đau nặng

28. Thầy thuốc được khám bệnh :

- E. chữa bệnh ở nơi công dân đang cư trú
- A. Tại bệnh viện
- * C. Tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ở nơi công dân đang cư trú, lao động học tập
- D. Tại bệnh viện, Phòng mạch tư
- B. Phòng mạch tư

29. Thực hiện kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ sức khỏe phụ nữ, trẻ em thuộc :

- D. Chương VII
- A. Chương VI
- B. Chương V
- C. Chương VI
- * E. Chương VIII

30. Nội dung phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch là nội dung của chương:

- D. Thuốc phòng bệnh chữa bệnh
- E. Giáo dục vệ sinh
- B. Khám và chữa bệnh
- C. Vệ sinh trong sinh hoạt và lao động, vệ sinh công cộng, phòng và chống dịch bệnh, khám và chữa bệnh
- * A. Vệ sinh trong sinh hoạt và lao động, vệ sinh công cộng, phòng và chống dịch bệnh.

TỔ CHỨC HỆ THỐNG NGÀNH Y TẾ Ở VIỆT NAM

1. Chọn hình thức tổ chức y tế chủ đạo cho y tế các nước theo định hướng TBCN:

- E. Y tế tập thể.
- B. Y tế nhà nước.
- D. Y tế hỗn hợp.
- C. Y tế có bảo hiểm.
- * A. Y tế tư nhân .

2. Chọn hình thức tổ chức y tế chủ đạo cho y tế các nước theo định hướng XHCN:

- B. Y tế tư nhân.
- * A. Y tế nhà nước (do nhà nước quản lý).
- E. Y tế tập thể.
- D. Y tế hỗn hợp.
- C. Y tế có bảo hiểm.

3. Chọn hình thức tổ chức y tế chủ đạo cho y tế các nước đang phát triển theo định hướng XHCN:

- B. Y tế tư nhân.
- * A. Y tế nhà nước (do nhà nước quản lý).???
- C. Y tế có bảo hiểm.
- D. Y tế hỗn hợp.
- E. Y tế tập thể

4. Chọn hình thức tổ chức y tế chủ đạo cho y tế các nước đang phát triển theo định hướng TBCN:

- C. Y tế có bảo hiểm.
- * A. Y tế tư nhân.???
- E. Y tế tập thể
- D. Y tế hỗn hợp.
- B. Y tế nhà nước (do nhà nước quản lý).

5. Chọn khuynh hướng cơ bản của y tế theo định hướng XHCN hiện nay

- D. coi trọng cả phòng bệnh và chữa bệnh chú trọng phát triển kỹ thuật hiện đại

- * A. coi trọng cả phòng bệnh và chữa bệnh chú trọng công bằng xã hội.???
- B. coi trọng phòng bệnh, phòng bệnh ít tốn kém, có hiệu quả.
- E. coi trọng chữa bệnh, phát triển KHKT và trang thiết bị hiện đại, đắt tiền. coi trọng cả phòng bệnh và chữa bệnh chú trọng phát triển kỹ thuật hiện đại
- C. coi trọng chữa bệnh, phát triển KHKT và trang thiết bị hiện đại, đắt tiền.

6. Chọn khuynh hướng cơ bản của y tế theo định hướng TBCN :

- * A. coi trọng chữa bệnh, phát triển KHKT và trang thiết bị hiện đại, đắt tiền.
- C. coi trọng cả phòng bệnh và chữa bệnh chú trọng công bằng xã hội.
- D. coi trọng cả phòng bệnh và chữa bệnh chú trọng phát triển kỹ thuật hiện đại
- B. coi trọng phòng bệnh, phòng bệnh ít tốn kém, có hiệu quả.
- E. coi trọng cả phòng bệnh và chữa bệnh chú trọng phát triển kỹ thuật hiện đại, công bằng xã hội

7. Chọn đặc điểm cơ bản của y tế theo định hướng XHCN

- C. Phát triển Y xã hội học hơn.
- D. Phát triển đồng thời cả y xã hội học và sinh y học nhưng coi trọng sinh y học.
- B. Phát triển sinh y học hơn.
- E. Phát triển Y xã hội học hơn. Phát triển đồng thời cả y xã hội học và sinh y học nhưng coi trọng sinh y học.
- * A. Phát triển đồng thời cả y xã hội học và sinh y học nhưng coi trọng y xã hội học.???

8. Chọn đặc điểm cơ bản của y tế theo định hướng TBCN

- * A. Phát triển sinh y học hơn.???
- C. Phát triển đồng thời cả y xã hội học và sinh y học nhưng coi trọng y xã hội học
- D. Phát triển đồng thời cả y xã hội học và sinh y học nhưng coi trọng sinh y học.
- E. Phát triển đồng thời cả y xã hội học và sinh y học nhưng coi trọng y xã hội học Phát triển đồng thời cả y xã hội học và sinh y học nhưng coi trọng sinh y học.
- B. Phát triển Y xã hội học hơn.

9. Mô hình tổ chức y tế Việt nam đang thực hiện :

- D. Mô hình kết hợp Địa phương và nhà nước
- B. Mô hình Phối hợp nhà nước và nhân dân cùng làm
- E. Mô hình Tổ chức theo khu vực dân cư Mô hình kết hợp Địa phương và nhà nước.
- C. Mô hình Tổ chức theo khu vực dân cư
- * A. Mô hình quản lý hành chính nhà nước 4 cấp

10. Tế bào cơ bản của hệ thống y tế quốc gia là:

- C. Y tế huyện quận.
- B. Y tế thôn bản.
- * E. Y tế cơ sở (xã phường).
- A. Y tế cơ sở (Y tế cơ quan, công nông lâm trường xí nghiệp trạm trại)
- D. Y tế địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc).

11. Mô hình tổ chức y tế Việt nam đang thực hiện :

- E. Mô hình Tổ chức theo khu vực dân cư Mô hình kết hợp Địa phương và nhà nước
- B. Mô hình Phối hợp nhà nước và nhân dân cùng làm
- D. Mô hình kết hợp Địa phương và nhà nước
- * A. Mô hình tổ chức y tế hai khu vực
- C. Mô hình Tổ chức theo khu vực dân cư

12. Mô hình y tế Chuyên sâu gồm :

- C. Y tế tuyến tỉnh trở lên .
- E. Y tế tuyến tỉnh trọng điểm Y tế tuyến tỉnh trở lên .
- B. Y tế tuyến tỉnh trọng điểm
- D. Y tế tuyến tỉnh + các bệnh viện Chuyên khoa TW.
- * A. Y tế tuyến tỉnh trọng điểm + các cơ sở y tế TW

13. Mô hình y tế phổ cập gồm :

- C. Y tế quận phường
- E. Y tế cộng đồng.
- D. Y tế tuyến Xã + tuyến huyện + Tuyến tỉnh trọng điểm
- * A. Y tế tuyến xã phường + tuyến quận huyện + tuyến tỉnh
- B. Y tế huyện xã

14. Ngoài mạng lưới y tế quốc gia ra, Mạng lưới y tế Việt nam còn được hình thành theo thành phần kinh tế :

- E. Y tế các ngành
- D. Y tế thành thị
- C. Y tế nông thôn
- * A. Y tế nông thôn.Y tế thành thị.Y tế các ngành???
- B. Y tế an ninh

15. Y tế cơ sở xã phường là :

- * A. Tế bào cơ bản của hệ thống y tế quốc gia.Là tuyến đầu tiên tiếp xúc giữa cộng đồng với hệ thống y tế quốc gia đó.Là tuyến cuối cùng phản ánh những chủ trương đường lối y tế với Đảng và nhà nước.Là nơi thực hiện các chủ trương đường lối y tế của đảng và nhà nước
- B. Tế bào cơ bản của hệ thống y tế quốc gia.
- D. Là tuyến cuối cùng phản ánh những chủ trương đường lối y tế với Đảng và nhà nước.
- E. Là nơi thực hiện các chủ trương đường lối y tế của đảng và nhà nước
- C. Là tuyến đầu tiên tiếp xúc giữa cộng đồng với hệ thống y tế quốc gia đó.

16. Y tế huyện quận là :

- C. Y tế hỗ trợ tuyến dưới của Chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- E. Y tế hỗ trợ tuyến dưới của Chăm sóc sức khỏe ban đầu.Là bộ phận quan trọng của chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- * A. Y tế hỗ trợ tuyến trên của chăm sóc sức khỏe ban đầu.???
- D. Là bộ phận quan trọng của chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- B. Y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu.???

17. Y tế cơ sở nào sau đây là y tế cơ sở trong hệ thống y tế quốc gia :

- B. Y tế cơ quan.
- E. Y tế cơ quan Y tế thị trấn.
- C. Y tế phường.
- * A. Y tế xã. Y tế phường. Y tế thị trấn.
- D. Y tế thị trấn.

18. Y tế cơ sở nào sau đây là y tế cơ sở không nằm trong hệ thống y tế quốc gia :

- * A. Y tế cơ quan, công nông lâm trường xí nghiệp
- D. Y tế thị trấn.
- E. Y tế phường. Y tế thị trấn
- C. Y tế phường.
- B. Y tế xã.

19. Y tế huyện hiện nay khác với y tế huyện thời kỳ 1975 - 1986 :

- E. Tập trung thống nhất trên địa bàn huyện
- C. Là y tế quản lý nhà nước.
- * D. Là y tế quản lý kinh tế.
- B. Là y tế sự nghiệp.
- A. Là y tế sự nghiệp. Là y tế quản lý nhà nước. Là y tế quản lý kinh tế. Tập trung thống nhất trên địa bàn huyện.

20. Tổ chức y tế địa phương theo nghị định 01 - 1998 CP khác với tổ chức y tế theo nghị định 15/ CP ở chỗ --> 1998 có sau

- D. Hệ thống chức năng nghiệp vụ thuộc giám đốc sở có 17 đơn vị.
- * A. Hệ thống chức năng nghiệp vụ thuộc giám đốc sở có 15 đơn vị chính.
- B. Hệ thống chức năng nghiệp vụ thuộc giám đốc sở có 16 đơn vị chính.
- C. Hệ thống chức năng nghiệp vụ thuộc giám đốc sở có 14 đơn vị.
- E. Hệ thống chức năng nghiệp vụ thuộc giám đốc sở không thay đổi.

21. Tổ chức y tế địa phương theo nghị định 01 - 1998 CP khác với tổ chức y tế theo nghị định 15/ CP ở chỗ :????

- B. Các phòng chức năng thuộc giám đốc sở gồm 9 phòng.
- A. Các phòng chức năng thuộc giám đốc sở gồm 7 phòng.
- C. Các phòng chức năng thuộc giám đốc sở gồm 8 phòng.
- E. Các phòng chức năng thuộc giám đốc sở không thay đổi.
- * D. Các phòng chức năng thuộc giám đốc sở gồm 10 phòng.

22. Bảo hiểm y tế là một đơn vị của :

- * A. Hệ thống bảo hiểm xã hội.
- E. Không thuộc hệ thống nào cả.
- B. Hệ thống y tế địa phương.
- C. Hệ thống y tế trung ương.
- D. Hệ thống y tế địa bàn.

23. Đơn vị kinh tế kỹ thuật trực thuộc sở y tế về chuyên môn trong giai đoạn hiện nay là:

- C. Công ty dược phẩm và mỹ phẩm.
- * A. Công ty dược và vật tư y tế.
- B. Xí nghiệp liên hiệp dược.
- E. Công ty cổ phần dược phẩm và mỹ phẩm.
- D. Công ty cổ phần y tế.

24. Tổ chức y tế địa phương theo nghị định 01 -1998 CP khác với tổ chức y tế theo nghị định 15/ CP ở chỗ có thêm các đơn vị mới , đơn vị mới đó là :

- D. Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm
- B. Trung tâm bảo vệ sức khỏe BMTE
- E. Trung tâm trung tâm chống lao.
- C. Trung tâm y học dự phòng.
- * A. Trung tâm truyền thông GDSK.

25. Trong mô hình tổ chức y tế mới được thực hiện từ năm 1998 thì các xí nghiệp dược phẩm, công ty dược phẩm nằm ở đâu :

- C. Hệ thống quản lý kỹ thuật về dược.
- * D. Hệ thống thuộc tổng công ty dược phẩm Việt nam
- B. Hệ thống quản lý doanh nghiệp về dược
- A. Hệ thống quản lý nhà nước về dược
- E. Không nằm ở chỗ nào cả.

26. Tổ chức y tế địa phương theo nghị định 01 -1998 CP khác với tổ chức y tế theo nghị định 15/ CP ở chỗ có thêm các đơn vị mới được giao thêm nhiệm vụ mới, đơn vị đó là :

- B. Trung tâm da liễu.
- * A. Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm và mỹ phẩm
- C. Trung tâm phòng chống sốt rét.
- D. Trung tâm bảo vệ sức khỏe BMTE.
- E. Bảo hiểm y tế.

27. Hệ thống y tế quốc tế gồm :

- D. Đại hội đồng tổ chức y tế thế giới.
- * E. Gồm tất cả A,B,C,D
- B. Tổng giám đốc tổ chức y tế thế giới.

- C. Giám đốc y tế các khu vực.
- A. Ban chấp hành hội đồng tổ chức y tế thế giới.

28. Đại hội đồng tổ chức y tế thế giới được thành lập từ năm nào :

- * A. 1948
- D. 1947
- E. 1946
- B. 1945.
- C. 1950.

29. Chọn câu đúng nhất trong nguyên tắc cơ bản số 1 về xây dựng và quản lý hệ thống tổ chức y tế của Việt nam:

- B. Hiệu quả
- * A. Bảo đảm phục vụ nhân dân kịp thời, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu nhân dân, sẵn thầy sẵn thuốc.
- D. Sẵn thầy sẵn thuốc
- C. Đáp ứng nhu cầu
- E. Tiếp cận rộng rãi

30. Chọn câu đúng nhất trong nguyên tắc cơ bản số 2 về xây dựng và quản lý hệ thống tổ chức y tế của Việt nam:

- E. Phát triển cơ sở phòng và chống bệnh xã hội
- A. Quản lý sức khỏe toàn dân
- B. Giải quyết vấn đề môi trường
- D. Tăng cường chữa bệnh ngoại trú.
- * C. Xây dựng hệ thống tổ chức theo hướng y học dự phòng xuất phát từ bản chất xã hội.

31. Chọn câu đúng nhất trong nguyên tắc cơ bản số 3 về xây dựng và quản lý hệ thống tổ chức y tế của Việt nam:

- B. Tiết kiệm, không lãng phí
- C. Không manh mún
- D. Không quá lớn
- E. Quan tâm lồng ghép và tăng cường dự phòng.
- * A. Phù hợp về kinh tế, khoa học và năng lực cán bộ(gọi chung là phù hợp)*

32. Chọn câu đúng nhất trong nguyên tắc cơ bản số 4 về xây dựng và quản lý hệ thống tổ chức y tế của Việt nam:

- C. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật
- D. Kết hợp các phương thức: “Phục vụ + đào tạo + nghiên cứu khoa học +GDSK”
- E. Kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.
- * A. Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ
- B. Hạch toán kinh tế.

33. Y tế cơ sở nằm trong hệ thống y tế quốc gia là y tế :

- * A. Y tế xã phường thị trấn (gọi chung là y tế cơ sở)
- D. Y tế thị trấn.
- C. Y tế phường.
- E. Y tế cơ quan , công nông, lâm trường xí nghiệp trạm trại...
- B. Y tế xã.

34. Phương thức hoạt động của y tế cơ sở rất phong phú , Y tế cơ sở thực hiện 10 nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu là thực hiện theo phương thức hoạt động nào :

- E. Phương thức lồng ghép và xã hội hóa.
- C. Phương thức hoạt động lồng ghép.
- D. Phương thức hoạt động theo xã hội hóa
- * A. Phương thức hoạt động theo chức năng
- B. Phương thức quản lý theo kế hoạch hóa.

35. Phương thức hoạt động chủ yếu của y tế cơ sở là :

- * A. Lồng ghép.Phối hợp.Hoạt động liên ngành.Lồng ghép, hoạt động liên ngành và xã hội hóa.
- B. Lồng ghép.
- D. Hoạt động liên ngành.
- C. Phối hợp.
- E. Lồng ghép, hoạt động liên ngành và xã hội hóa.

36. Hoạt động liên ngành của y tế cơ sở là :

- B. Huy động các ban ngành ở xã phường dưới sự điều hành của trạm y tế xã phường.
- E. Huy động các ban ngành ở xã phường dưới sự điều hành của Đảng ủy xã phường do trạm y tế làm nòng cốt.
- * A. Huy động các ban ngành ở xã phường dưới sự điều hành của Ủy ban nhân dân xã phường do trạm y tế làm nòng cốt.
- D. Huy động các ban ngành ở xã phường dưới sự điều hành của Đảng ủy xã phường.
- C. Huy động các ban ngành ở xã phường dưới sự điều hành của Ủy ban nhân dân xã phường.

37. Để bảo đảm cung cấp đủ nhân lực cho y tế cơ sở đặc biệt là y tế cơ sở vùng khó khăn cần phải tiến hành đào tạo theo phương thức

- B. Đào tạo từ xa.
- C. Đào tạo theo địa chỉ.
- * A. Đào tạo cử tuyển theo địa chỉ.
- E. Đào tạo chính qui.
- D. Đào tạo chuyên tu.

38. Thực hiện biên chế hóa đội ngũ cán bộ y tế cơ sở cần căn cứ vào số lượng dân cư và phải căn cứ vào vùng dân cư :

- B. Vùng thành thị.
- E. Vùng nông thôn.
- C. Vùng trung du.
- * A. Vùng thành thị.Vùng trung du.Vùng núi Tây nguyên.Vùng nông thôn.
- D. Vùng núi Tây nguyên.

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ BỆNH VIỆN

1. Khái niệm công bằng trong CSSK:

- D. Mọi người có quyền khám chữa bệnh khi ốm đau
- E. Mọi người hưởng các dịch vụ theo yêu cầu
- B. Mọi người đều được hưởng đầy đủ các dịch vụ
- A. Mọi người được chăm sóc sức khỏe như nhau
- * C. Nhà nước đảm bảo cho mọi người được CSSK cơ bản, có chất lượng phù hợp với khả năng kinh tế xã hội của đất nước

2. Đối với cộng đồng, bệnh viện có vai trò:

- B. Cơ sở dự phòng
- E. Phục vụ cho cộng đồng
- * D. Chỗ dựa về kỹ thuật, phòng bệnh, CSSKBĐ, tuyến trên của y tế cộng đồng
- C. Cơ sở đào tạo
- A. Cơ sở khám chữa bệnh

3. Hệ thống y tế Việt nam hiện nay hoạt động theo cơ chế:

- A. Bao cấp
- E. Dịch vụ
- B. Tự nhân
- C. Dựa trên bảo hiểm y tế
- * D. Vừa nhà nước, vừa tư nhân vừa bảo hiểm y tế, vừa thu phí, miễn phí

4. Đa dạng hóa loại hình dịch vụ, nhằm mục đích:

- A. Mở rộng các dịch vụ
- B. Thuận tiện cho người dân
- D. Có đầy đủ thuốc men và bác sĩ
- C. Phát triển nhiều loại hình dịch vụ
- * E. Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người bệnh trong điều kiện kinh tế xã hội của đất nước

5. Thông thường, hiện nay các bệnh viện nhà nước căn cứ vào vấn đề gì để tìm nguồn nhân lực:

- C. Nhu cầu của bệnh viện
- * D. Loại hình và số giường bệnh

- A. Cấu trúc và trang thiết bị
- B. Vốn đầu tư
- E. Số khoa phòng trong bệnh viện

6. Chỉ tiêu nhân sự các bệnh viện công lập do:

- C. Nhu cầu thực tiễn của các khoa phòng
- * E. UBND Tỉnh quyết định đối với bệnh viện thuộc Tỉnh, Bộ Y Tế quyết định đối với bệnh viện thuộc Bộ
- B. Do hội đồng bệnh viện quyết định
- D. Bộ y tế quyết định
- A. Do Giám đốc bệnh viện quyết định

8. Trong các tiêu chuẩn căn cứ để phân hạng bệnh viện, tiêu chuẩn nào quan trọng nhất (điểm cao nhất)

- D. Trình độ cán bộ
- A. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ
- E. A và C
- C. Quy mô công suất sử dụng giường bệnh
- * B. Chất lượng chẩn đoán, điều trị và chăm sóc

9. Căn cứ bảng điểm phân hạng bệnh viện, bệnh viện hạng 1 phải đạt số điểm là:

- A. 95 - 102 điểm
- D. 90- 100 điểm
- E. 92 - 100 điểm
- C. 91-100 điểm
- * B. 90 - 100 điểm

10. Trình độ trưởng các khoa phòng của bệnh viện loại 1 phải đạt:

- B. Trên 50% trên đại học, dưới 50% đại học
- * A. 30-50% trên đại học, 50-70% Đại học
- D. Trên 70% trên Đại học, dưới 30% đại học
- E. Dưới 50% trên đại học, trên 50% Đại học
- C. 50-70% trên đại học, 30-50% đại học

11. Tại sao phải có quản lý bệnh viện

- C. C. Cơ chế thị trường tác động đến bệnh viện
- * D. A, B, C, đều đúng
- E. B và C đúng
- B. B. Đầu tư lớn
- A. Sự gia tăng chuyên môn hóa ngành y tế và sự triển khai các kỹ thuật y tế tinh vi

12. Mục đích quan trọng nhất của quản lý bệnh viện

- E. Tất cả đều sai
- C. Hiệu quả kinh tế
- D. Tăng thu nhập
- B. Không có bệnh nhân tử vong
- * A. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các dịch vụ y tế, công bằng trong khám chữa bệnh

13. Quản lý bệnh viện là nhiệm vụ của

- E. Cấp ủy Đảng Bệnh viện
- B. Giám đốc và Phó giám đốc
- * A. Tất cả cán bộ công nhân viên bệnh viện
- C. Trưởng khoa, Trưởng phòng
- D. Ban Giám đốc và cấp Ủy đảng Bệnh viện

14. Yêu cầu công tác quản lý bệnh viện

- * A. Chú trọng tổ chức quản lý lao động, cải tiến cơ chế quản lý, kiện toàn bộ máy.
- D. Quản lý nhân lực
- E. Quản lý vật tư
- C. Quản lý chuyên môn
- B. Quản lý tài chính

15. Nguyên tắc quản lý bệnh viện

- A. Gắn mục tiêu với nhiệm vụ trung tâm của bệnh viện, lấy năng suất chất lượng và hiệu quả làm thước đo đánh giá kết quả
- * E. Cả A, B, C đều đúng
- C. Kết hợp lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể
- B. Quản lý tập trung thống nhất, đi đôi với phân công, phân cấp, trách nhiệm quản lý rõ ràng, hợp lý.
- D. A và B đúng

16. Quản lý theo phương pháp giáo dục là:

- E. Hạ mức lương khi không làm hết nhiệm vụ
- B. Có chế độ thưởng phạt
- D. Ứng dụng thành tựu khoa học trong quản lý
- C. Cho nghỉ việc nếu không hoàn thành nhiệm vụ
- * A. Động viên tư tưởng cán bộ tích cực tham gia làm tốt nhiệm vụ

17. Phương pháp quản lý tạo được kỷ cương tốt nhất trong bệnh viện là:

- C. Phương pháp kỹ thuật
- D. Phương pháp kinh tế
- E. A, B và D là đúng
- A. Phương pháp giáo dục
- * B. Phương pháp hành chính

18. Để thực hiện tốt phương pháp quản lý hành chính, người quản lý cần:

- * B. Có phân công nhiệm vụ cụ thể cho cá nhân và đơn vị, có chỉ số để đánh giá.
- C. Người quản lý phải gương mẫu
- A. Phát động phong trào thi đua
- D. Làm việc theo đội hình

19. Để lập được kế hoạch phát triển bệnh viện nhà quản lý phải:

- C. Có chỉ tiêu trên giao
- * E. Nêu chính xác các mục tiêu thiết thực có thể thực hiện được
- D. Căn cứ sự phát triển của các bệnh viện khác
- A. Có nguồn kinh phí
- B. Có nguồn nhân lực

20. Quản lý công tác chuyên môn bệnh viện là.....(1).....của bệnh viện để thực hiện tốt hoạt động khám bệnh, điều trị và chăm sóc người bệnh với chất lượng cao đảm bảo công bằng trong khám chữa bệnh

- D. Tổ chức tốt các hoạt động
- A. Quản lý các hoạt động
- B. Xây dựng kế hoạch phát triển chuyên môn
- E. Đầu tư ngân sách cho các hoạt động
- * C. Sử dụng mọi nguồn lực

21. Quản lý tài chính bệnh viện là điều hành các nguồn tài chính vật tư, trang thiết bị của bệnh viện, là(1).....các nguồn thu và các khoản chi sao cho đúng mục đích, hiệu quả và tiết kiệm

- B. Xây dựng
- C. Xác định
- E. Đầu tư
- * A. Cân đối
- D. Quản lý

22. Những vấn đề quan trọng trong quản lý nhân lực là:

- B. Đào tạo, tuyển dụng, giao nhiệm vụ và bố trí nhân lực hợp lý
- A. Giáo dục ý thức cho cán bộ
- C. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, trả công và khuyến khích người lao động
- * E. A, B và C đều đúng
- D. B và C là đúng

23. Nội dung đón tiếp người bệnh tại bệnh viện

- A. Đón tiếp bệnh nhân từ cổng bệnh viện đến các khoa phòng điều trị
- D. A và B đều đúng
- B. Hướng dẫn cụ thể, ân cần, tư vấn chăm sóc sức khỏe
- * E. Cả A, B, C đều đúng

- C. Giảm phiền hà do thủ tục hành chính

24. Quản lý buồng bệnh bao gồm

- C. Quản lý bệnh nhân điều trị tại buồng bệnh
- E. Phân công nhân lực phục vụ cho buồng bệnh
- B. Quản lý công tác trật tự vệ sinh
- A. Quản lý công tác điều dưỡng, chăm sóc bệnh nhân
- * D. Quản lý các hoạt động chuyên môn, vệ sinh, nhân lực và tài sản

TỔ CHỨC CÔNG TÁC ĐIỀU TRỊ DỰ PHÒNG

2. Dự phòng cấp II là cần chẩn đoán sớm và điều trị sớm, anh chị cần nắm vững những nguyên tắc sau

- B. Nắm vững cơ chế sinh bệnh để chẩn đoán nguyên nhân
- * A. Chẩn đoán xác định tốt Nắm vững cơ chế sinh bệnh để chẩn đoán nguyên nhân, Điều trị đúng kỹ thuật, đúng thuốc, đúng liều, Điều trị toàn diện
- E. Chẩn đoán xác định tốt
- C. Điều trị đúng kỹ thuật, đúng thuốc, đúng liều
- D. Điều trị toàn diện

3. Tiến hành chẩn đoán sớm, cần phải có một loạt các biện pháp

- E. Giáo dục cho nhân dân những kiến thức y học thường thức
- D. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn giỏi
- C. Tổ chức khám dự phòng
- B. Tổ chức mạng lưới y tế cơ sở
- * A. Giáo dục cho nhân dân những kiến thức y học thường thức, Tổ chức mạng lưới y tế cơ sở, Tổ chức khám dự phòng, Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn giỏi

4. Khi có bệnh việc chẩn đoán sớm và điều trị sớm đó là một trong những biện pháp của

- * A. Dự phòng cấp II
- D. Dự phòng cấp IV
- B. Dự phòng cấp I
- E. Tất cả các câu trả lời đều sai
- C. Dự phòng cấp III

5. Giai đoạn dự phòng cấp I là trách nhiệm của

- D. Cơ quan y tế, nhà nước
- C. Của mỗi công dân
- B. Nhà nước
- * A. Cơ quan y tế, Nhà nước, Của mỗi công dân và Cơ quan y tế, nhà nước
- E. Cơ quan y tế

6. Công tác bảo vệ, bồi dưỡng sức khỏe (chế độ lao động, công tác ăn uống nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí) bảo vệ đặc hiệu (vắc xin) đó là

- B. Dự phòng cấp II
- C. Dự phòng cấp III
- * A. Dự phòng cấp I
- D. Dự phòng ở mức độ IV
- E. Dự phòng ở mức V

7. Khi đã mắc bệnh thì cần phải giới hạn sự tác hại của bệnh tật đến mức tối đa. Đó là công tác dự phòng ở mức độ

- * A. Dự phòng cấp I
- D. Dự phòng cấp IV
- C. Dự phòng cấp III
- B. Dự phòng cấp II
- E. Tất cả câu trả lời đều đúng

8. Chẩn đoán sớm rất khó, vì vậy chủ yếu là phải tiến hành

- E. Khám dự phòng
- B. Khám phát hiện hàng loạt
- D. Khám kiểm tra khi bệnh đã xảy ra
- * A. Khám phát hiện hàng loạt, Khám phát hiện bằng những phương tiện hiện đại, Khám kiểm tra khi bệnh đã xảy ra, Khám dự phòng
- C. Khám phát hiện bằng những phương tiện hiện đại

9. Các đối tượng ưu tiên khám dự phòng

- * A. Cán bộ nhân viên y tế , Cán bộ nhân viên nhà trẻ, bếp ăn tập thể, Công nhân ở những bộ phận sản xuất có nguy hại đến cơ thể, Trẻ em
- D. Công nhân ở những bộ phận sản xuất có nguy hại đến cơ thể
- C. Cán bộ nhân viên nhà trẻ, bếp ăn tập thể
- B. Cán bộ nhân viên y tế
- E. Trẻ em

10. Gắn liền với công tác chẩn đoán và điều trị là công tác giám định khả năng lao động nhằm

- B. Qua công tác giám định khả năng lao động nghiên cứu các chế độ, chính sách đối với từng loại ngành nghề thích hợp
- C. Đánh giá công tác chẩn đoán
- D. Đánh giá công tác điều trị
- * A. Đánh giá tình hình sức khỏe của những người lao động, Qua công tác giám định khả năng lao động nghiên cứu các chế độ, chính sách đối với từng loại ngành nghề thích hợp
- E. Đánh giá công tác điều trị và Qua công tác giám định khả năng lao động nghiên cứu các chế độ, chính sách đối với từng loại ngành nghề thích hợp

11. Phục hồi chức năng có những nhiệm vụ là

- E. Điều trị phục hồi
- B. Tâm lý trị liệu
- * A. Tâm lý trị liệu, Phục hồi xã hội, Phục hồi nghề nghiệp, Điều trị phục hồi
- C. Phục hồi xã hội
- D. Phục hồi nghề nghiệp

12. Điều trị phục hồi có tác dụng

- E. Tập luyện để đem lại sự cân bằng thể chất và tinh thần
- * A. Phòng ngừa biến dạng, Rút ngắn quá trình bù trừ tự nhiên, Tập luyện để đem lại sự cân bằng thể chất và tinh thần
- D. Rút ngắn quá trình bù trừ tự nhiên
- C. Phòng ngừa biến dạng
- B. Rút ngắn quá trình tái tạo tự nhiên

13. Phục hồi xã hội nhằm mục đích tạo cho bệnh nhân các yếu tố

- C. Phục hồi lại nghề nghiệp
- D. Phục hồi về tâm lý
- B. Thích nghi với môi trường xã hội
- * A. Thích nghi với môi trường xã hội, Phục hồi lại nghề nghiệp, Phục hồi về tâm lý, Thích nghi với gia đình
- E. Thích nghi với gia đình

14. Phục hồi chức năng cho trẻ em ngoài việc điều trị phục hồi, còn có

- C. Phục hồi nghề nghiệp
- * A. Phục hồi xã hội, Phục hồi nghề nghiệp, Phục hồi sự phạm, Phục hồi tâm lý
- D. Phục hồi sự phạm
- E. Phục hồi tâm lý, Phục hồi sự phạm
- B. Phục hồi xã hội Phục hồi sự phạm,

15. Phục hồi sự phạm cần tổ chức

- E. Tổ chức giáo dục lúc trẻ em còn điều trị tại trung tâm phục hồi
- D. Tổ chức giáo dục ở các trường đặc biệt
- B. Giáo dục tại nhà cho trẻ em
- C. Giáo dục để cho em có thể trở lại trường phổ thông
- * A. Tổ chức giáo dục lúc trẻ em còn điều trị tại trung tâm phục hồi, Giáo dục tại nhà cho trẻ em , Giáo dục để cho em có thể trở lại trường phổ thông, Tổ chức giáo dục ở các trường đặc biệt

16. Công tác điều trị dự phòng biểu hiện,

- E. Phục hồi chức năng.
- * A. Phòng bệnh, chữa bệnh ,Phục hồi chức năng

- C. Chữa bệnh
- D. Điều trị
- B. Phòng bệnh

17. Cách ly bệnh nhân bị các bệnh truyền nhiễm, tránh được tình trạng lây chéo là dự phòng cấp :

- B. Dự phòng cấp III
- * A. Dự phòng cấp II
- E. Dự phòng cấp IV, III
- D. Dự phòng cấp IV
- C. Dự phòng cấp I

18. Vô trùng tuyệt đối các dụng cụ tiêm, tiêm truyền tránh được lan truyền bệnh tật có tính chất truyền nhiễm ở trong bệnh viện là dự phòng cấp:

- * A. Dự phòng cấp II
- B. Dự phòng cấp I
- D. Dự phòng cấp IV
- E. Dự phòng cấp III, IV
- C. Dự phòng cấp III

19. Giáo dục cho nhân dân những kiến thức y học thường thức để họ có những kiến thức về bệnh tật thông thường và khi có bệnh tật thì tìm đến thầy thuốc ngay đó là một trong những biện pháp để

- B. Rút ngắn thời gian điều trị
- C. Điều trị kết quả
- E. Giới hạn tác hại
- * A. Chẩn đoán sớm
- D. Phục hồi tốt

20. Tổ chức mạng lưới y tế cơ sở xuống tận các xã, bản, khu phố và ở đây có đủ thầy thuốc để tiến hành công tác phòng bệnh và chữa bệnh được tốt đó là một trong những biện pháp để

- A. Chẩn đoán sớm
- D. Phục hồi tốt
- C. Điều trị kết quả
- E. Giới hạn tác hại
- * B. Rút ngắn thời gian điều trị

21. Muốn tiến hành điều trị sớm trước tiên là cần phải

- C. Chẩn đoán sớm Có phương tiện hiện đại
- E. Có phương tiện hiện đại
- A. Giáo dục cho nhân dân kiến thức
- * B. Giáo dục cho nhân dân kiến thức, Chẩn đoán sớm, cần xét nghiệm, phương tiện hiện đại
- D. Cần xét nghiệm

22. Khi đã mắc bệnh thì cần giới hạn sự tác hại của bệnh tật đến mức tối đa, do vậy cần tiến hành

- * A. Phục hồi chức năng
- B. Tâm lý trị liệu
- E. Phục hồi nghề nghiệp
- D. Phục hồi xã hội
- C. Chẩn đoán sớm

23. Yếu tố nguy cơ có quan hệ ít nhiều đến nguyên nhân gây bệnh làm tăng khả năng xuất hiện bệnh, diễn biến nhanh và nặng ở người mang yếu tố đó, các yếu tố đó là

- * A. Yếu tố di truyền gia đình
- B. Thay đổi thể dịch. Loại bệnh
- E. Trạng thái cơ thể, cơ địa
- C. Tác nhân độc tố kéo dài
- D. Tác nhân độc tố kéo dài Trạng thái cơ thể, cơ địa,

24. Chẩn đoán là giai đoạn của nội dung công tác điều trị, đồng thời chẩn đoán cũng là cơ sở của

- C. Công tác quản lý bệnh tật, Công tác thống kê
- E. Công tác thống kê
- * B. Công tác nghiên cứu khoa học, công tác quản lý bệnh tật, Kế hoạch hoá công tác điều trị bệnh tật, Công tác thống kê
- D. Kế hoạch hoá công tác điều trị bệnh tật
- A. Công tác nghiên cứu khoa học, Công tác thống kê

25. Công tác điều trị phải phối hợp nhiều mặt

- C. Các phương pháp vật lý trị liệu
- B. Điều trị ngoại khoa, chỉnh hình, tạo hình...
- * A. Các phương pháp vật lý trị liệu, Điều trị bằng châm cứu, điều trị bằng tiết chế dinh dưỡng

26. Công tác phục hồi chức năng là duy trì

- E. Tăng cường sức khoẻ cho người bệnh, Giúp người bệnh lao động tốt hơn
- B. Trả người bệnh trở lại lao động sinh hoạt bình thường
- C. Tăng cường sức khoẻ cho người bệnh
- D. Giúp người bệnh lao động tốt hơn
- * A. Duy trì mức cao nhất mỗi chức năng của mỗi bộ phận trong cơ thể bệnh nhân

27. Phục hồi chức năng là nội dung của công tác dự phòng

- E. Tất cả câu trả lời đều đúng
- D. Dự phòng cấp IV
- C. Dự phòng cấp III
- B. Dự phòng cấp II
- * A. Dự phòng cấp I

28. Dự phòng, điều trị và phục hồi chức năng là 3 mặt công tác của

- * A. Tổ chức công tác điều trị dự phòng
- C. Tổ chức công tác điều trị
- D. Tổ chức phục hồi chức năng
- B. Tổ chức dự phòng
- E. Tổ chức giám định y khoa

29. Dự phòng cấp 1 với sự tham gia

- * A. Ngành lương thực, thực phẩm, Ngành giao thông vận tải, Người dân, Ngành y tế
- D. Người dân và Ngành y tế
- E. Ngành y tế
- C. Người dân, Ngành giao thông vận tải
- B. Người dân, Ngành lương thực, thực phẩm

30. Chẩn đoán sớm viêm ruột thừa là dự phòng cấp

- D. Dự phòng cấp 1 và cấp 2
- C. Dự phòng cấp 3
- B. Dự phòng cấp 1
- E. Dự phòng cấp 2 và cấp 3
- * A. Dự phòng cấp 2

31. Điều trị kháng sinh trong giai đoạn sớm của viêm ruột thừa là

- C. Dự phòng cấp 3
- * A. Không mang tính chất dự phòng
- B. Dự phòng cấp 2
- E. Dự phòng cấp 1
- D. Dự phòng cấp 1 và cấp 2

32. Công tác điều trị dự phòng là công tác tổng hợp chính thể bao gồm

- A. Chăm sóc quản lý sức khỏe của nhân dân lúc khỏe mạnh khi ốm đau
- D. Chẩn đoán, điều trị bệnh tật, Chăm sóc quản lý sức khỏe của nhân dân lúc khỏe mạnh khi ốm đau
- E. Bảo vệ, tăng cường sức khỏe
- B. Chẩn đoán, điều trị bệnh tật
- * C. Phục hồi sức khỏe

33. Nội dung cụ thể của công tác điều trị dự phòng

- D. Giám định y khoa, phục hồi chức năng, Công tác chăm sóc nội trú, ngoại trú
- E. Công tác chăm sóc nội trú, ngoại trú
- * A. Cung cấp thuốc men và các phương tiện khác trong chữa bệnh, Xây dựng chế độ ăn uống trong lúc ốm đau cũng như trong lúc khỏi bệnh, Giám định y khoa, phục hồi chức năng, Công tác chăm sóc nội trú, ngoại trú

- C. Xây dựng chế độ ăn uống trong lúc ốm đau cũng như trong lúc khỏi bệnh
- B. Cung cấp thuốc men và các phương tiện khác trong chữa bệnh

34. Nội dung của công tác điều trị dự phòng biểu hiện

- D. Điều trị
- A. Sự thống nhất giữa phòng bệnh và chữa bệnh
- E. Phục hồi chức năng
- B. Phòng bệnh
- * C. Chữa bệnh

35. Công tác quản lý điều trị phải tuân thủ đúng những nguyên tắc chế độ chuyên môn là

- E. Phục hồi chức năng
- C. Chữa bệnh
- * A. Dự phòng cấp II
- D. Điều trị
- B. Dự phòng cấp I

36. Chẩn đoán sớm chủ yếu là tiến hành

- A. Khám phát hiện hàng loạt, Khám phát hiện
- D. Khám kiểm tra toàn diện, Khám phát hiện, Khám phát hiện hàng loạt, Khám dự phòng
- * C. Khám phát hiện
- B. Khám kiểm tra toàn diện
- E. Khám dự phòng, Khám phát hiện

37. Điều trị là hình thức hoạt động

- B. Phổ biến, Phối hợp,
- E. Lồng ghép
- * A. Lồng ghép, Phối hợp
- C. Duy nhất
- D. Phối hợp

38. Phương pháp chăm sóc dispanxe hướng vào những đối tượng

- E. Người lành
- D. Người vừa khỏi bệnh, Người lành
- * C. Người vừa khỏi bệnh
- B. Người ốm
- A. Người lành, người ốm

39. Điều trị phục hồi là chương trình điều trị tổng hợp, có tác dụng

- C. Rút ngắn quá trình bù trừ tự nhiên
- B. Phòng ngừa biến dạng

- * A. Rút ngắn quá trình tái tạo tự nhiên, Phòng ngừa biến dạng, Đem lại cho người bệnh sự cân bằng về thể chất và tinh thần để thích nghi với hoàn cảnh mới
- E. Rút ngắn quá trình tái tạo tự nhiên
- D. Đem lại cho người bệnh sự cân bằng về thể chất và tinh thần để thích nghi với hoàn cảnh mới.

40. Phục hồi tâm lý là công tác quan trọng hàng đầu vì nó tạo cho người bị thương tật, bệnh tật

- E. Một niềm vui và nghị lực
- B. Thích nghi với môi trường xã hội
- * C. Làm cho họ thích nghi với nghề cũ
- A. Rút ngắn quá trình bù trừ tự nhiên
- D. Thích nghi với gia đình

41. Phục hồi nghề nghiệp là công tác quan trọng hàng đầu vì nó tạo cho người bị thương tật, bệnh:

- E. Một niềm vui và nghị lực
- C. Làm cho họ thích nghi với nghề cũ
- B. Thích nghi với gia đình
- D. Rút ngắn quá trình bù trừ tự nhiên
- * A. Thích nghi với môi trường xã hội

42. Phục hồi xã hội nhằm mục đích tạo cho bệnh nhân các yếu tố sau

- E. Một niềm vui và nghị lực và họ thích nghi với nghề cũ
- * C. Thích nghi với gia đình, Thích nghi với môi trường xã hội
- B. Một niềm vui và nghị lực. Làm cho họ thích nghi với nghề cũ
- D. Một niềm vui và nghị lực, Làm cho họ thích nghi với nghề cũ
- A. Làm cho họ thích nghi với nghề cũ

43. Trong công tác phục hồi nghề nghiệp cần chú ý các khâu sau

- B. Làm cho họ thích nghi được với nghề cũ
- E. Đánh giá lợi ích của công việc làm cho bệnh nhân
- C. Tổ chức cơ sở sản xuất phù hợp với tình trạng mới của bệnh nhân
- D. Cung cấp công việc tại nhà cho bệnh nhân
- * A. Làm cho họ thích nghi được với nghề cũ, Tổ chức cơ sở sản xuất phù hợp với tình trạng mới của bệnh nhân, Cung cấp công việc tại nhà cho bệnh nhân, Đánh giá lợi ích của công việc làm cho bệnh nhân

44. Phục hồi chức năng cho trẻ em, ngoài việc điều trị phục hồi, còn có

- * C. Thích nghi với gia đình, Thích nghi với môi trường xã hội, Làm cho họ thích nghi với nghề cũ, Phục hồi sự phạm
- E. Phục hồi sự phạm
- D. Làm cho họ thích nghi với nghề cũ
- B. Thích nghi với gia đình
- A. Thích nghi với môi trường xã hội

45. Phục hồi sự phạm cần tổ chức

- * A. Tổ chức giáo dục trong lúc trẻ em còn đang điều trị tại trung tâm phục hồi, Giáo dục tại nhà cho trẻ em, Giáo dục như thế nào để ho các em có thể trở lại trường phổ thông như trước khi bị bệnh, Tổ chức giáo dục tại các trường đặc biệt đối với các em không thể học tại trường bình thường
- E. Tổ chức giáo dục tại các trường đặc biệt đối với các em không thể học tại trường bình thường, Giáo dục tại nhà cho trẻ em
- B. Giáo dục tại nhà cho trẻ em
- D. Giáo dục tại nhà cho trẻ em
- C. Giáo dục như thế nào để ho các em có thể trở lại trường phổ thông như trước khi bị bệnh thường

46. Ngừa đặc hiệu là biện pháp

- E. Ngừa tái phát một bệnh
- * C. Nhắm thẳng vào nguyên nhân gây bệnh
- D. Ngừa một bệnh xảy ra
- A. Cắt đường lây truyền
- B. Không nhằm thẳng vào nguyên nhân gây bệnh

47. Ngừa hậu phát là biện pháp

- D. Ngừa một bệnh xảy ra
- B. Không nhằm thẳng vào nguyên nhân gây bệnh
- C. Nhắm thẳng vào nguyên nhân gây bệnh
- * A. Cắt đường lây truyền
- E. Ngừa tái phát một bệnh

48. Ngừa không đặc hiệu là biện pháp

- B. Không nhằm thẳng vào nguyên nhân gây bệnh
- D. Ngừa một bệnh xảy ra
- * C. Nhắm thẳng vào nguyên nhân gây bệnh
- E. Ngừa tái phát một bệnh
- A. Cắt đường lây truyền

49. Ngừa tiên phát là biện pháp

- E. Ngừa tái phát một bệnh
- C. Nhắm thẳng vào nguyên nhân gây bệnh
- D. Cắt đường lây truyền
- * A. Ngừa một bệnh xảy ra
- B. Không nhằm thẳng vào nguyên nhân gây bệnh

ĐIỀU TRỊ TOÀN DIỆN

1. Điều trị bệnh cho bệnh nhân cần phải làm cho bệnh nhân

- D. Hiểu được sự khó khăn của điều trị
- C. Hiểu được cơ chế sinh bệnh
- E. Tất cả câu trả lời đều đúng
- * A. Tin tưởng vào sự điều trị của bác sỹ
- B. Hiểu được đầy đủ nguyên nhân gây bệnh

2. Trước mặt bệnh nhân cũng như người nhà của bệnh nhân bác sỹ không nên dùng những từ sau

- E. Nguy kịch, hấp hối
- D. Tiên lượng, Nguy kịch,
- C. Nguy kịch, hấp hối , Ung thư
- * A. Tử vong , Ung thư, Tiên lượng, Nguy kịch, hấp hối
- B. Nguy kịch, hấp hối , Tử vong ,

3. Trước mặt bệnh nhân cũng như người nhà của bệnh nhân bác sỹ không nên dùng những cử chỉ sau

- D. Lắc đầu, Vẻ mặt buồn
- B. Nguy kịch,
- * A. Nguy kịch, Lo lắng, Lắc đầu, Vẻ mặt buồn
- E. Vẻ mặt buồn
- C. Lo lắng, Vẻ mặt buồn

4. Tại các trường đào tạo cán bộ y tế, cần phải tổ chức cho học sinh thực tập giả nhằm

- E. Nắm vững các thao tác, Biết được sự đau đớn của bệnh nhân ???
- C. Giảm đến mức thấp nhất mọi đau đớn cho bệnh nhân khi làm các thủ thuật
- * A. Nắm vững các thao tác, thủ thuật trước khi thực tập thật,
- D. Biết được sự đau đớn của bệnh nhân khi làm thủ thuật
- B. Học một công việc bình thường trong học tập

5. Công tác điều trị toàn diện cần có

- C. Vệ sinh, màu sắc trang trí, Lời nói, thái độ phục vụ
- B. Yên tĩnh nghỉ ngơi, Lời nói, thái độ phục vụ
- * A. Giảm đau, Yên tĩnh nghỉ ngơi, Vệ sinh, màu sắc trang trí, Lời nói, thái độ phục vụ
- D. Lời nói, thái độ phục vụ
- E. Giảm đau

6. Khi chọn địa điểm bệnh viện cần chú ý các vấn đề

- B. Gần trung tâm đường sắt để thuận tiện di chuyển., Xa trục giao thông lớn
- D. Bệnh viện cần xây dựng nơi thuận tiện đi lại cho bệnh nhân
- * C. Bệnh viện vẫn nằm trong quy hoạch của thành phố, Xa trục giao thông lớn
- A. Gần trung tâm đường sắt để thuận tiện di chuyển, Bệnh viện vẫn nằm trong quy hoạch của thành phố, Bệnh viện cần xây dựng nơi thuận tiện đi lại cho bệnh nhân, Xa trục giao thông

lớn

- E. Xa trực giao thông lớn

7. Vấn đề ăn uống trong điều trị chiếm vị trí vô cùng quan trọng do vậy nguyên tắc tổ chức ăn uống cho bệnh nhân mà bệnh viện cần phải triệt để tuân theo như

- * A. Tổ chức chế độ ăn uống theo bệnh lý
- C. Phải chú ý khẩu vị của từng bệnh nhân trên nguyên tắc bảo đảm tuân theo bệnh lý, lượng và calorie
- E. Quan tâm đến tư tưởng bệnh nhân
- D. Không quan tâm đến tư tưởng bệnh nhân
- B. Thực đơn phải đảm bảo nhu cầu về lượng và calorie, các món ăn và đồ dùng thức ăn phải đảm bảo nấu chín và sạch sẽ

8. Nhân viên y tế cần phải

- E. Giữ gìn bí mật hồ sơ bệnh án
- B. Có lời nói thái độ đúng đắn
- * A. Giữ gìn bí mật hồ sơ bệnh án, Có lời nói thái độ đúng đắn, Tránh những lời nói hấp hối, tử vong
- C. Tránh những lời nói hấp hối, tử vong...
- D. Có những nhận xét y bác sĩ tuyến trước

9. Các trường đào tạo cán bộ y tế cần phải giảng dạy cho học sinh, sinh viên

- E. Vấn đề cần giữ bí mật
- B. Cách cư xử đối với bệnh nhân trong mọi tình huống
- C. Cách cư xử đối với bệnh nhân trong mọi tình huống, Tình thương yêu bệnh nhân
- D. Tình thương yêu bệnh nhân
- * A. Vấn đề cần giữ bí mật, Cách cư xử đối với bệnh nhân trong mọi tình huống

10. Màu sắc bệnh viện phụ thuộc vào

- * A. Tùy thuộc vào bệnh lý của từng khoa
- C. Phù hợp với thời đại
- E. Điều kiện vệ sinh
- B. Sở thích của thầy thuốc
- D. Sở thích của bệnh nhân

11. Trong buồng bệnh, ngoài hành lang khi trang trí cần trang trí

- B. Treo nhiều tranh ảnh, Khẩu hiệu
- A. Không Treo nhiều tranh ảnh
- C. Trang trí tùy ý thích của nhân viên y tế
- * E. Khẩu hiệu, Trang trí tùy ý thích của nhân viên y tế
- D. Khẩu hiệu

12. Đảm bảo vấn đề ăn uống trong điều trị cần phải tiến hành các biện pháp

- B. Quy định tiêu chuẩn ăn uống cho từng loại bệnh, Tổ chức khoa ăn uống, tiết chế tại bệnh viện
- D. Trang bị kiến thức về tiết chế cho học sinh, sinh viên ngành y
- C. Mỗi bệnh viện cần có cán bộ chuyên trách về chế độ ăn uống cho bệnh nhân và cán bộ này phải được đào tạo theo chuyên khoa tiết chế dinh dưỡng, Tổ chức khoa ăn uống, tiết chế tại bệnh viện
- E. Tổ chức khoa ăn uống, tiết chế tại bệnh viện
- * A. Quy định tiêu chuẩn ăn uống cho từng loại bệnh, Mỗi bệnh viện cần có cán bộ chuyên trách về chế độ ăn uống cho bệnh nhân và cán bộ này phải được đào tạo theo chuyên khoa tiết chế dinh dưỡng, Trang bị kiến thức về tiết chế cho học sinh, sinh viên ngành y, Tổ chức khoa ăn uống, tiết chế tại bệnh viện

13. Điều trị toàn diện là thể hiện sự toàn diện của nguyên lý

- D. Không chữa bệnh mà chữa người bệnh", "Không chữa người bệnh mà chữa bệnh"
- C. " Có bệnh thì có bệnh nhân"
- * E. Không chữa bệnh mà chữa người bệnh" "Không chữa người bệnh mà chữa bệnh", " Có bệnh thì có bệnh nhân"
- A. "Không chữa bệnh mà chữa người bệnh"
- B. "Không chữa người bệnh mà chữa bệnh"

QUẢN LÝ Y TẾ

1. Quản lý một cơ sở là

- * A. Lãnh đạo cơ sở thực hiện các nhiệm vụ cấp trên giao phó.
- B. Làm cho mọi việc ở cơ sở được thực hiện
- E. Lãnh đạo cơ sở thực hiện kế hoạch cấp trên giao phó.
- D. Xây dựng kế hoạch hoạt động và phát triển tổ chức
- C. Là khả năng phân công công việc cho nhân viên

2. Quản lý y tế nói chung là

- A. Xác định những vấn đề y tế của cộng đồng
- * D. Xác định các vấn đề y tế, xây dựng các giải pháp và thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề y tế đó
- B. Xác định các vấn đề y tế để báo cáo y tế tuyến trên
- E. Xác định các vấn đề y tế và thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề y tế đó
- C. Xác định các vấn đề y tế và xây dựng các nhiệm vụ để thực hiện các vấn đề đó

3. Quản lý công tác khám chữa bệnh tại xã/phường

- A. Xác định những vấn đề y tế và bệnh tật trong xã phường

- * C. Xác định các vấn đề y tế, bệnh tật và xây dựng các nhiệm vụ để thực hiện các vấn đề đó
- D. Xác định các vấn đề bệnh tật và điều trị những bệnh tật đó
- E. Xác định các vấn đề bệnh tật, xây dựng và thực hiện các giải pháp giải quyết các bệnh tật đó.
- B. Xác định các bệnh tật để báo cáo y tế tuyến trên

4. Chức năng quản lý là

- * B. Là những công việc cơ bản nhất nếu thực hiện được tốt thì các nhiệm vụ của cơ sở được hoàn thành
- C. Là các nhóm công việc thực hiện độc lập.
- A. Toàn bộ công việc phải làm của một cơ sở.
- D. Những công việc cơ bản cụ thể của người phụ trách cơ sở-->có thể uỷ quyền cho ng khác
- E. Gồm các câu A,B,C và D.

5. Chức năng quản lý cơ bản không bao gồm nội dung sau:

- * A. So sánh
- E. Kế hoạch
- D. Tổ chức
- B. Điều hành
- C. Đánh giá

6. Lập kế hoạch y tế //??????

- * A. Là chức năng quan trọng nhất của người quản lý y tế
- B. Là một trong các chức năng cơ bản của người quản lý y tế
- D. Là một trong nhiều chức năng quan trọng của cán bộ y tế
- E. Là một trong 5 chức năng cơ bản của người quản lý y tế
- C. Là một trong 4 chức năng cơ bản của người quản lý y tế

7. Lập kế hoạch là chức năng của quản lý bao gồm:

- B. Quá trình đánh giá, quá trình giám sát
- D. Quá trình giám sát
- * A. Xây dựng mục tiêu
- E. Quá trình theo dõi
- C. Quá trình đánh giá

8. Điều hành là chức năng của quản lý bao gồm:

- B. Xây dựng mục tiêu
- D. Quá trình giám sát ,đánh gia
- C. Quá trình giám sát
- * A. Động viên, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ
- E. Quá trình đánh gia

9. Chu trình quản lý ?????????

- * C. Là những chức năng chính diễn ra theo quá trình, không có hoạt động xen kẽ.
- E. Là những chức năng chính diễn ra , có thể có hoạt động không liên tục
- B. Là những chức năng chính diễn ra theo quá trình
- A. Là những chức năng chính diễn ra theo trình tự
- D. Là những chức năng chính diễn ra theo quá trình, có thể có hoạt động không liên tục

10. Nguyên tắc của quản lý gồm có:

- E. Chỉ đạo thực hiệnXây dựng mục tiêu
- * A. Phân công công việc
- B. Xây dựng kế hoạch
- D. Chỉ đạo thực hiện
- C. Xây dựng mục tiêu

11. Nguyên tắc của quản lý gồm có:

- E. Chỉ đạo thực hiệnĐịnh rõ mục tiêu
- D. Chỉ đạo thực hiện
- B. Xác định chiến lược
- * C. Định rõ mục tiêu
- A. Xây dựng kế hoạch

12. Nội dung nào không phải là nguyên tắc của quản lý:

- * A. điều hành
- C. Giám sát
- D. Giám sát,Quyền lực
- E. Quyền lực
- B. Thống nhất mệnh lệnh

13. Phương pháp giáo dục là:

- E. Phương pháp quản lý không hiệu quả so phương pháp quản lý hành chính
- C. Phương pháp quản lý hiệu quả nhất so phương pháp quản lý hành chính
- B. Một trong 2 phương pháp quản lý duy nhất hiện nay.
- * A. Một phương pháp quản lý giúp nhân viên tự chủ, tự giác thực hiện nhiệm vụ
- D. Phương pháp quản lý ít hiệu quả nhất so phương pháp quản lý hành chính

14. Phương pháp hành chính trong quản lý bao gồm :

- B. Quy định mức độ viên khen thưởng.
- * C. Xây dựng các quy định kỷ luật của tổ chức.
- A. Khuyến khích trách nhiệm cá nhân
- E. Khuyến khích trách nhiệm cá nhân Xây dựng các quy định kỷ luật của tổ chức
- D. Khuyến khích trách nhiệm cá nhânQuy định mức độ viên khen thưởng

15. Phương pháp giáo dục trong quản lý bao gồm

- A. Xác định tiêu chuẩn hoá các nhiệm vụ để nhân viên thực hiện
- E. Khen thưởng hệ thống quản lý hoàn thành nhiệm vụ Xây dựng các quy định khen thưởng của tổ chức
- B. Xây dựng các quy định khen thưởng của tổ chức
- C. Khen thưởng hệ thống quản lý hoàn thành nhiệm vụ
- * D. Bồi dưỡng đào tạo, hỗ trợ nhân viên hoàn thành công việc

16. Đầu vào 4 M của hệ thống trong các cơ sở y tế bao gồm:???

- D. Dân số. Thông tin số liệu về kết quả chữa bệnh
- E. Dân số
- B. Bệnh tật của cộng đồng
- C. Thông tin số liệu về kết quả chữa bệnh
- * A. Năng lực của cán bộ y tế

17. Nội dung nào không phải là yếu tố đầu vào (4 M) của hệ thống trong các cơ sở y tế.????

- D. Năng lực của cán bộ y tế
- E. Ngân sách y tếNăng lực của cán bộ y tế
- * A. Dân số của cộng đồng
- B. Trang thiết bị y tế
- C. Ngân sách y tế

18. Ủy quyền là nguyên tắc quản lý gồm???

- E. Chia sẻ quyền hạn và trách nhiệm chỉ khi cần thiết
- C. Chia sẻ trách nhiệm
- * A. Chia sẻ quyền lực và trách nhiệm
- B. Chia sẻ quyền hạn
- D. Biện pháp tình thế trong quản lý

19. Yêu cầu của uỷ quyền

- * A. Quan tâm cấp dưới Tin tưởng cấp dưới Bồi dưỡng cán bộ cấp dưới
- C. Tin tưởng cấp dưới
- D. Quan tâm cấp dướiTin tưởng cấp dưới
- E. Quan tâm cấp dướiBồi dưỡng cán bộ cấp dưới
- B. Bồi dưỡng cán bộ cấp dưới

20. Thống nhất mệnh lệnh là nguyên tắc quản lý gồm

- B. Truyền đạt thống nhất từ trên xuống dưới
- D. Mệnh lệnh bắt buộc phải thực hiện
- C. Mệnh lệnh được chấp hành một chiều từ trên xuống dưới
- E. Mệnh lệnh bắt buộc phải thực hiện Mệnh lệnh được chấp hành một chiều từ trên xuống dưới

- * A. Truyền đạt mệnh lệnh và thông tin 2 chiều

21. Điều hành là chức năng quản lý bao gồm nội dung:

- D. Điều động
- * A. Chỉ đạo Chỉ huy Điều hoà Điều động
- E. Điều động Điều hoà
- B. Chỉ huy
- C. Điều hoà

22. Quản lý chương trình y tế bao gồm:

- D. Là quá trình triển khai thực hiện kế hoạch y tế
- C. Là thực hiện chu trình quản lý y tế cho vấn đề y tế đó
- B. Quá trình lập kế hoạch để thực hiện có hiệu quả chương trình y tế đó
- E. Là quá trình giám sát và điều hành chương trình y tế đó
- * A. Kế hoạch hoá vấn đề y tế đó

23. Các phương thức hoạt động chính của y tế cơ sở là :???

- E. Quản lý theo chương trình y tế cụ thể Quản lý theo các dịch vụ y tế của địa phương
- C. Quản lý theo chương trình y tế cụ thể
- B. Quản lý theo qui định của ngành y tế hàng năm
- D. Quản lý theo các dịch vụ y tế của địa phương
- * A. Quản lý theo chức năng

24. Chu trình quản lý y tế gồm 3 hoạt động cơ bản sau???

- * E. Lập kế hoạch, điều hành tổ chức thực hiện giám sát và đánh giá
- C. Lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá
- A. Xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch và đánh giá
- D. Lập kế hoạch, điều hành tổ chức thực hiện và đánh giá
- B. Lập kế hoạch, theo dõi kiểm tra và đánh giá

25. Điều hành là chức năng quản lý có các hoạt động sau:

- B. Ủy quyền
- E. Điều hoà Theo dõi
- C. Điều hoà
- * A. Phân công Ủy quyền Điều hoà Theo dõi
- D. Theo dõi

26. Quản lý đầu vào gồm

- D. Trang thiết bị y tế và tiền Cơ sở vật chất và quản lý
- B. Trang thiết bị y tế và tiền
- * A. Nhân lực Trang thiết bị y tế và tiền Cơ sở vật chất và quản lý
- E. Cơ sở vật chất

- C. Cơ sở vật chất và quản lý

27. Yêu cầu uỷ quyền bao gồm

- * A. Tin tưởng cấp dưới Quan tâm cấp dưới Quy định rõ trách nhiệm
- B. Bồi dưỡng cán bộ kế cận
- D. Quy định rõ trách nhiệm
- C. Quan tâm cấp dưới
- E. Quan tâm cấp dưới Quy định rõ trách nhiệm

QUẢN LÝ NHÂN LỰC Y TẾ

1. Một trong các nguồn lực quan trọng nhất thực hiện chăm sóc sức khoẻ là

- * A. Nguồn nhân lực
- B. Nguồn vật tư y tế
- C. Nguồn các thiết bị tiêu hao
- D. Nguồn thuốc
- E. Nguồn các thiết bị tiêu hao, Nguồn thuốc

2. Quản lý nguồn nhân lực tốt là

- E. Có kế hoạch đào tạo và sử dụng đúng số lượng, kỹ năng và trình độ cán bộ
- C. Đào tạo và sử dụng đúng số lượng, kỹ năng và trình độ cán bộ
- D. Có kế hoạch phát triển nhân lực hợp lý, đào tạo cán bộ kịp thời và đủ
- * A. Có kế hoạch phát triển nhân lực hợp lý, đào tạo và sử dụng đúng số lượng, kỹ năng và trình độ cán bộ
- B. Có kế hoạch phát triển nhân lực hợp lý

3. Trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ là

- E. Ban tổ chức chính quyền tỉnh quản lý các đơn vị và Thủ trưởng đơn vị
- D. Ban tổ chức chính quyền tỉnh quản lý các đơn vị
- B. Trưởng phòng nhân sự
- * A. Thủ trưởng đơn vị
- C. Thủ trưởng đơn vị và Trưởng phòng nhân sự

4. Chính phủ, ngành y tế và các cơ quan đào tạo phải

- C. Kết hợp điều phối việc sử dụng, phân cấp, đào tạo và phát triển hệ thống y tế
- E. Kết hợp điều phối việc sử dụng nhân lực y tế, đào tạo và quy hoạch phát triển hệ thống y tế
- B. Kết hợp điều phối việc đào tạo và phát triển hệ thống y tế và điều phối cán bộ
- * A. Kết hợp điều phối việc lập kế hoạch nhân lực y tế, đào tạo và phát triển hệ thống y tế
- D. Kết hợp điều phối việc sử dụng, quy hoạch, đào tạo và phát triển hệ thống y tế

5. Một số nguyên tắc về quản lý nhân lực y tế là

- B. Kế hoạch đào tạo, phân phối nhân lực cần lồng ghép vào quá trình thực hiện hoạt động y tế
- E. Kế hoạch nhân lực lồng vào toàn bộ kế hoạch y tế và cần tăng cường ở các cấp khác nhau của dịch vụ y tế
- * A. Kế hoạch nhân lực lồng ghép vào toàn bộ kế hoạch y tế
- C. Kế hoạch sử dụng phân phối nhân lực cần tăng cường các cấp khác nhau của dịch vụ y tế
- D. Kế hoạch sử dụng nhân lực cần lồng ghép vào quá trình phát triển của một số các dịch vụ y tế

6. Khi phân công nhiệm vụ cán bộ cần

- E. Trả lời câu hỏi: ai có khả năng thực hiện nhiệm vụ và có nguyện vọng cá nhân gì và chịu sự chỉ đạo của ai
- B. Trả lời câu hỏi: ai làm nhiệm vụ gì, khả năng thực thi và có nguyện vọng cá nhân gì
- C. Trả lời câu hỏi: ai làm nhiệm vụ gì, có nguyện vọng cá nhân gì và chịu sự điều hành của ai
- D. Trả lời câu hỏi: ai làm nhiệm vụ gì, khả năng thực thi và có nguyện vọng cá nhân gì và chịu sự chỉ đạo, giám sát và điều hành của ai
- * A. Trả lời câu hỏi: ai làm nhiệm vụ gì và chịu sự chỉ đạo, giám sát và điều hành của ai

7. Quản lý theo lịch công tác là

- D. Theo dõi cán bộ theo thời gian công việc thực hiện
- B. Đánh giá cán bộ qua thời gian thực hiện nhiệm vụ
- C. Đánh giá cán bộ qua thời gian đảm nhận chức trách công việc được giao
- E. Giám sát cán bộ về thời gian làm việc hàng ngày
- * A. Đánh giá cán bộ qua thời gian làm việc và kết quả công việc

8. Quản lý theo chức năng nhiệm vụ là

- E. Giám sát cán bộ về thời gian làm việc hàng ngày
- B. Đánh giá cán bộ qua bảng mô tả công việc cán bộ tự xây dựng có xác nhận của đơn vị
- C. Đánh giá cán bộ qua bảng mô tả công việc theo chức trách công việc được giao
- D. Theo dõi cán bộ theo bảng mô tả công việc theo thời gian công việc thực hiện
- * A. Đánh giá cán bộ qua bảng mô tả công việc và kết quả công việc

9. Quản lý thông qua điều hành giám sát là

- E. Kiểm tra thường xuyên và đột xuất nhằm phát hiện các mặt yếu kém của cán bộ
- * A. Nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn qua trực tiếp giúp đỡ, hỗ trợ và đào tạo tại chỗ
- D. Kiểm tra và đánh giá kết quả làm việc của cán bộ cấp dưới
- C. Kiểm tra trực tiếp và cùng thực hiện một phần nhiệm vụ
- B. Nhằm theo dõi và kiểm tra tiến độ thực hiện công việc

10. Các chức danh của mỗi trạm y tế xã có

- B. 3 chức danh
- E. 7 chức danh

- C. 4 chức danh
- * A. 5 chức danh
- D. 6 chức danh

11. Về biên chế của trạm y tế hiện nay với xã trên 8000 đến 12000 dân có

- E. 3- 5 cán bộ y tế
- * A. 4-5 cán bộ y tế
- D. 4-6 cán bộ y tế
- C. 5-6 cán bộ y tế
- B. 3-4 cán bộ y tế

12. Các chức danh của trạm y tế xã hiện nay gồm:

- B. Bác sĩ hoặc y sĩ sản nhi, dược tá
- E. Bác sĩ, y sĩ sản nhi, điều dưỡng
- D. Bác sĩ, cử nhân y tế công cộng và dược tá
- C. Y sĩ đa khoa, nữ hộ sinh, điều dưỡng viên và dược tá
- * A. Bác sĩ, nữ hộ sinh, y tá, lương y và dược tá

13. Mục tiêu đến năm 2010 trạm y tế xã, có nhân viên y tế thôn bản hoạt động là:

- C. 80% số thôn
- D. 70% số thôn
- * A. 100% số thôn
- B. 90% số thôn
- E. 60% số thôn

14. Trạm y tế xã có các nhiệm vụ sau

- * A. 8 nhiệm vụ
- D. 11 nhiệm vụ
- C. 10 nhiệm vụ
- B. 9 nhiệm vụ
- E. 12 nhiệm vụ

15. Phân công nhiệm vụ cho cán bộ y tế

- D. Theo nhiệm vụ chuyên trách cho mỗi chức trách của cán bộ trạm, theo Chuẩn Quốc gia về y tế xã
- * A. Theo chức trách nhiệm vụ chung của trạm, theo Chuẩn Quốc gia về y tế xã và theo năng lực và trình độ của cán bộ
- E. Theo chức trách nhiệm vụ chung của trạm, theo Chuẩn Quốc gia về y tế xã và theo quy định của TTYT huyện
- B. Theo quy định của TTYT huyện, theo Chuẩn Quốc gia về y tế xã và theo nguyện vọng và trình độ của cán bộ
- C. Theo chức trách nhiệm vụ chung của trạm, theo nguyện vọng, năng lực và trình độ của cán bộ

16. Quản lý việc sử dụng thời gian hợp lý là

- * A. Lồng ghép các hoạt động và phối hợp hoạt động
- D. Phân công cán bộ sử dụng thời gian hợp lý, và phối hợp các cán bộ chuyên khoa tăng cường tuyến xã.
- E. Lồng ghép các hoạt động và phân công cán bộ sử dụng thời gian hợp lý. và phối hợp các cán bộ chuyên khoa tăng cường tuyến xã.
- C. Lồng ghép các hoạt động và phân công cán bộ sử dụng thời gian hợp lý
- B. Lồng ghép các hoạt động qua việc phân công cán bộ trạm phụ trách theo khu vực

17. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ gồm

- E. Căn cứ vào bảng mô tả công việc và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan trong vùng
- * B. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và theo nhiệm vụ thực hiện
- C. Căn cứ vào chức trách cá nhân và kết quả chăm sóc sức khỏe của người dân trong vùng
- D. Căn cứ vào bảng mô tả công việc và kết quả chăm sóc sức khỏe của người dân trong vùng
- A. Căn cứ vào chức trách cá nhân, có bảng Chuẩn quốc gia về y tế xã kém theo

18. Bản mô tả công việc là

- C. Văn bản các quyền hạn và trách nhiệm của nhân viên
- E. Văn bản liệt kê các quyền hạn và trách nhiệm khi thực hiện công việc
- B. Văn bản liệt kê các quyền hạn và trách nhiệm khi thực hiện công việc
- D. Bản liệt kê các quyền hạn và trách nhiệm khi thực hiện công việc
- * A. Văn bản các quyền hạn và nhiệm vụ khi thực hiện công việc

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

1. Tài chính y tế là một bộ phận của

- E. Mạng lưới quản lý tiến của Bộ y tế
- C. Đơn vị có dự toán thu chi của các đơn vị sản xuất kinh doanh
- D. Mạng lưới quản lý kinh phí của các ngành chủ quản
- * A. Hệ thống tài chính quốc gia hoạt động trong lĩnh vực y tế
- B. Đơn vị thu chi của các đơn vị hành chính sự nghiệp

2. Quản lý tài chính là sử dụng các phương pháp tài chính để

- D. Xác định nguồn thu chi, thực hiện thu chi để bảo đảm kinh phí hoạt động của đơn vị
- E. Thu chi theo đúng quy định để bảo đảm kinh phí hoạt động của đơn vị
- C. Dự toán và thực hiện thu chi theo đúng nguyên tắc và pháp luật nhà nước
- * A. Xác định nguồn thu chi, thu chi theo đúng nguyên tắc và pháp luật nhà nước để bảo đảm kinh phí hoạt động của đơn vị
- B. Xác định nguồn thu, các khoản chi, thu chi theo đúng nguyên tắc quy định của đơn vị để bảo đảm kinh phí hoạt động của đơn vị

3. Nguyên tắc quản lý tài chính y tế là

- D. Thu đúng và đủ, để thực hiện chi sao cho hiệu quả nhất và tiết kiệm
- C. Thực hiện chi sao cho hiệu quả nhất và tiết kiệm
- B. Khai thác và huy động nguồn kinh phí và thực hiện chi phù hợp
- E. Thu đúng và đủ; và thực hiện chi theo quy định và sao cho hiệu quả nhất và tiết kiệm
- * A. Khai thác nguồn thu, tạo ra nguồn kinh phí và thực hiện chi sao cho hiệu quả nhất và tiết kiệm

4. Nội dung công tác quản lý tài chính gồm

- C. Dự toán thu chi, tiến hành thu chi và đánh giá
- D. Thực hiện dự toán, thanh tra kiểm tra và đánh giá
- * A. Dự toán thu chi, thực hiện dự toán, quyết toán, thanh tra kiểm tra và đánh giá
- E. Dự toán thu chi, thực hiện thanh tra kiểm tra và đánh giá
- B. Tạo nguồn thu chi, thực hiện chi và quyết toán theo quy định

5. Nhiệm vụ của quản lý tài chính

- D. Hướng dẫn chế độ, thực hiện thanh quyết toán, kiểm tra thanh tra, phân tích hoạt động kinh tế
- B. Tổ chức bộ phận, thực hiện thanh quyết toán, báo cáo và lưu giữ hồ sơ chứng từ theo quy định nhà nước
- * A. Tổ chức bộ phận, hướng dẫn chế độ, thực hiện thanh quyết toán, kiểm tra thanh tra, phân tích hoạt động kinh tế, báo cáo và lưu giữ hồ sơ chứng từ theo quy định nhà nước
- C. Thực hiện thanh quyết toán, kiểm tra thanh tra, phân tích hoạt động kinh tế, báo cáo và lưu giữ hồ sơ chứng từ
- E. Tổ chức bộ phận, hướng dẫn chế độ, thực hiện chi có kiểm tra thanh tra, báo cáo theo quy định nhà nước

6. Cơ quan quản lý ngân sách y tế xã hiện nay là

- E. UBND xã và Trung tâm y tế huyện
- B. Trung tâm y tế huyện
- D. Phòng tài chính huyện
- C. UBND huyện
- * A. UBND xã

7. Quản lý tài chính y tế xã là

- C. Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp và thực hiện thu chi theo quy định
- E. Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp và huy động tăng nguồn kinh phí
- B. Sử dụng chi theo quy định và tăng các khoản thu về khám chữa bệnh tại xã
- * A. Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp và các khoản thu tại xã
- D. Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp và thu chi, quyết toán theo quy định tài chính

8. Trạm y tế xã là đơn vị

- C. Kế toán báo sổ. Được quyền chỉ đạo và phân phối thu chi về kinh phí
- E. Chịu trách nhiệm chính về quản lý các nguồn kinh phí được cấp. Được quyền chỉ đạo và phân phối thu chi về kinh phí
- A. Kế toán báo sổ.
- B. Chịu trách nhiệm chính về quản lý các nguồn kinh phí được cấp.
- * D. Chịu trách nhiệm chính về quản lý các nguồn kinh phí được cấp. Kế toán báo sổ.

9. Ngân sách xã là cấp cuối cùng trong hệ thống ngân sách

- D. 5 cấp hiện nay ở nước ta
- B. 2 cấp hiện nay ở nước ta
- * A. 4 cấp hiện nay ở nước ta
- E. 6 cấp hiện nay ở nước ta
- C. 3 cấp hiện nay ở nước ta

10. Các nguồn cung cấp tài chính cho trạm y tế xã là

- B. Kinh phí do cấp trên cấp
- C. Các khoản thu từ các dịch vụ y tế
- D. Kinh phí do các dự án hỗ trợ
- E. Kinh phí do cấp trên cấp và các khoản thu từ các dịch vụ y tế
- * A. Kinh phí do cấp trên cấp và các khoản thu từ các dịch vụ y tế

11. Để quản lý ngân sách y tế của Trạm y tế xã hiện nay có

- B. 7 loại sổ
- * A. 8 loại sổ
- D. 5 loại sổ
- E. 4 loại sổ
- C. 6 loại sổ

12. Các chứng từ kế toán của Trạm y tế xã theo chế độ do

- B. Bộ Y tế ban hành
- D. Bộ Y tế và Ban vật giá Chính phủ ban hành.
- * A. Bộ tài chính ban hành
- C. Ban vật giá Chính phủ ban hành
- E. Bộ Y tế, Bộ tài chính và Ban vật giá Chính phủ ban hành. Kiểm toán nhà nước quy định

13. Mọi hoạt động tài chính của trạm đều phải thể hiện trên

- B. Các bản báo cáo hàng tháng của trạm.
- D. Các bản báo cáo hàng tháng của trạm. Các bản tổng kết có giả trình đầy đủ các thông tin về thu chi.
- * A. Các Chứng từ kế toán theo quy định pháp lý hiện hành

- E. Chứng từ kế toán theo Bộ y tế quy định. Chứng từ kế toán theo mẫu đang quy định hiện hành
- C. Các bản tổng kết có giả trình đầy đủ các thông tin về thu chi

14. Dự toán chi của trạm y tế xã gồm

- D. Chi lương. Chi mua vật tư tiêu hao, thuốc và chi khác
- * A. Chi mua vật tư tiêu hao, thuốc. Chi bảo dưỡng, sửa chữa. Chi điều trị nước, văn phòng phẩm, điện thoại và chi khác
- C. Chi mua vật tư tiêu hao, thuốc
- B. Chi lương
- E. Chi lương. Chi mua thuốc. Chi bảo dưỡng, sửa chữa. Chi điều trị nước, văn phòng phẩm, điện thoại

15. Quản lý vật lực tại các cơ sở y tế gồm:

- * A. Trang thiết bị y tế, Thuốc, Vac xin, Hoá chất
- B. Trang thiết bị y tế, Thuốc
- C. Thuốc , Hoá chất
- E. Thuốc , Vac xin., Hoá chất
- D. Trang thiết bị y tế, Hoá chất

16. Trang thiết bị tiêu bao gồm

- * A. Bông băng, Cồn, nhiệt kế
- D. Ống nghe, Bông băng, Nhiệt kế
- B. Ống nghe, Máy đo huyết áp,
- E. Máy đo huyết áp, Bông băng, Nhiệt kế
- C. Ống nghe, Máy đo huyết áp, Bông băng

17. Nội dung quản lý tài sản gồm:

- D. Đăng ký xuất kho, nhập kho Cân đối nhu cầu
- B. Đăng ký xuất kho, Kiểm tra, Cân đối nhu cầu
- C. Đơn đặt hàng, Kiểm tra, Cân đối nhu cầu
- * A. Đơn đặt hàng, Đăng ký xuất kho, nhập kho Kiểm tra, Cân đối nhu cầu
- E. Đơn đặt hàng, Đăng ký xuất kho, Kiểm tra

18. Nội dung dự trù trong quản lý tài sản bao gồm

- C. Cân đối nhu cầu, Giám sát, Bản kê trang bị cấp phát
- * A. Cân đối nhu cầu, Thủ tục nhập, Giám sát, Bản kê trang bị cấp phát
- D. Cân đối nhu cầu, Thủ tục nhập, Bản kê trang bị cấp phát
- B. Thủ tục nhập, Giám sát, Bản kê trang bị cấp phát
- E. Cân đối nhu cầu, Thủ tục nhập, Giám sát

19. Phân loại tài sản gồm

- * A. Theo giá trị và theo công dụng
- B. Theo giá trị, theo công dụng, theo hạn sử dụng
- E. Theo giá trị, theo công dụng, theo loại tiêu hao
- D. Theo giá trị, theo công dụng, theo hạn sử dụng, theo loại tiêu hao
- C. Theo giá trị, theo công dụng, theo lĩnh vực chuyên môn

20. Phân loại tài sản theo giá trị gồm

- C. Tài sản cố định, vật rẻ tiền mau hỏng, vật tư kỹ thuật y tế
- D. Tài sản cố định, vật tư thông dụng, vật liệu y tế
- * A. Tài sản cố định, vật rẻ tiền mau hỏng và vật liệu
- B. Tài sản cố định, vật rẻ tiền mau hỏng, vật liệu, vật tư thông dụng
- E. Tài sản cố định, vật rẻ tiền mau hỏng, vật tư kỹ thuật

21. Phân loại tài sản theo công dụng gồm

- B. vật tư kỹ thuật y tế, vật rẻ tiền mau hỏng, vật liệu
- E. Tài sản cố định, vật tư thông dụng, vật liệu y tế
- C. Tài sản cố định, vật rẻ tiền mau hỏng, vật liệu, vật tư thông dụng
- D. Tài sản cố định, vật rẻ tiền mau hỏng, vật tư kỹ thuật y tế
- * A. Vật tư thông dụng, vật tư kỹ thuật y tế

22. Nguyên tắc quản lý vật tư trang thiết bị y tế

- * A. Thống kê số lượng, giá trị; bảo quản; xuất nhập; kiểm tra, đánh giá, sửa chữa
- E. Bảo quản; kiểm tra, đánh giá, sửa chữa
- D. Thống kê số lượng, giá trị; xuất nhập; bảo quản
- B. Bảo quản; xuất nhập; kiểm tra, đánh giá
- C. Thống kê số lượng, giá trị; xuất nhập; kiểm tra, đánh giá và trách nhiệm cán bộ

23. Những quy định trong quản lý vật tư trang thiết bị y tế

- B. Lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa, phân phối. Lập sổ sách, biểu mẫu quản lý. Quy định mức độ và quy chế sử dụng
- D. Lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa, phân phối. Theo dõi giá trị tài sản. Lập sổ sách, biểu mẫu quản lý.
- E. Theo dõi giá trị tài sản. Lập sổ sách, biểu mẫu quản lý. Quy định mức độ và quy chế sử dụng
- C. Lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa, phân phối. Theo dõi giá trị tài sản. Quy định mức độ và quy chế sử dụng
- * A. Lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa, phân phối. Theo dõi giá trị tài sản. Lập sổ sách, biểu mẫu quản lý. Quy định mức độ và quy chế sử dụng

LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ (tự làm có gì góp ý để sửa)

1. Hiện nay để lập kế hoạch y tế hằng năm, trạm y tế cần phải:

- D. Lập kế hoạch như năm trước.
- C. Lập kế hoạch quản lý chương trình căn cứ theo nhu cầu y tế của địa phương Lập kế hoạch như năm trước.
- * A. Lập kế hoạch quản lý chương trình căn cứ theo nhu cầu y tế của địa phương và chỉ tiêu của cấp trên giao
- E. Báo cáo lên cấp trên xin chỉ tiêu
- B. Lập kế hoạch quản lý chương trình căn cứ theo nhu cầu y tế của địa phương

2. Lập kế hoạch chương trình y tế, bước đầu tiên là:

- * D. Thu thập thông tin để xây dựng mục tiêu kế hoạch
- E. Thu thập thông tin để xây dựng mục tiêu kế hoạch Lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên
- B. Lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên
- A. Tổng kết kết quả hoạt động năm trướcLựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên
- C. Đánh giá tình hình và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên

3. Lập kế hoạch chương trình y tế gồm có

- C. 5 bước cơ bản
- B. 3 bước cơ bản
- A. 4 bước cơ bản
- * D. 6 bước cơ bản
- E. 7 bước cơ bản

4. Lập kế hoạch chương trình y tế hiện nay gồm có nội dung

- * D. Xây dựng mục tiêu của kế hoạch phù hợp với nhu cầu y tế của địa phương, chỉ tiêu cấp trên giao năm nay và nguồn lực hiện có.
- C. Xây dựng mục tiêu của kế hoạch phù hợp với nhu cầu y tế của địa phương và chỉ tiêu cấp trên giao năm nay
- E. Điều chỉnh mục tiêu của năm trước phù hợp với chỉ tiêu cấp trên giao năm nay và nguồn lực hiện có.
- B. Điều chỉnh mục tiêu của năm trước phù hợp với nhu cầu y tế của địa phương năm nay
- A. Điều chỉnh mục tiêu của năm trước phù hợp với chỉ tiêu cấp trên giao năm nay

5. Lập kế hoạch chương trình y tế năm gồm có nội dung

- B. Kế hoạch đánh giá
- C. Đề ra các hoạt động giám sát
- D. Kế hoạch tài chính Kế hoạch đánh giá
- A. Kế hoạch tài chính
- * E. Kế hoạch tài chính Kế hoạch đánh giáĐề ra các hoạt động giám sát

7. Bước cuối cùng trong lập kế hoạch quản lý chương trình y tế là

- D. Viết báo cáo kết quả lập kế hoạch

- A. Đánh giá các hoạt động
- * C. Viết bản kế hoạch hành động
- B. Tổng kết các hoạt động
- E. A và D

8. Mục tiêu y tế của bản kế hoạch là

- C. Nội dung dùng để đánh giá
- A. Chỉ số y tế phải đạt được
- * E. Các chỉ số dùng để so sánh với kết quả đạt được, Nội dung dùng để đánh giá
- B. Các chỉ số dùng để theo dõi tiến độ công việc
- D. Các chỉ số dùng để so sánh với kết quả đạt được

9. Mục tiêu của chương trình y tế là

- D. Căn cứ để xây dựng chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện
- C. Căn cứ dùng để so sánh với các chương trình y tế khác
- E. Căn cứ để xây dựng các nhu cầu nguồn lực y tế
- A. Hoạt động cụ thể cần đạt được tùy theo nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng đó
- * B. Những điều mong muốn đạt được sau khi thực hiện chương trình y tế đó trong thời gian cụ thể

10. Mục tiêu của chương trình y tế là

- A. Căn cứ để xây dựng các hoạt động cụ thể thực hiện mục tiêu
- B. Căn cứ để xây dựng các nhu cầu nguồn lực y tế
- C. Căn cứ dùng để so sánh với các chương trình y tế khác
- D. Căn cứ để xây dựng các nội dung theo dõi và giám sát
- * E. Căn cứ để xây dựng các nội dung theo dõi và giám sát Căn cứ để xây dựng các nhu cầu nguồn lực y tế

11. Xây dựng mục tiêu y tế căn cứ vào:

- A. Căn cứ vào nguồn lực y tế
- * E. Căn cứ vào nguồn lực y tế Căn cứ vào chỉ tiêu trên giao
- B. Căn cứ vào chỉ tiêu trên giao
- C. Căn cứ vào nhu cầu y tế của địa phương
- D. Căn cứ vào chỉ tiêu trên giao và nhu cầu y tế của địa phương

12. Một mục tiêu y tế bao gồm

- B. Khi nào xong và kết quả, lợi ích như thế nào ?
- * D. Làm điều gì, làm được bao nhiêu, khi nào xong ?
- A. Điều gì, kinh phí bao nhiêu và khi nào xong ?
- E. Làm điều gì, có sự quan tâm chính quyền không ?
- C. Kinh phí thực hiện được bao nhiêu, có khả thi không ?

13. Một mục tiêu y tế cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau

- E. Đặc thù và thực hiện có kết quả.Đặc thù, theo dõi được và biết thời gian xong.
- C. Đo lường được ,ì phù hợp và có tính khả thi
- A. Đặc thù, theo dõi được và biết thời gian xong.
- B. Đặc thù và thực hiện có kết quả.
- * D. Đặc thù,đo lường được,Thích hợp.,Khả thi , Khoảng thời gian phải đạt được

14. Một mục tiêu y tế bao gồm

- B. Khi nào xong và kết quả, lợi ích như thế nào ?
- C. Cho ai, kinh phí thực hiện được bao nhiêu, khi nào xong ?
- D. Cho ai, làm được bao nhiêu, có khả thi không ?
- * E. Làm điều gì và khi nào xong ?Cho ai, làm được bao nhiêu, có khả thi không ?
- A. Làm điều gì và khi nào xong ?

15. Ở một cộng đồng có nhiều vấn đề sức khỏe, xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên là

- E. Chọn những vấn đề có đầy đủ nguồn lực để thực hiện.
- C. Chọn những vấn đề sức khỏe nào mà y tế tuyên trên cung cấp ngân sách
- D. Chọn những vấn đề sức khỏe nào mà có khả năng nguồn lực và giải quyết có tính khả thi.
- B. Chọn những vấn đề sức khỏe nào mà cộng đồng muốn thực hiện
- * A. Phân chia tất cả vấn đề sức khỏe đó để giải quyết tuần tự theo từng vấn đề cụ thể.

16. Ở một cộng đồng có nhiều vấn đề sức khỏe, xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên là

- E. Chọn những vấn đề có đầy đủ nguồn lực để thực hiện.
- * A. Chọn những vấn đề có mức độ phổ biến trong cộng đồng
- D. Chọn những vấn đề ưu tiên theo bảng phân loại ưu tiên
- C. Chọn những vấn đề sức khỏe nào mà y tế tuyên trên cung cấp ngân sách
- B. Chọn những vấn đề sức khỏe nào mà cộng đồng muốn thực hiện

17. Những khó khăn trở ngại do môi trường gặp phải khi lập kế hoạch là

- D. Những vấn đề về địa lý, khí hậu, xã hội và kỹ thuật
- C. Vấn đề về năng lực cán bộ y tế và kỹ thuật chuyên môn
- A. Những vấn đề về địa lý, khí hậu và xã hội
- * E. Những vấn đề về địa lý, khí hậu, kinh tế - xã hội và kỹ thuật
- B. Vấn đề kỹ thuật chuyên môn và trang thiết bị

18. Để ra các hoạt động trong lập kế hoạch quản lý các chương trình y tế là để:

- A. Thực hiện các nhiệm vụ trên giao
- D. Xem lại những hoạt động nào còn yếu kém
- C. Thực hiện các mục tiêu đề ra
- B. Triển khai các hoạt động còn yếu kém.
- * E. Thực hiện các nhiệm vụ trên giaoThực hiện các mục tiêu đề ra,

19. Để theo dõi tiến độ công việc và đánh giá được kết quả thực hiện các mục tiêu cần phải:

- B. Thường xuyên thu thập số liệu
- E. Lập kế hoạch có hoạt động theo dõi, giám sát.
- * A. Lập kế hoạch hành động có nội dung theo dõi và dự kiến kết quả thực hiện
- C. Tiến hành kiểm tra định kỳ
- D. Điều tra kết quả thực hiện theo định kỳ

20. Quá trình sử dụng nhân lực, vật tư, thời gian và kinh phí một cách hữu hiệu nhất để thực hiện mục tiêu đề ra là

- * E. Thực hiện kế hoạch giám sát chặt chẽ
- B. Công việc phân cấp quản lý
- D. Quản lý tốt các nguồn lực sẵn có
- A. Điều hành quản lý các hoạt động thực hiện theo chương trình
- C. Quá trình quản lý cán bộ

21. Trong bước điều hành quản lý chương trình y tế, việc phân phối thời gian một cách hợp lý để các hoạt động thực hiện đồng bộ và đúng tiến độ là:

- B. Chủ động về thời gian trong quản lý
- C. Điều hành thời gian
- * A. Làm việc có tính khoa học
- D. Duy trì kế hoạch đề ra
- E. Sự thống nhất trong quản lý

22. Việc phân công giữa cán bộ trạm y tế, nhân viên y tế thôn bản và cán bộ hỗ trợ... trong bước điều hành quản lý được gọi là:

- A. Điều hành trạm
- C. Làm việc có tính khoa học
- * B. Phân công cụ thể nhiệm vụ CBYT trong lập kế hoạch
- E. Điều hành nhân lực
- D. Phân chia cán bộ

23. Điều hành vật tư kinh phí trong điều hành quản lý tức là

- D. Làm chức năng của một kế toán
- * A. Dự trù mua sắm, cung cấp đủ trang thiết bị, dụng cụ thuốc men và phân phối nguồn kinh phí hợp lý và đầy đủ
- E. Tránh lãng phí các nguồn lực
- B. Mua sắm, cung cấp đủ trang thiết bị, dụng cụ thuốc men và cấp kinh phí theo yêu cầu các hoạt động cần trong khi thực hiện
- C. Chủ động mua sắm, cung cấp đủ trang thiết bị, dụng cụ thuốc men theo kế hoạch đã xây dựng và phân phối nguồn kinh phí hợp lý và đầy đủ

24. Quá trình theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra và giúp đỡ các cán bộ y tế thực hiện chương trình cho đúng với mục tiêu đề ra là:

- D. Điều hành và đánh giá kết quả thực hiện của cán bộ y tế
- E. Thu thập số liệu về kết quả hoạt động
- B. Lập kế hoạch điều hành hoạt động
- A. Quản lý cán bộ y tế
- * C. Giám sát thực hiện chương trình y tế

25. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình y tế bằng cách đánh giá thông qua:

- * E. Tổ chức ban điều tra thu thập số liệu toàn bộ quá trình thực hiện
- A. Kết quả báo cáo của người tổ chức thực hiện
- C. Báo cáo từ chính quyền địa phương
- B. Các chỉ số y tế
- D. Thông tin phản ánh từ đại diện cộng đồng đó

26. Đánh giá chương trình y tế bao gồm các bước:

- B. Thu thập các lý do thất bại và bàn biện pháp khắc phục ngay
- C. Thu thập số liệu, tổng kết số liệu và khen thưởng cơ quan, cán bộ hoàn thành công việc
- E. Thu thập các lý do thất bại và bàn biện pháp khắc phục ngay
- * A. Thu thập các số liệu, so sánh với mục tiêu đề ra, tìm nguyên nhân thành công và nguyên nhân tồn tại.ĩ í
- D. Hỏi ý kiến các nhà đại diện cộng đồng,Thu thập số liệu, tổng kết số liệu và khen thưởng cơ quan, cán bộ hoàn thành công việc

27. Khi lập kế hoạch quản lý hoạt động chương trình y tế của xã, tốt nhất nên viết dưới dạng:

- D. Bản liệt kê các hoạt động
- E. Sơ đồ các nhiệm vụ thực hiện
- * B. Bảng nhiều cột theo mẫu lập kế hoạch
- C. Báo cáo bằng văn bản
- A. Bảng phân chia công việc

28. Trong bản kế hoạch quản lý chương trình CDD của xã có mục tiêu ghi là:” Đến cuối năm 2003, trẻ em của xã X bị bệnh ỉa chảy đến trạm y tế được điều trị bằng ORS”, mục tiêu này thiếu nội dung về:

- B. “ khi nào” thực hiện
- A. “ bao nhiêu” trẻ
- C. “ở đâu” thực hiện
- * E. “ làm điều gì”
- D. “ ai “ thực hiện

29. Để đảm bảo khách quan và chính xác khi đánh giá chương trình y tế, trạm y tế xã có thể:

- C. Mời các nhà lãnh đạo cộng đồng và đại diện người dân tham gia đánh giá

- A. Mời chuyên gia bên ngoài vào đánh giá
- B. So sánh với các địa phương bên cạnh
- * E. Mời chuyên gia bên ngoài vào đánh giá Mời chính quyền địa phương bên cạnh đánh giá
- D. Mời chính quyền địa phương bên cạnh đánh giá

THEO DÕI, GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG Y TẾ

1. Theo dõi hoạt động y tế là

- B. Thu thập và phân tích thông tin về kết quả thực hiện hoạt động y tế trong một thời gian nhất định
- C. Thu thập thông tin số liệu thực hiện một cách định kỳ
- E. Thu thập và phân tích thông tin thực hiện được theo định kỳ
- * A. Thu thập và phân tích thông tin về tiến độ thực hiện một cách thường xuyên và định kỳ
- D. Phân tích thông tin về kết quả thực hiện về số lượng và chất lượng chuyên môn một cách thường xuyên

2. Giám sát các hoạt động y tế là

- * A. Hình thức quản lý trực tiếp, là quá trình hỗ trợ và đào tạo liên tục tại chỗ và thu thập thông tin về tiến độ và chất lượng hoạt động
- E. Hình thức quản lý trực tiếp và thu thập thông tin về tiến độ và chất lượng hoạt động
- C. Hình thức quản lý trực tiếp, là quá trình hỗ trợ và đào tạo liên tục tại chỗ và thu thập thông tin về chất lượng hoạt động
- D. Là quá trình hỗ trợ và đào tạo liên tục tại chỗ và thu thập thông tin về tiến độ hoạt động
- B. Hình thức quản lý trực tiếp và thu thập thông tin về tiến độ hoạt động

3. Kiểm tra công tác y tế là

- C. Tìm hiểu tiến độ công việc, kết quả và những nguyên nhân thành công của hoạt động
- D. Tìm hiểu những nguyên nhân sai sót và thất bại của hoạt động
- E. Tìm hiểu, thu thập thông tin về những nguyên nhân thất bại của hoạt động và tìm ra giải pháp khắc phục
- * A. Tìm hiểu tiến độ công việc, kết quả và những nguyên nhân thành công và thất bại của hoạt động
- B. Tìm hiểu tiến độ công việc và những nguyên nhân thất bại của hoạt động

4. Thanh tra y tế là

- D. Tìm hiểu kết quả công việc và tìm hiểu những sai phạm của hoạt động
- B. Tìm hiểu những nguyên nhân thất bại của hoạt động
- C. Tìm hiểu tiến độ công việc và những nguyên nhân vi phạm điều lệ quy định của cơ quan
- E. Tìm hiểu những nguyên nhân sai sót của hoạt động theo kế hoạch đề ra và tìm giải pháp khắc phục
- * A. Xác định các vi phạm so với quy định pháp lý

5. Các phương thức giám sát

- E. Giám sát trực tiếp , gián tiếp và giám sát định kỳ
- B. Giám sát trực tiếp, gián tiếp, giám sát hỗ trợ
- C. Giám sát trực tiếp , gián tiếp và giám sát thường xuyên
- D. Giám sát trực tiếp, gián tiếp và giám sát đột xuất
- * A. Giám sát trực tiếp và gián tiếp

6. Giám sát y tế là chức năng

- C. Của người quản lý, của giám sát viên y tế ở tuyến trên
- E. Của người quản lý, của một số nhân viên y tế do tuyến trên chỉ định
- D. Của nhân viên y tế trong cơ sở y tế, của một số nhân viên y tế do tuyến trên chỉ định
- B. Của giám sát viên y tế ở tuyến trên, của nhân viên y tế trong cơ sở y tế
- * A. Của người quản lý, của giám sát viên y tế ở tuyến trên, của cán bộ y tế trong cơ sở y tế

7. Những yêu cầu và tiêu chuẩn cần có của người giám sát viên là

- * A. Có kỹ năng giao tiếp, nắm vững kỹ thuật chuyên môn và có khả năng quản lý lãnh đạo
- D. Nắm vững kỹ thuật chuyên môn về lĩnh vực giám sát và có khả năng quản lý lãnh đạo
- C. Có kỹ năng giao tiếp, và có khả năng điều hành
- B. Có kỹ năng giao tiếp, biết lắng nghe và nắm vững kỹ thuật chuyên môn
- E. Có kỹ năng giao tiếp, nắm vững kỹ thuật chuyên môn chuyên ngành

8. Quy trình điều hành giám sát y tế gồm

- * A. Chọn hoạt động giám sát ưu tiên, xây dựng bảng danh mục giám sát và tổ chức nhóm giám sát.
- E. Có sự chỉ đạo về hoạt động giám sát ưu tiên, và tổ chức nhóm giám sát.
- D. Chọn hoạt động giám sát ưu tiên, lập bảng nội dung công việc giám sát và tổ chức nhóm giám sát.
- C. Chọn hoạt động giám sát ưu tiên và tổ chức nhóm giám sát.
- B. Xây dựng bảng danh mục giám sát và tổ chức nhóm giám sát.

9. Bảng chọn ưu tiên của hoạt động giám sát gồm các cột sau

- B. Vấn đề tồn tại, các giải pháp can thiệp và những ưu tiên của hoạt động giám sát
- D. Vấn đề tồn tại, những kết quả đạt được và những ưu tiên của hoạt động giám sát
- * A. Vấn đề tồn tại, nguyên nhân có thể và những ưu tiên của hoạt động giám sát
- E. Vấn đề tồn tại, những ưu tiên của hoạt động giám sát và những biện pháp kiến nghị
- C. Danh mục các nội dung hoạt động, những kết quả đạt được và những ưu tiên của hoạt động giám sát

10. Bảng danh mục giám sát là

- * A. Bảng có các phần mục được soạn thảo đầy đủ, hợp lý; Được dùng để rà soát lại kết quả công việc, kỹ thuật đã thực hiện.

- B. Bảng có các phần mục được soạn thảo đầy đủ theo đúng các hoạt động; Được dùng để rà soát lại những sai sót
- D. Bảng có các phần mục được soạn thảo theo các mục ưu tiên giám sát, dùng để kiểm tra tiến độ công việc
- E. Bảng có các phần mục được nêu đầy đủ, chi tiết; Được dùng để đối chiếu với mục tiêu kế hoạch đề ra
- C. Bảng có các phần mục được soạn thảo đầy đủ, toàn bộ tất cả những hoạt động; Được dùng để đánh giá hiệu quả công việc.

11. Về nội dung, mức độ, tính chất của bảng danh mục giám sát về cùng một dịch vụ y tế của tất cả các địa phương trong tỉnh

- E. Được xây khác nhau để nhằm giải quyết hỗ trợ nâng cao chất lượng kết quả hoạt động thực hiện
- C. Được xây dựng giống nhau để dễ tính điểm về kết quả đạt được của các đơn vị
- D. Được xây dựng giống nhau để dễ đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị
- B. Được xây dựng giống nhau để dễ so sánh kết quả giữa các đơn vị
- * A. Được xây dựng thường rất khác nhau, tùy theo vấn đề ưu tiên giám sát

12. Nhóm giám sát viên y tế cần được

- A. Đào tạo, huấn luyện chuyên môn kỹ thuật. Một người biết thạo nhiều việc và có khả năng làm việc độc lập
- C. Đào tạo, huấn luyện chuyên môn kỹ thuật. Một người biết thạo nhiều việc
- * D. Huấn luyện chuyên môn kỹ thuật và có khả năng làm việc độc lập
- B. Đào tạo, một người biết thạo nhiều việc và có khả năng làm việc độc lập
- E. Đào tạo, huấn luyện chuyên môn kỹ thuật và có khả năng quản lý

13. Kế hoạch giám sát cần được

- C. Thông qua khi đánh giá kết quả các hoạt động y tế
- * A. Lập kế hoạch khi xây dựng kế hoạch y tế
- E. Xây dựng và phê duyệt thực hiện
- B. Dự kiến kế hoạch khi thực thi hoạt động,
- D. Dự kiến kế hoạch khi thực thi hoạt động, Thông qua khi đánh giá kết quả các hoạt động y tế

14. Tiến hành giám sát tại cơ sở cần có các hoạt động sau

- C. Quan sát
- D. Thảo luận
- B. Gặp gỡ
- * A. Gặp gỡ, quan sát, thảo luận
- E. Gặp gỡ, quan sát

15. Tiến hành giám sát tại cơ sở cần có các hoạt động sau

- * A. Nghiên cứu sổ sách, sử dụng bảng danh mục giám sát, họp thảo luận với trưởng đơn vị

- C. Sử dụng bảng danh mục giám sát, họp thảo luận với trưởng đơn vị
- B. Nghiên cứu sổ sách,
- E. Sử dụng bảng danh mục giám sát, họp thảo luận với trưởng đơn vị, và các cán bộ chuyên môn liên quan đến nội dung giám sát
- D. Nghiên cứu sổ sách, sử dụng bảng danh mục giám sát,

16. Những việc làm sau giám sát

- E. Viết báo cáo, ghi chép hồ sơ, đưa ra kiến nghị
- * A. Viết báo cáo, họp thảo luận với đơn vị, ghi chép hồ sơ, đưa ra kiến nghị
- B. Viết báo cáo, họp thảo luận với đơn vị,
- D. Ghi chép hồ sơ, đưa ra kiến nghị
- C. Họp thảo luận với đơn vị, ghi chép hồ sơ,

17. Những thái độ đúng khi tiến hành giám sát

- E. Gặp gỡ thân mật, thái độ cởi mở và tạo niềm tin
- B. Gặp gỡ thân mật, thái độ cởi mở,
- C. Gặp gỡ thân mật và tạo niềm tin, tránh phê bình sai sót
- * A. Gặp gỡ thân mật, thái độ cởi mở, chân thành và cần khách lệ và tạo niềm tin
- D. Chân thành và cần khách lệ và tạo niềm tin và phê bình những sai sót

18. Những thái độ cần tránh khi giám sát

- * C. Tiếp xúc riêng tư, bắt bẻ những sai sót, ,
- B. Phê bình, bắt bẻ những sai sót, chê trách, coi thường
- E. Tránh chê trách, coi thường, nên khen động viên
- A. Thái độ hách dịch, bắt bẻ những sai sót, chê trách, coi thường
- D. Tránh phê bình những sai sót, chê trách, coi thường

ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG Y TẾ

1. Đánh giá các hoạt động y tế là

- B. Một trong 2 chức năng chính của quản lý y tế
- D. Một trong 5 chức năng chính của quản lý y tế
- C. Một trong 4 chức năng chính của quản lý y tế
- * A. Một trong 3 chức năng chính của quản lý y tế
- E. Một trong 6 chức năng chính của quản lý y tế

2. Đánh giá là chức năng của quản lý bao gồm:

- B. Xây dựng mục tiêu
- E. Xây dựng mục tiêu và tổ chức thực hiện
- D. Tổ chức thực hiện
- C. Động viên, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ

- * A. Quá trình theo dõi, giám sát

3. Đánh giá là chức năng của quản lý bao gồm hoạt động sau

- * A. Kiểm tra, Theo dõi và giám sát
- D. Xây dựng mục tiêu
- C. Kế hoạch hoá
- E. Lập kế hoạch và xây dựng mục tiêu
- B. Dự báo

4. Đánh giá các hoạt động y tế là

- C. Một hoạt động định kỳ xem xét và đo lường các kết quả đạt được
- E. Một quá trình phân tích giá trị các kết quả đạt được so với kết quả dự kiến
- * A. Một quá trình đo lường và xem xét giá trị các kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra
- B. Một quá trình tính toán và phân tích các chỉ số thực hiện so với mục tiêu đề ra
- D. Một quá trình xem xét kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra

5. Ý nghĩa của đánh giá các hoạt động y tế là

- * A. Xác định được mức độ đạt được so mục tiêu, rút ra những nguyên nhân thành công và sai sót làm cơ sở lập kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo
- B. Xác định được các chỉ số thực hiện theo mục tiêu, rút ra những nguyên nhân sai sót
- D. Xác định được các chỉ số thực hiện so mục tiêu, tìm sai sót và điều chỉnh mục tiêu
- E. Xác định được mức độ đạt được so mục tiêu, tìm sai sót để tăng cường nguồn lực
- C. Xác định được kết quả đạt được theo kế hoạch, tìm sai sót

6. Phân loại đánh giá các hoạt động y tế gồm

- * A. Đánh giá tiến độ, đánh giá kết thúc và đánh giá dài hạn
- D. Đánh giá theo số lượng, theo chất lượng và tiến độ
- B. Đánh giá tiến độ, đánh giá giữa kỳ và đánh giá dài hạn
- C. Đánh giá tiến độ, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ
- E. Đánh giá tiến độ, đánh giá tổng kết

7. Các Phương pháp đánh giá gồm

- D. Đánh giá tác động trên một đơn vị hoặc trên nhiều đơn vị sau một thời gian can thiệp
- C. Đánh giá trước sau trên một đơn vị hoặc trên nhiều đơn vị so sánh hiệu quả thực hiện một dịch vụ y tế
- B. Đánh giá theo mục tiêu, đánh giá trước sau so sánh các chỉ tiêu hoạt động
- E. Đánh giá theo mục tiêu, đánh giá so sánh ngang và so sánh dọc trên nhiều đơn vị
- * A. Đánh giá theo mục tiêu, đánh giá trước sau trên một đơn vị hoặc trên nhiều đơn vị

8. Các loại chỉ số đánh giá thường được sử dụng bao gồm:

- C. Chỉ số kết quả, chỉ số chuyên môn và chỉ số hiệu quả
- * A. Chỉ số đầu vào, đầu ra, chỉ số hoạt động và chỉ số tác động

- B. Chỉ số nguồn lực, chỉ số hoạt động và chỉ số tác động
- D. Chỉ số đầu vào, chỉ số kết quả
- E. Chỉ số hoạt động, chỉ số nguồn lực và chỉ số tác động

9. Chỉ số đầu vào về nguồn lực y tế bao gồm

- B. Nhân lực, tài chính và thời gian
- C. Nhân lực, trang thiết bị y tế, cơ sở vật chất, tài chính, thuốc
- E. Nhân lực, trang thiết bị y tế, cơ sở vật chất, tài chính, thuốc và thời gian
- * A. Nhân lực, trang thiết bị y tế, thuốc, cơ sở vật chất, tài chính, hệ thống quản lý và thời gian
- D. Nhân lực, trang thiết bị y tế, cơ sở vật chất, tài chính và thời gian

10. Các bước cơ bản của đánh giá gồm

- D. Lập kế hoạch đánh giá, tiến hành đánh giá và báo cáo kết quả
- * A. Lập kế hoạch đánh giá, chuẩn bị nguồn lực, tiến hành đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá
- C. Chuẩn bị chuẩn bị nguồn lực, tiến hành đánh giá và báo cáo
- E. Xây dựng kế hoạch, xác định đối tượng và phạm vi, tiến hành đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá
- B. Lập kế hoạch đánh giá, xác định phạm vi, chỉ số và nguồn lực, tiến hành đánh giá và báo cáo

11. Chuẩn bị phương tiện đánh giá gồm:

- C. Các bảng biểu, phiếu hỏi, các tài liệu liên quan
- E. Các biểu mẫu và các công cụ giám định kỹ thuật
- * A. Các dụng cụ đo lường, các bảng biểu, phiếu hỏi, các tài liệu liên quan
- B. Các dụng cụ đo lường và các tài liệu liên quan
- D. Các phương tiện kỹ thuật chuyên môn, phiếu hỏi, các tài liệu liên quan

12. Các chỉ số đánh giá là

- D. Số đo dùng phân tích và so sánh những thay đổi, mức độ hay xu hướng của vấn đề đánh giá
- * A. Số đo dùng đo lường và so sánh những thay đổi, mức độ hay xu hướng của vấn đề đánh giá
- E. Số đo dùng so sánh những thay đổi, mức độ hay xu hướng của vấn đề đánh giá
- B. Số đo dùng so sánh những kết quả thực hiện được
- C. Số đo dùng lượng giá hiệu quả các hoạt động thực hiện

13. Thu thập nguồn thông tin của cộng đồng cho đánh giá bằng các phương pháp:

- * A. Quan sát, bảng kiểm, phỏng vấn, thảo luận...
- B. Quan sát trực tiếp và gián tiếp và phỏng vấn...
- E. Quan sát, thảo luận nhóm trọng tâm
- C. Bảng kiểm, phỏng vấn, thảo luận...

- D. Bảng kiểm, phỏng vấn, thảo luận, điều tra gián tiếp...

14. Thu thập thông tin định tính cần

- D. Người nghiên cứu cần làm thử trước để điều chỉnh kỹ thuật thu thập phù hợp với đối tượng cung cấp và chia sẻ thông tin
- E. Người nghiên cứu có hiểu biết nhất định về lĩnh vực thông tin cần thu thập và khuyến khích đối tượng thảo luận và trao đổi ý kiến
- B. Người nghiên cứu có kỹ năng và kinh nghiệm nhất định để khai thác thông tin
- * A. Người nghiên cứu có kỹ năng nhất định để khai thác thông tin và khuyến khích đối tượng cung cấp và chia sẻ thông tin và kết hợp với kiểm tra gián tiếp về giá trị thông tin
- C. Người nghiên cứu có kinh nghiệm nhất định để khuyến khích đối tượng cung cấp và chia sẻ thông tin

15. Thu thập số liệu đánh giá cần

- * A. Thử nghiệm trên mẫu nhỏ trước, chọn giám sát viên và điều tra viên có khả năng, kỹ năng, kỹ thuật điều tra và kiểm tra độ chênh lệch của các công cụ và phương tiện đo lường.
- B. Thử nghiệm trên mẫu nhỏ trước để rút kinh nghiệm, chọn giám sát và điều tra viên.
- E. Chọn điều tra viên và kiểm tra độ chênh lệch của các phương tiện đo lường
- C. Chọn giám sát viên và điều tra viên có khả năng, kỹ năng, kỹ thuật điều tra
- D. Thử nghiệm trên mẫu nhỏ trước, chọn điều tra viên có kỹ năng, kỹ thuật điều tra

16. Các kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp đối tượng cần

- C. Hỏi lần lượt theo của phiếu hỏi, có thể điều chỉnh trình tự câu hỏi phù hợp tính hướng trả lời của đối tượng, kiểm tra các câu trả lời không nhất quán,
- E. Hỏi lần lượt theo trình tự của phiếu hỏi, dành thời gian cho đối tượng suy nghĩ để trả lời chính xác
- D. Kiểm tra các câu trả lời không nhất quán và dành thời gian cho đối tượng suy nghĩ để trả lời chính xác
- B. Hỏi lần lượt theo trình tự của phiếu hỏi, chú ý lắng nghe đối tượng trả lời và giải thích đầy đủ mục đích của câu hỏi
- * A. Hỏi lần lượt theo trình tự của phiếu hỏi, kiểm tra các câu trả lời không nhất quán, chú ý lắng nghe đối tượng trả lời

17. Các điều cần tránh khi phỏng vấn trực tiếp đối tượng:

- D. Không tự ý sửa câu hỏi, không ngắt lời và không chỉ trích khi họ trả lời không rõ ràng
- B. Không nên hỏi lần lượt theo trình tự của phiếu hỏi, và nên ngắt lời khi họ trả lời không rõ ràng và quá dài
- E. Không nín dành thời gian lâu cho đối tượng suy nghĩ để trả lời câu hỏi đóng
- * A. Không tự ý sửa câu hỏi, không ngắt lời và không chỉ trích khi họ trả lời không rõ ràng
- C. Không ngắt lời và nên nhắc nhở khi họ trả lời không rõ ràng

18. Khi thiết kế đề cương đánh giá nên

- B. Nên thu thập nhiều thông tin để tránh bỏ sót và thiếu dữ liệu khi viết báo cáo

- C. Không nên lập bảng trống trước vì thực tế khi phân tích thường thiếu thông tin bàn luận
- D. Hạn chế các câu hỏi mở để giới hạn phạm vi trả lời của đối tượng
- * A. Lập các bảng trống để chọn lựa các thông tin cần thiết
- E. Không nên lập bảng trống trước và hạn chế các câu hỏi mở

19. Trình bày bảng số liệu nên

- E. Có nhận xét phí dưới mỗi bảng, nêu đầy đủ các số liệu chung và giải thích nguyên nhân của các thông tin mới phát hiện và nêu độ tin cậy
- * A. Có nhận xét phía dưới mỗi bảng, giải thích kết quả và nguyên nhân của các thông tin mới phát hiện, nêu độ tin cậy của số liệu
- D. Dưới mỗi bảng, nêu các số liệu chính, giải thích kết quả và xu hướng của các thông tin mới phát hiện
- C. Có nhận xét phí dưới mỗi bảng, nêu các số liệu thông tin quan trọng
- B. Có nhận xét phí dưới mỗi bảng, giải thích kết quả và nguyên nhân của các thông tin mới phát hiện

20. Trình bày bảng số liệu nên tránh

- C. Nhận xét theo chủ quan về nguyên nhân không có số liệu trong bảng
- * A. Có nhận xét nhắc lại nhiều số liệu phía dưới mỗi bảng, và giải thích kết quả và nguyên nhân của các thông tin mới phát hiện khi chưa có căn cứ khoa học.
- E. Có nhận xét phí dưới mỗi bảng, nêu đầy đủ các số liệu chung
- B. Giải thích kết quả và nguyên nhân của các thông tin mới phát hiện
- D. Dưới mỗi bảng, nêu các số liệu chính, giải thích kết quả và xu hướng của các thông tin mới phát hiện

CÁC CHỈ SỐ SỨC KHỎE VÀ QUẢN LÝ THÔNG TIN Y TẾ

1. Thông tin y tế là:

- B. Số liệu mô tả quy mô và kết quả của hoạt động y tế trong một khoảng thời gian cụ thể.
- E. Số liệu mô tả nội dung và phương pháp của hoạt động y tế trong một khoảng thời gian cụ thể.
- C. Số liệu mô tả tình hình và quy mô của hoạt động y tế trong một khoảng thời gian cụ thể.
- A. Số liệu mô tả tình hình và kết quả hoạt động y tế trong một khoảng thời gian cụ thể.
- * D. Số liệu mô tả tình hình, quy mô và kết quả của hoạt động y tế trong một khoảng thời gian cụ thể.

2. Thông tin y tế có thể được thể hiện dưới dạng:

- * E. Chỉ số hay từ
- C. Tỷ lệ, tỉ số
- B. Từ, tỉ lệ
- D. Chỉ số, tỉ suất

- A. Chỉ số

3. Các dạng thông tin y tế bao gồm:

- B. Thông tin tài chính, vật lực, nhân lực y tế
- A. Thông tin cá nhân, thông tin về sức khỏe, nhân lực y tế
- E. Thông tin cá thể và quần thể
- D. Thông tin phòng bệnh, điều trị và phục hồi chức năng
- * C. Thông tin y tế cơ sở, thông tin về nguồn lực, thông tin để giải thích nguyên nhân

4. Thông tin y tế cơ sở là những thông tin :

- D. Thu được qua các điều tra ban đầu
- * A. Cần thiết phải có trước khi tiến hành một hoạt động y tế
- E. Về y tế ở tuyến cơ sở
- B. Được sử dụng để tiến hành các hoạt động y tế
- C. Được sử dụng làm cơ sở cho việc giải thích nguyên nhân của các vấn đề sức khỏe

5. Các chỉ số nào sau đây thuộc nhóm chỉ số tác động trong phân loại thông tin y tế:

- B. Chỉ số về hoạt động khám chữa bệnh, SKSS/KHHGD, các chương trình y tế, dịch vụ y tế.
- A. Chỉ số về cơ sở y tế, giường bệnh, nhân lực, kinh phí, trang thiết bị và thuốc.
- E. Tỷ lệ mắc bệnh, biến chứng, di chứng
- * D. Triển vọng sống lúc sinh, mô hình bệnh tật và tử vong, chiều cao trung bình của thanh niên ...
- C. Chỉ số mắc bệnh, tử vong, tai biến sản khoa..

6. Để phục vụ cho công tác quản lý y tế , thông tin cần được thu thập theo các nhóm nào sau đây:

- E. Nhóm chỉ số tác động, nhóm chỉ số thông tin y tế cơ sở, nhóm chỉ số thông tin về nguồn lực, nhóm chỉ số thông tin để giải thích nguyên nhân
- C. Nhóm chỉ số hoạt động, nhóm chỉ số đầu vào, nhóm chỉ số thông tin y tế cơ sở, nhóm chỉ số thông tin về nguồn lực
- * A. Nhóm chỉ số đầu vào, nhóm chỉ số hoạt động, nhóm chỉ số đầu ra, nhóm chỉ số tác động
- B. Nhóm chỉ số đầu vào, nhóm chỉ số thông tin y tế cơ sở, nhóm chỉ số thông tin về nguồn lực, nhóm chỉ số thông tin để giải thích nguyên nhân
- D. Nhóm chỉ số đầu vào, nhóm chỉ số hoạt động, nhóm chỉ số đầu ra, nhóm chỉ số thông tin y tế cơ sở

7. Nhóm chỉ số đầu vào gồm các chỉ số phản ánh:

- D. tác động lâu dài và tổng thể của các hoạt động y tế như triển vọng sống lúc sinh, mô hình bệnh tật và tử vong, chiều cao trung bình của thanh niên ...
- E. kết quả của quá trình hoạt động y tế bao gồm hoạt động phòng bệnh, điều trị
- B. tình hình hoạt động của ngành bao gồm các hoạt động khám chữa bệnh, SKSS/KHHGD, các chương trình y tế, dịch vụ y tế.
- C. kết quả đầu ra trước mắt của các hoạt động y tế như chỉ số mắc bệnh, tử vong, tai biến sản khoa..

- * A. nguồn lực của ngành bao gồm các nhóm về cơ sở y tế, giường bệnh, nhân lực, kinh phí, trang thiết bị và thuốc.

8. Nhóm chỉ số đầu ra gồm các chỉ số phản ánh:

- E. thông tin về sức khỏe và các vấn đề liên quan, thông tin về môi trường và hoàn cảnh sống
- C. tác động lâu dài và tổng thể của các hoạt động y tế như triển vọng sống lúc sinh, mô hình bệnh tật và tử vong, chiều cao trung bình của thanh niên ...
- D. nguồn lực của ngành bao gồm các nhóm về cơ sở y tế, giường bệnh, nhân lực, kinh phí, trang thiết bị và thuốc.
- A. tình hình hoạt động của ngành bao gồm các hoạt động khám chữa bệnh, SKSS/KHHGD, các chương trình y tế, dịch vụ y tế.
- * B. kết quả đầu ra trước mắt của các hoạt động y tế như chỉ số mắc bệnh, tử vong, tai biến sản khoa..

9. Nhóm chỉ số hoạt động gồm các chỉ số phản ánh:

- B. tác động lâu dài và tổng thể của các hoạt động y tế như triển vọng sống lúc sinh, mô hình bệnh tật và tử vong, chiều cao trung bình của thanh niên ...
- E. hiệu quả của công tác quản lý y tế, bao gồm công tác lập kế hoạch, theo dõi, giám sát và đánh giá
- A. kết quả đầu ra trước mắt của các hoạt động y tế như chỉ số mắc bệnh, tử vong, tai biến sản khoa..
- C. nguồn lực của ngành bao gồm các nhóm về cơ sở y tế, giường bệnh, nhân lực, kinh phí, trang thiết bị và thuốc.
- * D. tình hình hoạt động của ngành bao gồm các hoạt động khám chữa bệnh, SKSS/KHHGD, các chương trình y tế, dịch vụ y tế.

10. Nhóm chỉ số tác động gồm các chỉ số phản ánh:

- B. kết quả đầu ra trước mắt của các hoạt động y tế
- E. kết quả đầu ra trước mắt và lâu dài của các hoạt động y tế
- * D. nguồn lực của ngành y tế
- A. tình hình hoạt động của ngành y tế
- C. tác động lâu dài và tổng thể của các hoạt động y tế

11. Thông tin dùng cho công tác quản lý y tế phải bảo đảm mấy yêu cầu:

- E. 11
- B. 8
- A. 7
- * C. 9
- D. 10

12. Thông tin dùng cho công tác quản lý y tế phải bảo đảm những yêu cầu nào sau đây:

- D. tính đầy đủ, tính chính xác, tính sử dụng, tính thực thi và đơn giản, tính nhạy, tính đặc hiệu, tính khách quan, tính hiệu quả

- B. Tính kịp thời, tính đầy đủ, tính chính xác, tính sử dụng, tính thực thi và đơn giản, tính nhạy, tính khái quát, tính khách quan
- * A. Tính kịp thời, tính đầy đủ, tính chính xác, tính sử dụng, tính thực thi và đơn giản, tính nhạy, tính đặc hiệu, tính khách quan
- C. Tính kịp thời, tính đầy đủ, tính chính xác, tính sử dụng, tính thực thi và đơn giản, tính nhạy, tính phổ biến, tính khách quan
- E. tính đầy đủ, tính chính xác, tính sử dụng, tính thực thi và đơn giản, tính nhạy, tính đặc hiệu, tính khách quan, tính đồng nhất

13. Chỉ số nào sau đây là chỉ số thu thập từ ngành khác ngoài ngành y tế:

- * C. Số cán bộ y tế trên 1.000 dân
- E. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ
- D. Tỷ lệ bệnh viện có trang thiết bị 4 khoa ở trên địa bàn
- B. Số giường bệnh tính trên 1000 dân
- A. Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi

14. Tỷ suất sinh thô (Crude birth Rate- CBR) là:

- D. tỷ lệ giữa số trẻ em sinh ra trong năm so với 10.000 dân trong khu vực
- E. tỷ lệ giữa số trẻ em sinh ra và sống trong năm so với 10.000 dân trong khu vực
- C. tỷ lệ giữa số trẻ em sinh ra trong năm so với 1.000 dân trong khu vực
- B. tỷ lệ giữa số trẻ em sinh ra trong năm so với 100 dân trong khu vực
- * A. tỷ lệ giữa số trẻ em sinh ra và sống trong năm so với 1.000 dân trong khu vực

15. Dân số bình quân trong năm được tính bằng công thức:

- * E. $(1/2) [\text{dân số hiện có đầu năm} + \text{dân số hiện có cuối năm}]$
- D. $(1/2) \text{ dân số hiện có lúc 0 giờ ngày 1 tháng 7 của năm điều tra.}$
- C. $(1/2) \text{ dân số hiện có giữa năm}$
- A. $(1/2) \text{ dân số hiện có đầu năm}$
- B. $(1/2) \text{ dân số hiện có cuối năm}$

16. Tỷ suất tăng dân số tự nhiên bằng:

- * D. $\text{CBR} - \text{CDR}$
- A. $2 \times \text{CBR} - \text{CDR}$
- E. $2 (\text{CBR} - \text{CDR})$
- B. $\text{CBR} - 2 \text{ CDR}$
- C. $1/2 (\text{CBR} - \text{CDR})$

17. Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi (Infant Mortality Rate(IMR)):

- E. $\text{IMR} = (\text{Tổng số trẻ em chết dưới 1 tuổi trong năm} / \text{Tổng số trẻ em sinh ra trong năm}) \times 10000$
- A. $\text{IMR} = (\text{Tổng số trẻ em chết dưới 1 tuổi trong năm} / \text{Tổng số trẻ em sinh ra trong năm}) \times 1000$
- C. $\text{IMR} = (\text{Tổng số trẻ em chết dưới 1 tuổi cuối năm} / \text{Tổng số trẻ em sinh ra và sống trong năm}) \times 1000$

- $B.IMR = (\text{Tổng số trẻ em chết dưới 1 tuổi giữa năm} / \text{Tổng số trẻ em sinh ra và sống trong năm}) \times 1000$
- * $D.IMR = (\text{Tổng số trẻ em chết dưới 1 tuổi trong năm} / \text{Tổng số trẻ em sinh ra và sống trong năm}) \times 1000$

18. Tỷ số chết mẹ (Maternal Mortality Ratio (MMR):

- * B. tỷ số phần ngàn số bà mẹ chết do thai sản trong năm so với tổng số trẻ sinh ra và sống trong năm.
- C. tỷ số phần ngàn số bà mẹ chết do thai sản trong năm so với tổng số trẻ sinh ra trong năm.
- D. tỷ số phần ngàn số bà mẹ chết do thai sản trong năm so với tổng số trẻ sinh ra và sống giữa năm.
- E. tỷ số phần ngàn số bà mẹ chết do thai sản trong năm so với tổng số trẻ sinh ra giữa năm.
- A. tỷ số phần ngàn số bà mẹ chết trong năm so với tổng số trẻ sinh ra và sống trong năm.

19. Các chỉ số hậu cần y tế thường dùng trong quản lý thông tin y tế bao gồm:

- E. Tỷ lệ trạm y tế có đủ thuốc thiết yếu cung cấp cho người dân theo danh mục thuốc thiết yếu của Bộ Y tế, số giường bệnh tính trên 1000 dân.
- A. Tỷ lệ bệnh viện có trang thiết bị 4 khoa ở trên địa bàn (chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, cấp cứu hồi sức và phòng mổ), số giường bệnh tính trên 1000 dân.
- B. Tỷ lệ bệnh viện có trang thiết bị 4 khoa ở trên địa bàn (chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, cấp cứu hồi sức và phòng mổ), số cán bộ y tế trên 1000 dân.
- * C. Tỷ lệ bệnh viện có trang thiết bị 4 khoa ở trên địa bàn (chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, cấp cứu hồi sức và phòng mổ), tỷ lệ trạm y tế có đủ thuốc thiết yếu cung cấp cho người dân theo danh mục thuốc thiết yếu của Bộ Y Tế
- D. Tỷ lệ trạm y tế có đủ thuốc thiết yếu cung cấp cho người dân theo danh mục thuốc thiết yếu của Bộ Y Tế, ngân sách y tế nhà nước tính theo đầu dân

20. Các chỉ số hoạt động khám chữa bệnh thường dùng trong quản lý thông tin y tế bao gồm

- E. Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú, tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván
- D. Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin, tổng số bệnh nhân điều trị nội trú
- C. Số lần khám bệnh trên số dân, tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin
- A. Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin, tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván
- * B. Số lần khám bệnh trên số dân, tổng số bệnh nhân điều trị nội trú

21. Các chỉ số hoạt động khám chữa bệnh (dinh dưỡng) thường dùng trong quản lý thông tin y tế bao gồm:

- * B. Tỷ lệ trẻ đẻ có cân nặng < 2.500 gam, tỷ lệ trẻ < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tỷ lệ trẻ từ 4-12 tháng tuổi không đủ sữa mẹ.
- A. Tỷ lệ trẻ đẻ có cân nặng < 2.500 gam, tỷ lệ trẻ < 1 tuổi bị suy dinh dưỡng, tỷ lệ trẻ từ 4-6 tháng tuổi không đủ sữa mẹ.

- D. Tỷ lệ trẻ đẻ có cân nặng < 2.500 gam, tỷ lệ trẻ < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tỷ lệ trẻ dưới 12 tháng tuổi không đủ sữa mẹ.
- C. Tỷ lệ trẻ đẻ có cân nặng < 2.500 gam, tỷ lệ trẻ < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tỷ lệ trẻ từ 4-6 tháng tuổi không đủ sữa mẹ.
- E. Tỷ lệ trẻ đẻ có cân nặng < 2.500 gam, tỷ lệ trẻ < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tỷ lệ trẻ từ 6-12 tháng tuổi không đủ sữa mẹ.

22. Các chỉ số sức khỏe sinh sản /KHHGĐ thường dùng trong quản lý thông tin y tế bao gồm:

- C. Tỷ lệ sản phụ đẻ được CBYT đỡ đẻ, tỷ lệ các cặp vợ chồng chấp nhận các biện pháp KHHGĐ, tỷ lệ trẻ từ 4-6 tháng tuổi không đủ sữa mẹ.
- A. Tỷ lệ sản phụ đẻ được CBYT đỡ đẻ, tỷ lệ các cặp vợ chồng chấp nhận các biện pháp KHHGĐ, tỷ lệ trẻ đẻ có cân nặng < 2.500 gam
- * E. Tỷ lệ sản phụ đẻ được CBYT đỡ đẻ, tỷ lệ các cặp vợ chồng chấp nhận các biện pháp KHHGĐ.
- B. Tỷ lệ sản phụ đẻ được CBYT đỡ đẻ, tỷ lệ các cặp vợ chồng chấp nhận các biện pháp KHHGĐ, tỷ lệ trẻ < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng
- D. Tỷ lệ sản phụ được khám thai ít nhất 3 lần trong năm, tỷ lệ các cặp vợ chồng chấp nhận các biện pháp KHHGĐ, tỷ lệ trẻ từ 4-6 tháng tuổi không đủ sữa mẹ.

23. Các chỉ số mô hình bệnh tật tử vong thường dùng trong quản lý thông tin y tế bao gồm:

- C. Cơ cấu % mắc theo các nhóm bệnh theo ICD 10
- * E. Cơ cấu % mắc, chết theo các nhóm bệnh theo ICD 10
- A. Mười bệnh mắc cao nhất điều trị tại bệnh viện
- B. Mười bệnh chết cao nhất điều trị tại bệnh viện
- D. Cơ cấu % chết theo các nhóm bệnh theo ICD 10

24. Quan sát trực tiếp là kỹ thuật thu thập thông tin bằng cách

- * C. nhìn, nghe, đo lường, ghi âm, ghi hình và ghi chép một cách có hệ thống về các hành động và đặc tính của đối tượng nghiên cứu.
- A. người quan sát tham dự vào bối cảnh để quan sát và thu thập số liệu
- E. hỏi trực tiếp đối tượng và ghi chép một cách có hệ thống về các hành động và đặc tính của đối tượng nghiên cứu.
- B. người quan sát xem xét tình huống một cách công khai hay kín đáo nhưng không tham gia vào tình huống quan sát.
- D. Nhìn và ghi chép một cách có hệ thống về các hành động và đặc tính của đối tượng nghiên cứu.

25. Hệ thống quản lý thông tin y tế ở nước ta hiện nay bao gồm:

- B. Phòng thống kê tổng hợp bộ y tế, phòng thống kê tin học thuộc vụ kế hoạch, bộ phận thống kê y tế ở các trung tâm y tế huyện
- C. Phòng thống kê tổng hợp bộ y tế, tổng cục thống kê, bộ phận thống kê y tế ở trạm y tế xã phường

- * E. Bộ phận thống kê y tế ở bộ y tế, bộ phận thống kê y tế ở các sở y tế, bộ phận thống kê y tế ở các trung tâm y tế huyện, bộ phận thống kê y tế ở trạm y tế xã phường
- A. Bộ phận thống kê y tế ở bộ y tế, bộ phận thống kê y tế ở các sở y tế, bộ phận thống kê y tế ở trạm y tế xã phường
- D. Phòng thống kê tổng hợp bộ y tế, phòng thống kê tin học thuộc vụ kế hoạch, tổng cục thống kê

26. Hệ thống thu thập thông tin của ngành y tế nước ta bao gồm mấy 5 nguồn chính:

- A. 4
- D. 7
- E. 8
- * B. 5
- C. 6

27. Cơ quan có quyền ban hành và quản lý sổ sách, biểu mẫu báo cáo thống kê của ngành y tế, thống nhất và chuẩn hóa biểu mẫu thống kê, sổ sách ghi chép ban đầu và phần mềm tin học chuyên dụng là:

- * A. Bộ phận thống kê y tế ở bộ y tế
- B. Bộ phận thống kê y tế ở bộ, bộ phận thống kê y tế ở các sở y tế
- D. Bộ phận thống kê y tế ở các trung tâm y tế huyện
- E. Bộ phận thống kê y tế ở trạm y tế xã phường
- C. Bộ phận thống kê y tế ở các sở y tế

28. Mô hình thu thập thông tin đang áp dụng trong quản lý thông tin y tế hiện nay gồm:

- B. Báo cáo của các chương trình y tế ngành dọc, báo cáo định kỳ trực tiếp từ 61 huyện trọng điểm của UNICEF.
- * E. Hệ thống thông tin chính thức, hệ thống thông tin của các chương trình y tế ngành dọc, hệ thống thông tin điều tra nghiên cứu
- D. Báo cáo của các bộ, ngành có liên quan, các điều tra chọn mẫu.
- C. Báo cáo của Tổng Cục Thống Kê, hệ thống báo cáo chính thức của bộ y tế
- A. Hệ thống báo cáo thống kê định kỳ của tuyến y tế cơ sở tổng hợp tại huyện, tỉnh rồi chuyển cho Phòng TK-TH thuộc Vụ Kế Hoạch, Bộ Y Tế

29. Phương tiện thu thập thông tin chính thức của Bộ Y Tế hiện nay gồm có:

- D. 9 cuốn sổ từ A1 đến A9
- A. 6 cuốn sổ từ A1 đến A6
- * B. 7 cuốn sổ từ A1 đến A7
- E. 10 cuốn sổ từ A1 đến A10
- C. 8 cuốn sổ từ A1 đến A8

30. Một số nhược điểm trong công tác quản lý thông tin y tế nước ta hiện nay:

- E. Thiếu hệ thống giám sát đánh giá trong việc thu thập số liệu, không có đủ phương tiện máy móc để xử lý thông tin

- * A. Thiếu sự thống nhất trong điều phối, số liệu thông tin quá nhiều nhưng không đầy đủ, chất lượng thông tin còn thấp, ít sử dụng thông tin y tế
- C. Chưa có các biểu mẫu ghi chép thống nhất, số liệu thông tin quá nhiều nhưng không đầy đủ, chất lượng thông tin còn thấp, ít sử dụng thông tin y tế
- D. Thiếu sự phối hợp hoạt động giữa các ban ngành, sử dụng thông tin không đúng mục đích
- B. Số liệu thông tin ít và không đầy đủ, chất lượng thông tin còn thấp, ít sử dụng thông tin y tế

31. Những nguyên nhân chính dẫn đến chất lượng thông tin y tế ở nước ta còn thấp là do:

- D. Trình độ của cán bộ y tế đa số còn hạn chế, phải thu thập nhiều thông tin, nguồn số liệu lại chưa chuẩn xác
- B. Cán bộ y tế chưa có trách nhiệm cao, nguồn số liệu lại chưa chuẩn xác, biểu mẫu chưa thực sự khoa học
- * E. Phải thu thập nhiều thông tin, nguồn số liệu lại chưa chuẩn xác, biểu mẫu chưa thực sự khoa học, đội ngũ cán bộ thống kê chưa ổn định và phương tiện chưa đầy đủ
- A. Người dân không hợp tác, phải thu thập nhiều thông tin, nguồn số liệu lại chưa chuẩn xác
- C. Phải thu thập nhiều thông tin, nguồn số liệu lại chưa chuẩn xác, đội ngũ cán bộ thống kê chưa ổn định và phương tiện chưa đầy đủ

32. Trong hệ thống chính thức của mô hình thu thập thông tin y tế đang áp dụng hiện nay tại Việt nam thì sổ A1 là:

- D. sổ đẻ
- * A. sổ khám bệnh
- B. sổ tiêm chủng vắc xin
- C. sổ khám thai
- E. sổ theo dõi các biện pháp KHHGĐ

33. Trong hệ thống chính thức của mô hình thu thập thông tin y tế đang áp dụng hiện nay tại Việt nam thì sổ A2 là:

- B. sổ theo dõi các bệnh xã hội
- C. sổ khám bệnh
- * D. sổ tiêm chủng vắc xin
- A. sổ theo dõi nguyên nhân tử vong
- E. sổ khám thai

34. Trong hệ thống chính thức của mô hình thu thập thông tin y tế đang áp dụng hiện nay tại Việt nam thì sổ A3 là:

- A. sổ theo dõi các bệnh xã hội
- E. sổ đẻ
- C. sổ tiêm chủng vắc xin
- * D. sổ khám thai
- B. sổ khám bệnh

35. Trong hệ thống chính thức của mô hình thu thập thông tin y tế đang áp dụng hiện nay tại Việt nam thì sổ A4 là:

- D. sổ tiêm chủng vắc xin
- A. sổ tiêm chủng vắc xin
- E. sổ khám thai
- C. sổ khám bệnh
- * B. Sổ đẻ

36. Trong hệ thống chính thức của mô hình thu thập thông tin y tế đang áp dụng hiện nay tại Việt nam thì sổ A5 là:

- E. sổ đẻ
- A. sổ khám bệnh
- D. sổ khám thai
- * C. sổ theo dõi các biện pháp KHHGĐ
- B. sổ tiêm chủng vắc xin

37. Trong hệ thống chính thức của mô hình thu thập thông tin y tế đang áp dụng hiện nay tại Việt nam thì sổ A6 là:

- D. sổ khám thai
- * E. sổ theo dõi nguyên nhân tử vong
- B. sổ khám bệnh
- A. sổ theo dõi các bệnh xã hội
- C. sổ tiêm chủng vắc xin

38. Trong hệ thống chính thức của mô hình thu thập thông tin y tế đang áp dụng hiện nay tại Việt nam thì sổ A7 là:

- * A. sổ theo dõi các bệnh xã hội
- B. sổ khám bệnh
- C. sổ tiêm chủng vắc xin
- E. sổ đẻ
- D. sổ khám thai

39. Chỉ số về vệ sinh an toàn lao động thường dùng trong quản lý thông tin y tế là:

- C. tỷ lệ % số công nhân bị bệnh nghề nghiệp so với tổng số dân trong khu vực
- E. tỷ lệ % số công nhân bị bệnh nghề nghiệp so với tổng số người trong độ tuổi lao động
- D. tỷ lệ ‰ số công nhân bị bệnh nghề nghiệp so với tổng số dân trong khu vực
- A. tỷ lệ % số công nhân bị bệnh nghề nghiệp so với tổng số công nhân trong kỳ báo cáo
- * B. tỷ lệ % số công nhân làm việc tiếp xúc với nguy cơ độc hại so với tổng số công nhân trong kỳ báo cáo.

40. Các chỉ số thu thập từ ngoài ngành y tế bao gồm:

- B. Tổng số trẻ em < 5 tuổi, Tỷ suất tăng dân số tự nhiên, Tỷ suất phát triển dân số hàng năm, Số giường bệnh tính trên 1000 dân, Số cán bộ y tế trên 1.000 dân
- E. Tổng số trẻ em < 5 tuổi, Tỷ suất tăng dân số tự nhiên, Tỷ lệ trẻ đẻ có cân nặng < 2.500 gam, Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin, tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván
- D. Tổng số trẻ em < 5 tuổi, Tỷ suất tăng dân số tự nhiên, Tỷ lệ trẻ đẻ có cân nặng < 2.500 gam, Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, Tỷ lệ trẻ từ 4-12 tháng tuổi không đủ sữa mẹ.
- C. Tỷ suất tăng dân số tự nhiên, Tỷ suất phát triển dân số hàng năm, Số giường bệnh tính trên 1000 dân, Số cán bộ y tế trên 1.000 dân, Ngân sách y tế nhà nước tính theo đầu dân
- * A. Tổng số trẻ em < 5 tuổi, Tỷ suất tăng dân số tự nhiên, Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi, Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi, Tỷ số chết mẹ

41. Một thông tin y tế có tính chính xác khi:

- A. nó đáp ứng đúng và đủ theo yêu cầu của hoạt động y tế để việc ra quyết định được phù hợp và có hiệu quả
- B. nó thực sự cần thiết và được sử dụng đúng cho mục đích xây dựng kế hoạch, quản lý, giám sát và lượng giá các hoạt động cũng như cho việc xây dựng chính sách y tế.
- E. nó không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gây nhiễu và không bị điều chỉnh số liệu, mọi người khi sử dụng cùng một chỉ số đều có nhận định giống nhau.
- * C. nó phản ánh đúng bản chất của một vấn đề sức khỏe tồn tại trong cộng đồng, có tính thống nhất. Chỉ số thu thập gọi là chính xác, chấp nhận được khi nó chỉ sai lệch trong khoảng cho phép so với chuẩn.
- D. nó nhạy cảm với sự thay đổi của đối tượng cần đo lường.

42. Một thông tin y tế có tính đặc hiệu khi:

- B. nó nhạy cảm với sự thay đổi của đối tượng cần đo lường
- * A. nó phản ánh sự thay đổi của đối tượng mà chỉ số đo lường chứ không phải do ảnh hưởng của các yếu tố khác.
- E. số liệu đơn giản, dễ thu thập, đặc biệt là đối với cán bộ y tế xã.
- C. nó không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gây nhiễu và không bị điều chỉnh số liệu, mọi người khi sử dụng cùng một chỉ số đều có nhận định giống nhau
- D. nó phản ánh đúng bản chất của một vấn đề sức khỏe tồn tại trong cộng đồng, có tính thống nhất.

43. Nguồn cung cấp thông tin y tế hiện nay:

- E. Các báo cáo của khoa, phòng của bệnh viện thường có đầy đủ những thông tin về những nhu cầu và hoàn cảnh sống của người bệnh.
- A. Việc thông báo tình hình bệnh nhân về địa phương hiện nay của các cơ sở điều trị tư nhân là rất đầy đủ nên công tác thu thập thông tin về bệnh tật ở cộng đồng gặp nhiều thuận lợi.
- B. Một ưu điểm trong công tác thống kê ở tuyến xã là có thể nắm chắc số bệnh nhân, loại bệnh trong địa bàn đang quản lý .
- * C. Nguồn thông tin y tế thu thập tại các bệnh viện là rất đáng tin cậy vì số bệnh nhân được quản lý chặt chẽ

- D. Phần lớn người dân khi ốm đau đều đến khám chữa bệnh tại trạm y tế xã nên thông tin y tế trên địa bàn là rất đầy đủ.

44. Các nguồn cung cấp thông tin y tế hiện nay bao gồm:

- C. nguồn cung cấp thông tin y tế ở trạm y tế, ở bệnh viện, ở các cơ sở thống kê y tế
- D. nguồn cung cấp thông tin y tế ở bệnh viện, ở các cơ sở thống kê y tế, hệ thống sổ sách, biểu mẫu của Bộ Y tế ban hành
- A. nguồn cung cấp thông tin y tế ở tuyến cơ sở, ở y tế tư nhân, hệ thống sổ sách, biểu mẫu của Bộ Y tế ban hành
- B. nguồn cung cấp thông tin y tế ở trạm y tế, ở y tế tư nhân, ở các cơ sở thống kê y tế
- * E. nguồn cung cấp thông tin y tế ở tuyến cơ sở, ở bệnh viện, ở khu vực y tế tư nhân

45. Câu nào sau đây sai khi nói về tình hình thu thập thông tin y tế ở nước ta hiện nay:

- * C. Đã có đủ tài liệu hướng dẫn về thống kê y tế như “ Hướng dẫn ghi các biểu mẫu, “ Từ điển chỉ số thống kê y tế cơ bản”.
- A. Chưa xây dựng được một hệ thống báo cáo thống nhất
- D. Chỉ dùng máy tính bỏ túi là phổ biến, chưa sử dụng hệ thống máy vi tính trong quản lý dữ liệu y tế.
- E. Còn nhiều số liệu sức khỏe đã điều tra thu thập nhưng y tế cơ sở chưa xử lý được
- B. Số cán bộ ít mà phải thực hiện nhiều báo cáo trong cùng một thời gian nên đã ảnh hưởng đến chất lượng số liệu báo cáo.

46. Nói về công tác lưu trữ, bảo quản và sử dụng thông tin y tế thì:

- B. Ta không thể dùng thông tin sơ cấp (secondary data) để phục vụ công tác quản lý y tế
- * E. Thông tin thứ cấp là thông tin đã được cập nhật, tổng hợp và chỉnh lý trước khi sử dụng cho công tác quản lý.
- D. Thông tin sơ cấp ít tốn kém về công sức, thời gian, tài chính khi thu thập và được sử dụng nhiều hơn thông tin thứ cấp, do vậy phải tiến hành lưu trữ một cách thận trọng.
- A. Trong thực tế ít có sự chênh lệch về thời gian thu thập thông tin và thời điểm sử dụng thông tin đó.
- C. Vấn đề sức khỏe, bệnh tật thường thay đổi không đáng kể như số bệnh nhân nhập viện hàng ngày, số mắc lao mới phát hiện hàng tháng, số trẻ mới sinh ra trong năm.... những số liệu này được ghi chép lại trong các sổ thành thông tin thứ cấp

47. Bộ phận thống kê y tế ở các sở y tế có chức năng nhiệm vụ sau:

- D. Tổ chức đào tạo bổ túc chuyên môn nghiệp vụ và quản lý hệ thống thống kê tin học cho tất cả các tuyến.
- C. Dự báo xu thế phát triển các mặt hoạt động chuyên môn y tế và xu thế bệnh tật, tử vong phục vụ cho định hướng phát triển trước mắt và lâu dài của đất nước.
- * E. Tổ chức xây dựng mạng lưới thống kê - tin học trong tỉnh, thành phố, cung cấp thông tin y tế trong địa phương, từng bước hiện đại hóa tiến tới thí điểm xử lý điều hành thông tin y tế trên mạng.

- A. Tổ chức xây dựng mạng lưới thống kê-tin học, truyền tin ngành y tế từ trung ương đến địa phương.
- B. Là cơ quan duy nhất có quyền ban hành và quản lý sổ sách, biểu mẫu báo cáo thống kê của ngành y tế, thống nhất và chuẩn hóa biểu mẫu thống kê, sổ sách ghi chép ban đầu và phần mềm tin học chuyên dụng.

48. Câu nào sau đây sai trong phương hướng khắc phục công tác quản lý thông tin y tế hiện nay:

- A. Cải tiến, sửa đổi hệ thống sổ sách, biểu mẫu và báo cáo
- E. Xây dựng thí điểm hệ thống thông tin y tế hộ gia đình
- * B. Cần thiết lập hệ cơ sở dữ liệu riêng cho dân số và y tế
- D. Lập hệ thống giám sát : xây dựng hệ thống và qui chế hoạt động giám sát về quản lý thông tin y tế, có kế hoạch giúp đỡ tuyến dưới về công tác thống kê, báo cáo.
- C. Xây dựng và củng cố mạng lưới y tế thôn bản

BÀI GIẢNG QUAN ĐIỂM Y TẾ

13. Quan điểm đổi mới của Đảng có từ năm nào ?

- B. 1990
- E. 1993
- * A. 1986.
- D. 1992
- C. 1991

14. Từ thời kỳ cải tạo , xây dựng XHCN ở miền Bắc và sau đó là thời kỳ đấu tranh giải phóng miền Nam cho đến nay (2003).Những quan điểm cơ bản nào của ngành y tế hầu như không thay đổi, ngoại trừ :

- C. Phòng bệnh hơn chữa bệnh
- D. Quần chúng.
- * E. Phục vụ nhiệm vụ chính trị xã hội qua các thời kỳ
- A. Dự phòng bệnh tật.
- B. Kết hợp Đông Tây y.

15. Từ thời kỳ cải tạo , xây dựng XHCN ở miền Bắc và sau đó là thời kỳ đấu tranh giải phóng miền Nam cho đến năm 2003.Những quan điểm cơ bản nào của ngành y tế mới được xuất hiện trong thời kỳ đổi mới

- A. Đa dạng hóa các hình thức y tế.
- B. Xã hội hóa y tế.
- C. Tính quần chúng và phổ cập y tế
- E. Tư nhân hóa y tế .
- * D. Đa dạng hóa các hình thức y tế, xã hội hóa y tế .

16. Cơ sở hình thành các quan điểm y tế Việt nam, ngoại trừ:

- * E. Cơ chế bao cấp toàn bộ trong y tế
- A. Cơ sở thực tiễn về y tế của Việt nam.
- C. Luận điểm và nguyên lý y tế XHCN.
- D. Quan điểm y tế Việt nam là quan điểm của Đảng Cộng sản Việt nam về việc CSSKND.
- B. Cơ sở khoa học (Khoa học tự nhiên và xã hội)

17. Quan điểm truyền thống Việt nam về y tế hình thành trong giai đoạn nào :

- C. 1959-1975.
- A. 1945-1954-->phuong huong
- E. 1986 đến nay
- * D. 1975-1986
- B. 1954-1959.

18. Phương châm y tế Việt nam được hình thành trong giai đoạn:

- C. 1959-1975.
- D. 1975-1986.
- E. 1986 đến nay
- A. 1945-1954
- * B. 1954-1959.

19. Các nguyên tắc y tế Việt nam được hình thành trong giai đoạn:

- D. 1975-1986.
- E. 1986 đến nay
- * C. 1959-1975.
- B. 1954-1959.
- A. 1945-1954

20. Quan điểm đổi mới về y tế Việt nam được hình thành trong giai đoạn:

- C. 1959-1975.
- A. 1945-1954
- * D. 1975-1986.--->điên
- B. 1954-1959.
- E. 1986 đến nay

21. Quan điểm đổi mới của ngành y tế là quan điểm của đảng được chính thức đề ra từ đại hội đảng nào :

- D. Đại hội VIII
- A. Đại hội V.
- * C. Đại hội VII -->?????
- B. Đại hội VI
- E. Đại hội IX

22. Trong các nội dung sau đây thì nội dung nào là mới nhất trong quan điểm của ngành :

- D. Công bằng xã hội.
- B. Thỏa mãn nhu cầu của cộng đồng và xã hội.
- * E. Đa dạng hóa các hình thức y tế
- A. Dự phòng hiện đại.
- C. Hiện đại hóa các phương tiện chữa bệnh.

23. Trong nội dung các quan điểm sau đây thì nội dung nào mới nhất :

- A. Dự phòng hiện đại.
- B. Thỏa mãn nhu cầu của cộng đồng và xã hội.
- * E. Xã hội hóa y tế .
- C. Hiện đại hóa các phương tiện chữa bệnh.
- D. Công bằng xã hội.

24. Luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin về sức khỏe nhân dân, ngoại trừ :

- C. Con người quan hệ mật thiết với tự nhiên và xã hội.
- * E. Hiện đại hóa và cổ phần hóa các phương tiện chữa bệnh
- D. Trách nhiệm của nhà nước về vấn đề sức khỏe của nhân dân.
- B. Chỉ rõ các điều kiện cơ bản mà cá nhân và xã hội phải bảo đảm mới có sức khỏe.
- A. Nội dung công tác y tế phụ thuộc vào phương thức sản xuất xã hội và mức độ phát triển của lực lượng sản xuất.

25. Sức khỏe là vấn đề quan tâm của nhà nước , đó là nguyên lý cơ bản về y tế của :

- C. Các nước theo định hướng tư bản chủ nghĩa
- A. Tư bản chủ nghĩa.
- D. Các nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa
- E. Của mọi nhà nước.
- * B. Xã hội chủ nghĩa.

26. Nguyên lý cơ bản của y tế XHCN :??????

- D. Y tế phải bảo vệ , chăm sóc sức khỏe BMTE ; các hoạt động phải dựa trên cơ sở khoa học kỹ thuật
- * E. Đóng góp viện phí trong khám chữa bệnh
- C. Tất cả mọi công dân đều được quyền chữa bệnh và chữa bệnh với chất lượng chuyên môn cao, chữa bệnh và điều dưỡng không mất tiền.
- A. Vấn đề SK nhân dân là trách nhiệm của công dân của nhà nước và toàn xã hội.
- B. Dự phòng y tế là phương hướng chính.

27. Các nguyên lý y tế XHCN trên cơ bản hoàn toàn đúng đắn, tuy nhiên trong giai đoạn đổi mới cần vận dụng sáng tạo nguyên lý nào :

- A. Vấn đề SK nhân dân là trách nhiệm của công dân của nhà nước và toàn xã hội.
- * E. Các hoạt động y tế phải dựa trên cơ sở KHKT.

- B. Dự phòng y tế là phương hướng chính.
- C. Tất cả mọi công dân đều được quyền chữa bệnh và chữa bệnh với chất lượng chuyên môn cao, chữa bệnh và điều dưỡng không mất tiền.
- D. Y tế phải bảo vệ , chăm sóc sức khỏe BMTE .

28. Nguyên lý thứ III của y tế xã hội chủ nghĩa đúng ở các khía cạnh nào nhất, ngoại trừ :

- B. Tiến tới thực hiện bảo hiểm toàn dân.
- * E. Tiếp tục bao cấp trong khám chữa bệnh
- D. Đóng góp một phần viện phí.
- A. Coi trọng đối tượng chính sách.
- C. Chú ý công bằng xã hội.

29. Bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em không chỉ là nhiệm vụ quan trọng để bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em mà còn là :

- C. Xây dựng tổ quốc hòa bình.
- * A. Thực hiện cuộc cách mạng triệt để để giải phóng phụ nữ và bảo vệ trẻ em
- B. Bảo vệ thế hệ tương lai.
- D. Bảo vệ an ninh tổ quốc.
- E. Xây dựng nguồn nhân lực.

30. Chiến lược con người là, ngoại trừ :

- E. Động lực của phát triển
- C. Tăng trưởng kinh tế phải phát triển nguồn nhân lực.
- D. Nhân tố phát triển nguồn nhân lực (Tri thức + Sức khỏe + Môi trường sống + có việc làm + con người được giải phóng)
- * A. Phát triển kinh tế
- B. Mục tiêu của phát triển.

31. Quan điểm quần chúng của ngành y tế gồm các nội dung cơ bản, ngoại trừ :

- C. Tranh thủ sự viện trợ và hợp tác quốc tế cùng có lợi để phát triển ngành y tế.
- A. Tự lực tự cường.
- * E. Phát triển kỹ thuật cao
- B. Dựa vào quần chúng.
- D. Kiên trì vận động quần chúng.

32. Nội dung quan điểm quần chúng giai đoạn trước năm 1975 nhấn mạnh, ngoại trừ :

- C. Tranh thủ sự viện trợ vô tư của các nước XHCN.
- A. Tự lực tự cường.
- E. Dựa vào quần chúng.
- D. Kiên trì đi theo đường lối quần chúng.
- * B. Bảo hiểm y tế cho người nghèo

33. Nội dung quan điểm quần chúng trong giai đoạn hiện nay :

- E. Tranh thủ ngoại lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất ngành y tế.
- * C. Phát huy nội lực và dựa vào quần chúng, quan hệ đa phương đa dạng với bạn bè quốc tế
- D. Phát huy nội lực để xây dựng cơ sở vật chất của ngành.
- B. Dựa vào quần chúng , quan hệ đa phương đa dạng với bạn bè quốc tế
- A. Phát huy nội lực.

34. Quan điểm lựa chọn hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe nhân dân của ngành gồm:

- * E. Hiệu quả về kinh tế, y tế và xã hội
- C. Hiệu quả xã hội.
- A. Hiệu quả kinh tế.
- D. Hiệu quả kinh doanh sản xuất.
- B. Hiệu quả y tế .

35. Quan điểm về hiệu quả kinh tế gồm, ngoại trừ :

- D. Tăng hiệu quả điều trị và dự phòng trên ngân sách phân bổ.
- A. Hiệu quả trong SX kinh doanh hàng hóa và dịch vụ tế.
- E. Góp phần tăng trưởng kinh tế
- B. Chi phí giảm lợi nhuận tăng
- * C. Không chú trọng kinh tế, ưu tiên đầu vào

36. Quan điểm về hiệu quả y tế gồm, ngoại trừ :

- C. Giảm gánh nặng bệnh tật.cho cộng đồng.
- B. Chỉ số về thể lực được nâng cao.
- * E. Chú trọng nhân lực y tế
- A. Chỉ số về sức khỏe được cải thiện.
- D. Giảm gánh nặng về tử vong cho cộng đồng.

37. Quan điểm về hiệu quả xã hội gồm, ngoại trừ :

- C. Giảm các chi phí về tử vong, bệnh tật, mất sức lao động
- * E. Đầu tư trang thiết bị y tế
- A. Tăng sức lao động xã hội.
- D. Góp phần phát triển kinh tế xã hội.
- B. Tăng tuổi thọ.

38. Quan điểm về thị trường kinh tế y tế là mối quan hệ giữa con người và con người nhằm xác định giá cả và quyết định các dịch vụ y tế và :

- * D. Đông Tây kết hợp --->???
- C. Dịch vụ y tế là một thứ hàng hóa có giá trị và giá trị sử dụng.
- A. Phân phối nguồn nhân lực y tế
- B. Tiến đến bảo hiểm toàn dân
- E. Phát triển kỹ thuật cao

39. Quan điểm thị trường y tế là :

- B. Thị trường hoàn hảo.
- A. Thị trường không hoàn hảo.
- * E. Thị trường không hoàn hảo và đặc biệt đầy nhân tính
- C. Thị trường không nhân tính.
- D. Thị trường đặc biệt đầy nhân tính.

40. Quan điểm cho rằng sự cạnh tranh của thị trường y tế là :

- E. Hướng tới tự do cạnh tranh.
- * B. Hướng tới tự do cạnh tranh và cạnh tranh về uy tín và đạo đức
- A. Tự do cạnh tranh.
- C. Cạnh tranh về mặt giá cả và lợi nhuận.
- D. Cạnh tranh về uy tín và đạo đức.

41. Mặt tích cực của quan điểm về kinh tế thị trường nói chung, ngoại trừ :

- D. Khẳng định lớp người mới.
- * E. Cạnh tranh y tế không lành mạnh
- A. Kích thích mọi nguồn lực, mọi tiềm năng.
- B. Năng động sáng tạo.
- C. Thử thách bản lĩnh và tài trí con người.

42. Mặt tiêu cực của quan điểm về kinh tế thị trường nói chung, ngoại trừ :

- C. Kích thích tâm lý hoài nghi xã hội.
- B. Kích thích tâm lý làm giàu bất chính.
- A. Phân hóa giàu nghèo.
- D. Kích thích tâm lý thích dùng hàng ngoại, tệ nạn xã hội.
- * E. Cạnh tranh lành mạnh giữa y tế công và tư

43. Quan điểm y tế trong cơ chế thị trường là, ngoại trừ :

- B. Thỏa mãn nhu cầu của mọi người về y tế.
- * E. Ưu tiên bệnh nhân lựa chọn dịch vụ
- D. Chăm sóc các đối tượng khó khăn
- A. Coi trọng công bằng xã hội.
- C. Chăm sóc các đối tượng chính sách.

44. Quan điểm công bằng xã hội:

- A. Phân phối công bằng mọi người như nhau.
- C. Quan tâm người nghèo.
- E. Phân phối theo lao động.
- * D. Phân phối theo lao động và thực hiện chính sách xã hội và người nghèo.
- B. Quan tâm chính sách xã hội.

45. Quan điểm đổi mới nhất trong các quan điểm CSSKND là:

- * E. Thực hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm” .Đa dạng hóa các hình thức CSSKND trong đó nhà nước là chủ đạo.
- B. Dự phòng tích cực.
- D. CSSKND là trách nhiệm của cộng đồng, của cá nhân, của cấp ủy chính quyền, của xã hội trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt.
- A. Sức khỏe là vốn quý nhất của con người và toàn xã hội...
- C. Kết hợp Đông Tây Y.

46. Quan điểm truyền thống nhất trong các quan điểm CSSKND là:

- E. Thực hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”, đa dạng hóa các hình thức CSSKND trong đó nhà nước là chủ đạo.
- D. CSSKND là trách nhiệm của cộng đồng, của cá nhân, của cấp ủy chính quyền, của xã hội trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt.
- B. Dự phòng tích cực.
- A. Sức khỏe là vốn quý nhất của con người và toàn xã hội.
- * C. Kết hợp Đông Tây Y.

47. Quan điểm truyền thống nhất trong các quan điểm CSSKND:

- * C. Dự phòng bệnh tật
- E. Thực hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”, đa dạng hóa các hình thức CSSKND trong đó nhà nước là chủ đạo.
- A. Sức khỏe là vốn quý nhất của con người và toàn xã hội...
- D. CSSKND là trách nhiệm của cộng đồng, của cá nhân, của cấp ủy chính quyền, của xã hội trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt.
- B. Sức khỏe là mối quan tâm hàng đầu của nhà nước.

48. Nhiệm vụ chính trị xã hội của y tế luôn được đặt ra hàng đầu trong các nội dung quan điểm y tế của Việt nam, Quan điểm phục vụ cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt ra vào thời kỳ :

- D. Từ 1975 - 1986.
- E. Từ 1986 - 2002
- A. Từ 1945 - 1954.
- * B. Từ 1954 - 1959.
- C. Từ 1959 - 1975.

49. Nhiệm vụ chính trị xã hội của y tế luôn được đặt ra hàng đầu trong các nội dung quan điểm y tế của Việt nam , Quan điểm phục vụ sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất tổ quốc được đặt ra vào thời kỳ :

- B. Từ 1954 - 1959.
- * C. Từ 1959 - 1975.
- A. Từ 1945 - 1954.
- D. Từ 1975 - 1986.

- E. Từ 1986 -2002

50. Nhiệm vụ chính trị xã hội của y tế luôn được đặt ra hàng đầu trong các nội dung quan điểm y tế của Việt nam , Quan điểm phục vụ sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng được đặt ra trong thời kỳ nào :

- E. Từ 1986 - 2002
- B. Từ 1954 - 1959.
- C. Từ 1959 - 1975.
- A. 1945 - 1954.
- * D. Từ 1975 - 1986.

51. Nhiệm vụ chính trị xã hội của y tế luôn được đặt ra hàng đầu trong các nội dung quan điểm y tế của Việt nam, Quan điểm đổi mới được chính thức hình thành từ những năm nào :

- E. 1995 -2000.
- * D. 1991 -1995????
- B. 1975 -1986.
- C. 1986 -1991.
- A. 1959 -1975.

52. Quan điểm kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại (thuốc Tây và thuốc ta) được chính thức có từ giai đoạn nào :

- B. 1959 -1975.
- D. 1986 -1990.
- E. 1990 -1995 .
- * A. 1954 -1959.
- C. 1975 -1986.

53. Quan điểm dự phòng bệnh tật của y tế Việt nam chính thức có từ những năm nào :

- D. 1975 -1986.
- * B. 1954 -1959.
- E. 1986 -2000.
- A. 1945 -1954.
- C. 1959 -1975 .

54. Quan điểm Chăm sóc sức khỏe nhân dân Việt nam phù hợp với quan điểm nào của thế giới :

- * A. Quan điểm Chăm sóc sức khỏe ban đầu của tổ chức y tế thế giới.
- D. Quan điểm chăm sóc sức khỏe trong cơ chế thị trường hoàn hảo.
- E. Không theo quan điểm nào cả.
- C. Quan điểm đầu tư cho khuynh hướng dự phòng hiện đại.
- B. Quan điểm Đầu tư cho khuynh hướng chữa bệnh hiện đại.

55. Quan điểm triết đề của y tế Việt nam :

- * E. Gồm tất cả A,B,C,D
- D. Tuổi thọ được nâng cao.
- C. Người dân ít bệnh tật nhất.
- B. Sức khỏe người dân tốt nhất.
- A. Thể lực người dân tốt nhất.

56. Quan điểm của y tế Việt nam hiện nay theo quan điểm chung nào sau đây :

- E. Không theo quan điểm nào cả.
- C. Sức khỏe thể lực bệnh tật là vấn đề của mỗi cá nhân nhà nước không cần quan tâm.
- * D. Dự phòng hiện đại phát triển cùng với nền văn hóa xã hội.
- B. Coi trọng vai trò dự phòng tự nhiên.
- A. Phát triển nhiều bệnh viện để thu hút nhiều bệnh nhân.

57. Quan điểm muốn xây dựng ngành y tế vững mạnh cần phải xây dựng tuyến y tế:

- * D. Y tế cơ sở.
- A. Y tế trung ương.
- B. Y tế địa phương chủ yếu là tuyến tỉnh.
- C. Y tế huyện quận.
- E. Y tế thôn bản.

58. Những quan điểm nào xuyên suốt cả quá trình lịch sử của đất nước:

- D. Quần chúng.
- * E. Gồm tất cả A,B,C,D
- A. Phục vụ mục tiêu xã hội qua các thời kỳ lịch sử của đất nước.
- B. Dự phòng.
- C. Kết hợp Đông Tây y.

59. Những quan điểm nào xuất hiện trong thời kỳ đổi mới khi đất nước ta bước sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- B. Dự phòng tích cực, hiện đại.
- C. Xây dựng nền y học Việt nam XHCN biết kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.
- D. Quần chúng.
- A. Phục vụ mục tiêu xã hội.
- * E. Xã hội hóa y tế .

60. Những quan điểm nào xuất hiện trong thời kỳ đổi mới khi đất nước ta bước sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- E. Phục vụ mục tiêu xã hội.
- D. Quần chúng
- * A. Đa dạng hóa các hình thức y tế.
- C. Xây dựng nền y học Việt nam XHCN biết kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.
- B. Dự phòng tích cực, hiện đại.